

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN HỒNG VINH

QUẢN LÝ MÔ HÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC MỚI
Ở HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2017

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN HỒNG VINH

**QUẢN LÝ MÔ HÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC MỚI
Ở HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 60.14.01.14

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. PHẠM HỒNG QUANG

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trước đây.

Thái Nguyên, ngày 9 tháng 7 năm 2017

Tác giả luận văn

Nguyễn Hồng Vinh

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tôi xin cảm ơn các thầy cô giáo trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã trực tiếp giảng dạy, tư vấn tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới nhà giáo Giáo sư, Tiến sĩ Phạm Hồng Quang, người đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ tôi về khoa học trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu hoàn thành luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các cán bộ lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Hiệp Hòa, Ban Giám hiệu các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi học tập, nghiên cứu khoa học, cung cấp số liệu, tham gia ý kiến giúp đỡ để tôi hoàn thành luận văn.

Do điều kiện thời gian và phạm vi nghiên cứu có hạn, nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự chỉ dẫn, góp ý của các nhà khoa học, quý thầy cô giáo và các bạn bè đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày 9 tháng 7 năm 2017

Tác giả luận văn

Nguyễn Hồng Vinh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.....	3
4. Giả thuyết khoa học	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	3
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Cấu trúc luận văn.....	5
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ MÔ HÌNH TRƯỜNG	
HỌC MỚI (VNEN) Ở BẬC TIỂU HỌC	6
1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu.....	6
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài.....	6
1.1.2. Những nghiên cứu trong nước.....	8
1.2. Một số khái niệm có liên quan đến đề tài.....	11
1.2.1. Quản lý.....	11
1.2.2. Mô hình.....	12
1.2.3. Trường tiểu học	12
1.2.4. Mô hình trường tiểu học mới (VNEN).....	13
1.2.5. Quản lý mô hình trường tiểu học mới	13
1.3. Một số vấn đề về mô hình trường tiểu học mới	14

1.3.1. Vị trí, vai trò của trường tiểu học trong hệ thống giáo dục quốc dân	14
1.3.2. Đặc điểm của mô hình trường tiểu học mới	16
1.3.3. Những yêu cầu đối với trường tiểu học mới	21
1.4. Quản lý mô hình trường tiểu học mới	23
1.4.1. Quản lý thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục theo mô hình VNEN ...	23
1.4.2. Quản lý kế hoạch dạy học theo mô hình trường học mới	24
1.4.3. Quản lý hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh theo mô hình trường học mới	25
1.4.4. Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá theo mô hình trường học mới	26
1.4.5. Quản lý cơ sở vật chất , thiết bị phục vụ hoạt động dạy học , giáo dục theo mô hình trường tiểu học mới	27
1.4.6. Quản lý mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội theo mô hình trường tiểu học mới	28
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý mô hình trường học mới ở bậc tiểu học	28
1.5.1. Các yếu tố chủ quan.....	28
1.5.2. Các yếu tố khách quan.....	29
Kết luận chương 1.....	30
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ MÔ HÌNH TRƯỜNG TIỂU	
HỌC MỚI Ở HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.....	
2.1. Khái quát về giáo dục tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc giang	31
2.1.1. Mạng lưới trường, lớp tiểu học.....	31
2.1.2. Chất lượng giáo dục tiểu học.....	31
2.1.3. Đội ngũ CBQL, giáo viên bậc tiểu học	32
2.1.4. Triển khai thực hiện mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa , tỉnh Bắc Giang.....	33
2.2. Tổ chức hoạt động khảo sát.....	36
2.2.1. Mục đích khảo sát.....	36
2.2.2. Địa bàn và quy mô khảo sát	36

2.2.3. Nội dung khảo sát	36
2.2.4. Phương pháp khảo sát.....	36
2.3. Kết quả khảo sát	37
2.3.1. Thực trạng thực hiện mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	37
2.3.2. Thực trạng quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	52
2.3.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	63
2.4. Đánh giá chung về thực trạng quản lý mô hình VNEN ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	64
2.4.1. Ưu điểm	65
2.4.2. Những tồn tại	66
2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại.....	67
Kết luận chương 2.....	69
Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ MÔ HÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC MỚI Ở HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.....	70
3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp	70
3.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu.....	70
3.1.2. Đảm bảo tính hệ thống.....	70
3.1.3. Đảm bảo tính đồng bộ	71
3.1.4. Đảm bảo tính kế thừa.....	71
3.1.5. Đảm bảo tính hiệu quả, khả thi.....	72
3.2. Biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	73
3.2.1. Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV, HS, CMHS và cộng đồng về mô hình trường tiểu học mới	73
3.2.2. Tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBQL , GV đáp ứng theo mô hình trường tiểu học mới.....	75

3.2.3. Chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn trong trường , cụm trường theo hướng nghiên cứu bài học	79
3.2.4. Đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên theo định hướng phát triển năng lực học sinh.....	82
3.2.5. Đổi mới cách thức tổ chức hoạt động học tập , giáo dục của học sinh theo định hướng phát triển năng lực.....	85
3.2.6. Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường , gia đình và cộng đồng trong việc quản lý mô hình trường tiểu học mới	88
3.2.7. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nhà trường để xây dựng CSVN, các điều kiện phục vụ dạy học đáp ứng yêu cầu mô hình trường tiểu học mới.....	90
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp trong quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	92
3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp	94
Kết luận chương 3.....	98
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	99
1. Kết luận.....	99
2. Khuyến nghị.....	100
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	102
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BD	: Bồi dưỡng
BCTX	: Bồi dưỡng thường xuyên
BGH	: Ban giám hiệu
CBQL	: Cán bộ quản lý
CMHS	: Cha mẹ học sinh
CSVC	: Cơ sở vật chất
DH	: Dạy học
GD&ĐT	: Giáo dục và Đào tạo
GV	: Giáo viên
GVCN	: Giáo viên chủ nhiệm
HĐTQHS	: Hội đồng tự quản học sinh
HS	: Học sinh
HT	: Hiệu trưởng
KT- XH	: Kinh tế - xã hội
NCBH	: Nghiên cứu bài học
NGLL	: Ngoài giờ lên lớp
PHHS	: Phụ huynh học sinh
PPDH	: Phương pháp dạy học
SHCM	: Sinh hoạt chuyên môn
TBDH	: Thiết bị dạy học
TCM	: Tổ chuyên môn
TH	: Tiểu học
THM	: Trường học mới
TLHDHT	: Tài liệu hướng dẫn học tập
TNST	: Trải nghiệm sáng tạo
TTCM	: Tổ trưởng chuyên môn

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Quy mô trường, lớp cấp tiểu học huyện Hiệp Hòa	31
Bảng 2.2.	Xếp loại KT - KN học sinh cấp tiểu học huyện Hiệp Hòa	31
Bảng 2.3.	Xếp loại năng lực học sinh cấp tiểu học huyện Hiệp Hòa	32
Bảng 2.4.	Xếp loại phẩm chất học sinh cấp tiểu học huyện Hiệp Hòa	32
Bảng 2.5.	Quy mô số lớp , số HS của 11 trường TH ở huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang áp dụng mô hình trường học mới.....	33
Bảng 2.6.	Đội ngũ CBQL, giáo viên tham gia giảng dạy theo mô hình VNEN..	34
Bảng 2.7.	Hoàn thành tập huấn VNEN ở các trường TH huyện Hiệp Hòa năm học 2015- 2016	35
Bảng 2.8.	Nhận thức của CBQL, GV, CMHS về mô hình trường học mới VNEN...	37
Bảng 2.9.	Thực trạng số lượng GV đã được tham gia tập huấn, bồi dưỡng các chuyên đề	39
Bảng 2.10.	Thực trạng bồi dưỡng năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho giáo viên	41
Bảng 2.11.	Mức độ cải thiện năng lực dạy học theo mô hình trường học mới sau khi tham gia bồi dưỡng.....	43
Bảng 2.12.	Thông tin triển khai mô hình VNEN của 11 trường tiểu học	44
Bảng 2.13.	Các môn học tổ chức trong lớp học VNEN của 11 trường tiểu học ..	45
Bảng 2.14.	Khảo sát thực trạng thực hiện hoạt động giảng dạy của GV thuộc 5 trường TH huyện Hiệp Hòa áp dụng mô hình VNEN	46
Bảng 2.15.	Thực trạng thực hiện quy trình 5 bước tổ chức dạy học của giáo viên theo mô hình VNEN	47
Bảng 2.16.	Thực trạng thực hiện hoạt động học tập của học sinh ở 5 trường TH theo mô hình VNEN	49
Bảng 2.17.	Thực trạng thực hiện quy trình 10 bước học tập của HS theo mô hình VNEN.....	50

Bảng 2.18. Thực trạng thực hiện mục tiêu , chương trình giáo dục theo mô hình VNEN.....	52
Bảng 2.19. Thực trạng thực hiện kế hoạch dạy học theo mô hình VNEN.....	54
Bảng 2.20. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giáo viên theo mô hình trường học VNEN	56
Bảng 2.21. Thực trạng quản lý hoạt động học của HS theo mô hình VNEN .	57
Bảng 2.22. Thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá theo mô hình VNEN.....	59
Bảng 2.23. Thực trạng quản lý CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục theo mô hình VNEN	60
Bảng 2.24. Thực trạng quản lý mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội theo mô hình VNEN.....	62
Bảng 2.25. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý mô hình trường tiểu học mới	63
Bảng 3.1. Tổng hợp khảo sát mức độ cấp thiết của các biện pháp quản lý	95
Bảng 3.2. Tổng hợp khảo sát tính khả thi của các biện pháp quản lý	96

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH

Biểu đồ:

- Biểu đồ 3.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp 94
- Biểu đồ 3.2. Biểu đồ kết quả khảo sát tính cần thiết của các biện pháp..... 97
- Biểu đồ 3.3. Biểu đồ kết quả khảo sát tính khả thi của các biện pháp 97

Hình:

- Hình 2.1. Ảnh chụp hoạt động học tập ở một số trường tiểu học
huyện Hiệp Hòa.....51

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việc chuyển đổi mục tiêu giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học là một trong những nội dung quan trọng của đề án đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT hiện nay. Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Ban chấp hành Trung Ương Đảng khóa XI khẳng định: *“Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học”*. Mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông sẽ là: *“Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời...”* [16, trang 103].

Muốn làm được điều này thì: *“Phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực...”*. [16, trang 103].

Từ yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất cho người học, đặt ra yêu cầu phải thay đổi cách dạy và cách học. Trong dạy học cần phải biết đổi mới phương pháp, đặt hoạt động dạy học trong mối liên hệ với thế giới thực, tạo điều kiện cho học sinh được trải nghiệm, sáng tạo. Dạy học phải liên hệ thực tiễn, bắt đầu từ thực tiễn, nhưng phải chú ý phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực khái quát hóa cho học sinh, để giúp các em khi đứng trước các vấn đề mới có thể chủ động tìm được cách giải quyết phù hợp. Vì vậy đòi hỏi giáo viên cũng phải phát triển những năng lực nhất định, đảm bảo những yêu cầu về kỹ năng sư phạm được quy định trong chuẩn nghề nghiệp mới thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học.

Trong những năm gần đây, thực hiện định hướng đổi mới căn bản và toàn diện, ngành GD&ĐT huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã mạnh dạn đưa mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN) vào trong các trường tiểu học trên địa bàn huyện. Được bắt đầu triển khai thí điểm từ năm học 2012 - 2013 với 02 trường tiểu học, cho đến năm học 2015 - 2016 tiếp tục nhân rộng 9 trường tiểu học trên địa bàn huyện Hiệp Hòa. Việc triển khai mô hình trường học mới đã kéo theo nhiều nội dung đổi mới: đổi mới phương pháp dạy, đổi mới phương pháp học, đổi mới phương pháp đánh giá học sinh, đổi mới cách tổ chức lớp học, đổi mới về tài liệu dạy học, về mối quan hệ với cha mẹ học sinh và cộng đồng. Vai trò của giáo viên và học sinh có sự thay đổi lớn: Thầy không còn là người truyền đạt kiến thức có sẵn, cung cấp chân lí có sẵn mà là người định hướng, tổ chức các hoạt động để học sinh tự mình khám phá ra kiến thức cùng với cách tìm ra và áp dụng kiến thức đó vào trong thực tiễn. Mô hình trường tiểu học mới đặt ra vấn đề phải thay đổi cách quản lý đối với cả giáo viên đứng lớp và đội ngũ cán bộ quản lý trong nhà trường.

Để có thể áp dụng thành công mô hình VNEN tại ở hầu hết các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, việc nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp quản lý theo mô hình VNEN ở các trường TH hiện nay là một đòi hỏi cấp bách bởi mô hình có nhiều điểm tích cực, tạo được môi trường giáo dục thân thiện, dân chủ trong nhà trường và lớp học; HS tích cực, tự lực, tự quản trong học tập; mối liên hệ giữa nhà trường với CMHS và cộng đồng được tăng cường. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai mô hình VNEN, một số trường TH trên địa bàn huyện Hiệp Hòa chưa được chuẩn bị chu đáo, một bộ phận ngại đổi mới hoặc áp dụng mô hình một cách máy móc, việc triển khai nóng vội, áp dụng ngay cả ở những trường còn khó khăn về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, sĩ số lớp học đông nên chưa tạo được hiệu quả mong đợi. Vì lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu ***“Quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang”*** làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, từ đó đề xuất một số biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học mới trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu đánh giá đúng thực trạng và đề xuất được các biện pháp để duy trì và nâng cao chất lượng mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang dựa trên các cơ sở lý luận phù hợp, tập trung khắc phục các hạn chế trong thực hiện thì sẽ góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện ở các trường tiểu học nói chung và các trường tiểu học trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nói riêng.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý mô hình trường tiểu học mới

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng về công tác quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

5.3. Đề xuất biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Về nội dung: Mô hình trường tiểu học mới mà luận văn đề cập đến là mô hình trường học VNEN.

6.2. Về địa bàn khảo sát : Tiến hành khảo sát tại 2 trường dự án (TH Hoàng Vân, TH Xuân Cẩm) và 3 trường nhân rộng (TH Thị Trấn, TH Thường Thắng, TH Đức Thắng 1).

6.3. Về đối tượng khảo sát : Khảo sát 14 CBQL, 100 GV và 100 PHHS thuộc 2 trường dự án và 3 trường nhân rộng ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

Phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá các tài liệu khoa học liên quan đến vấn đề quản lý mô hình trường tiểu học mới và quản lý các hoạt động trong trường tiểu học, làm rõ các khái niệm công cụ và xây dựng khung lý thuyết làm luận cứ cho vấn đề nghiên cứu.

Thu thập thông tin về thực trạng quản lý mô hình trường tiểu học mới ở 2 trường dự án và 3 trường nhân rộng tại huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

7.2. Phương pháp điều tra xã hội học

Điều tra thực trạng các trường tiểu học áp dụng mô hình trường tiểu học mới trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu lưu trữ thống kê, hồ sơ quản lý.

Khảo sát thực tế bằng cách trao đổi , phỏng vấn, xây dựng bộ câu hỏi và phiếu điều tra ở 2 trường dự án và 3 trường nhân rộng áp dụng mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa , tỉnh Bắc Giang cho đối tượng là CBQL , GV, HS và PHHS.

7.3. Phương pháp quan sát

Quan sát có chủ định các hoạt động và những vấn đề có liên quan đến hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh, hoạt động tổ chức lớp học... của GV và HS ở 2 trường dự án và 3 trường nhân rộng mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

7.4. Phương pháp chuyên gia

Xin ý kiến đánh giá của các nhà khoa học, CBQL nhà trường về thực trạng quản lý mô hình trường tiểu học mới tại 2 trường dự án và 3 trường nhân

rộng tại huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và đánh giá các biện pháp quản lý mà tác giả đề xuất.

7.5. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

Tổng kết các kinh nghiệm quản lý mô hình trường tiểu học mới trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc giang.

7.6. Nhóm các phương pháp hỗ trợ

Sử dụng thống kê toán học để xử lý các kết quả nghiên cứu , sử dụng phần mềm tin học để biểu đạt các kết quả nghiên cứu như bảng biểu , mô hình, sơ đồ, đồ thị, hình ảnh.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và khuyến nghị; Tài liệu tham khảo; Phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận của quản lý mô hình trường tiểu học mới .

Chương 2: Thực trạng quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chương 3: Biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI (VNEN) Ở BẬC TIỂU HỌC

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

Mô hình trường học mới - Escuela Nueva (EN) được hình thành từ những năm 70 - 80 của thế kỷ XX. Đây là mô hình nhà trường mới theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh, mô hình này có tầm ảnh hưởng rộng rãi tới giáo dục các nước vùng Caribe và hầu hết các nước Mỹ Latinh. Mô hình EN dựa trên năm nguyên tắc cơ bản: Lấy học sinh làm trung tâm; Nội dung học gắn bó chặt chẽ với đời sống hằng ngày của học sinh; Xếp lớp linh hoạt; Học sinh được lên lớp trên nếu được giáo viên đánh giá đạt được các mục đích tối thiểu; Phụ huynh và cộng đồng phối hợp chặt chẽ với giáo viên để giúp đỡ học sinh một cách thiết thực trong học tập.

Năm 1970 nhà giáo Vicky Colbert triển khai khởi nguồn mô hình trường học mới tại Côlômbia để dạy học trong những lớp ghép ở vùng miền núi khó khăn, theo nguyên tắc lấy HS làm trung tâm. Năm 2009 tại Hội nghị Giáo dục khu vực ở CEBU Philipin UNESCO, UNICEF & Ngân hàng thế giới giới thiệu mô hình trường học mới. Năm 2010, Bộ GD & ĐT Việt Nam cử đoàn tham quan mô hình tại Côlômbia và xây dựng Mô hình của Việt Nam. Dự án về Mô hình trường học mới tại Việt Nam (GPE -VNEN, Global Partnership for Education - Viet Nam Escuela Nueva) nhằm xây dựng và nhân rộng một kiểu mô hình nhà trường tiên tiến, hiện đại, phù hợp với mục tiêu phát triển và đặc điểm của giáo dục Việt Nam.

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới vào năm 1992 về các trường học của Colombia, trẻ em nghèo được giáo dục bằng cách thực hành thay vì học để thi, nhìn chung phát triển tốt hơn các bạn cùng lứa trong các trường học truyền thống.

Cũng theo một nghiên cứu của UNESCO năm 2000 cho thấy, bên cạnh Cuba, Colombia đã làm tốt nhất khu vực Mỹ La - Tinh trong việc giáo dục trẻ em nông thôn, nơi mà hầu hết các trường đều hoạt động theo mô hình này. Trẻ em nghèo ở các quốc gia đang phát triển bỏ học sau 1, 2 năm vì gia đình các em không nhìn thấy lợi ích ngay lập tức của giáo dục. Những đứa trẻ này muốn đi học hơn trẻ em ở các trường bình thường.

Theo ông Felipe Barrera-Osorio, Phó giáo sư giáo dục và kinh tế, Trường Giáo dục Harvard, Đại học Harvard, điều khiến cho mô hình này trở nên đặc biệt là do có rất ít mô hình sư phạm mới như Escuela Nueva được thực hiện có quy mô tại các quốc gia đang phát triển, như một bình luận mới đây trên tờ New York Time [dẫn theo 15].

Đầu những năm 90, các nhà nghiên cứu của Ngân hàng thế giới đã thu thập thông tin về cả Escuela Nueva và các trường truyền thống ở Colombia để so sánh. Gần một thập kỷ sau, một đánh giá tương tự đã được tiến hành bởi một nhà nghiên cứu của Đại học Stanford. Mới đây, một luận án tiến sĩ ở Đại học George Washington đã sử dụng dữ liệu từ hệ thống giáo dục và so sánh kết quả của HS ở mô hình Escuela Nueva với trường học truyền thống. Tất cả 3 nghiên cứu này đều cho thấy rằng HS của Escuela Nueva có kết quả tốt hơn so với HS ở trường truyền thống. Tuy nhiên, cả 3 nghiên cứu đều so sánh các trường và HS Escuela Nueva với trường học và HS truyền thống, hai đối tượng mà bản thân chúng đã khác nhau rất nhiều, ông Osorio đánh giá [dẫn theo 15].

Trước tiên, rất khó để khẳng định những quan điểm mới của mô hình này là nguyên nhân mang lại những kết quả tích cực. Nguyên nhân khác có thể là ở triết lý “học sinh tích cực” của mô hình Escuela Nueva. Một nguyên nhân khác có thể nằm ở những cuốn sách hướng dẫn: chúng cung cấp những hướng dẫn rõ ràng cho giáo viên, đồng thời cho phép HS học tập với tốc độ linh hoạt tùy khả năng của mình. Có lẽ, sự thành công là việc nhấn mạnh vào các kỹ năng như làm việc nhóm, trách nhiệm cá nhân. Có lẽ sự liên kết giữa các công ty tư nhân

(Liên đoàn Cà phê quốc gia) và các cơ quan giáo dục địa phương đã mang lại kết quả này.

1.1.2. Những nghiên cứu trong nước

Dự án mô hình trường học mới tại Việt Nam (Dự án GPE - VNEN, Global Partnership for Education - Việt Nam Escuela Nueva) là một dự án sư phạm nhằm xây dựng và nhân rộng một kiểu mô hình nhà trường tiên tiến, hiện đại, phù hợp với mục tiêu phát triển và đặc điểm của giáo dục Việt Nam. Các chuyên gia Dự án GPE - VNEN đã nghiên cứu xây dựng các tài liệu để triển khai dự án mô hình trường học mới tại Việt Nam. Đặc biệt là các tài liệu hướng dẫn hoạt động học giúp GV và HS dạy và học theo tinh thần của dự án. Các tài liệu cung cấp nhiều thông tin chi tiết về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá HS; Các thông tin về học tập tích cực có sự tham gia, hợp tác, phát triển kỹ năng giao tiếp của HS...Điều quan trọng hơn là GV hiểu được điều đó để giúp HS có kỹ năng tự học, phát triển các năng lực của HS... Qua đó nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy học ở trường tiểu học. Ở Việt Nam, Dự án mô hình VNEN bắt đầu thực hiện chính thức từ năm học 2012-2013. Số trường được thụ hưởng Dự án chỉ có 1447 trường, trong đó:

Nhóm I: gồm 20 tỉnh vùng núi khó khăn, có 1143 trường.

Nhóm II: Gồm 21 tỉnh trung bình, có 282 trường.

Nhóm III: Gồm 22 tỉnh thuận lợi, có 22 trường.

Đến năm học 2015 - 2016, ngoài 1447 trường của dự án, có thêm 2365 trường tiểu học của 54 tỉnh thành tự nguyện tham gia áp dụng mô hình.

So với mô hình truyền thống nặng về truyền thụ kiến thức có tính áp đặt, mô hình VNEN khắc phục được nhược điểm này, đảm bảo sự hài hòa giữa dạy chữ và dạy người. Có thể thấy sự khác biệt trên nhiều phương diện:

Thứ nhất, tài liệu dạy và học trong mô hình VNEN không phải sách giáo khoa mà là tài liệu “*Hướng dẫn học*” dùng chung cho GV, HS và CMHS.

Thứ hai, mô hình VNEN lấy “*Hoạt động học*” làm trung tâm, giáo viên không giảng giải, không truyền thụ kiến thức một chiều cho cả lớp nghe, mà tập trung theo dõi, hướng dẫn HS tự học và hỗ trợ kịp thời từng nhóm học sinh khi gặp khó khăn.

Thứ ba, tổ chức lớp học thay đổi căn bản, các em ngồi học theo nhóm linh hoạt, có nhóm trưởng luân phiên điều hành. Bên cạnh đó mô hình này chú trọng hoạt động tự giáo dục của HS, bao gồm tự quản, tự học, tự đánh giá.

Bộ GD&ĐT biên soạn cuốn “Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới tại Việt Nam”, “Dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam lớp 4 - tập 1” và cuốn “Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các trường thực hiện mô hình trường học mới tại Việt Nam”, cả ba cuốn tài liệu đều hướng dẫn chi tiết cách thức tổ chức lớp học, sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, tổ chức sinh hoạt tổ chức chuyên môn định kỳ cấp trường và cấp cụm trường.

Bài viết “Mô hình trường học mới tại Việt Nam (VNEN) xu thế của giáo dục hiện đại” của chuyên gia Đặng Tự Ân trong cuốn kỷ yếu hội thảo khoa học “Quản lý dạy học chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực: vấn đề và giải pháp” tổ chức tại Học viện Quản lý giáo dục xuất bản tháng 12 năm 2014 tác giả xin trích dẫn một số đánh giá về kết quả đạt được bước đầu của mô hình VNEN như sau:

Về thành tựu đạt được:

(i) Kết quả đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học, đổi mới đánh giá HS, đổi mới tổ chức lớp học của các trường áp dụng theo mô hình VNEN đã tác động mạnh và lan tỏa đến Giáo dục tiểu học và Giáo dục phổ thông trên phạm vi cả nước. Năm học 2014-2015 có 42 tỉnh, thành phố với gần 1.200 trường tiểu học tham gia triển khai áp dụng mô hình VNEN, bằng điều kiện hiện có của các trường và có sự hỗ trợ thêm nguồn lực từ chính quyền địa phương. *Đây có thể coi là sự bền vững chắc chắn của mô hình VNEN.*

(ii) Sau 2 năm, các trường trong mô hình VNEN đã thực hiện thí điểm đánh giá HS tiểu học, từ ngày 15-10-2014, trên cơ sở thực tế các trường thí

điểm, Bộ GD&ĐT đã ban hành thông tư 30/2014 về đánh giá HS tiểu học trong các trường trên toàn quốc. *Đây có thể coi là hiệu quả nhân rộng đánh giá HS có được từ mô hình VNEN.*

(iii) Tổ chức lớp học và tổ chức các hoạt động học tập trong các lớp học VNEN đã thay đổi cơ bản: môi trường học tập hằng ngày của HS; không khí lớp học sôi nổi, thoải mái; GV và HS luôn cảm thấy nhẹ nhàng, nhiều niềm vui, thấy giá trị và ý nghĩa mỗi khi tới lớp tới trường.

(iiii) Đại bộ phận GV, CBQL giáo dục và cộng đồng hết sức phấn khởi và tin tưởng đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học, chất lượng và hiệu quả của mô hình VNEN. Số lượng các trường tự nguyện áp dụng theo mô hình ngày càng tăng, năm học 2013-2014 có 20 tỉnh mở rộng áp dụng mô hình VNEN, với 257 trường. Năm học 2014-2015, có 48 tỉnh mở rộng với gần 1.200 trường.

Về thách thức trong tương lai.

(i) Do thay đổi cách tiếp cận trong giảng dạy và giáo dục của mô hình VNEN nên các thành tố đầu vào (môi trường, nguồn nhân lực, tài liệu,...) và quá trình (đổi mới dạy học, đánh giá HS và công tác quản lý,...) trong các nhà trường đều chưa đáp ứng đầy đủ, nhất là việc chuyển từ giảng dạy đồng loạt sang dạy học cá thể, nhiều điều kiện, nguồn lực không thể đảm bảo và đáp ứng.

(ii) Do mô hình truyền thống tồn tại khá lâu, nên sự thay đổi nhận thức trước khi thay đổi hành động trong ngành Giáo dục và cả xã hội còn hạn chế do vậy cần thêm thời gian và những chuyển biến mới và quyết tâm cao hơn nữa.

(iii) Mô hình đòi hỏi thêm thời gian cho quá trình học tập và cần năng lực của GV phải nâng lên đủ tầm với đòi hỏi của phương pháp dạy học và giáo dục mới. Đất nước ta còn nghèo, nên cần thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục để hỗ trợ các điều kiện còn thiếu của mô hình VNEN, phải đầu tư mạnh mẽ hơn nữa.

Tìm hiểu các báo cáo đánh giá thực hiện thí điểm mô hình VNEN tại một số địa phương đã nêu rất chi tiết quy mô trường, số lượng lớp, số HS, các ưu điểm và khó khăn còn tồn tại khi triển khai mô hình.

Tuy nhiên trong quá trình tìm kiếm và tham khảo các tài liệu tác giả nhận thấy hầu hết các tài liệu , công trình nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở mức khái quát chung công tác quản lý hoạt động dạy học ở các trường tiểu học áp dụng theo mô hình VNEN mà chưa đi sâu vào mô tả các quy trình nghiệp vụ quản lý hay các biện pháp quản lý cụ thể. Ngay ở các trường tiểu học áp dụng theo mô hình VNEN hiện nay công tác quản lý hoạt động dạy học được Hiệu trưởng nhà trường đặc biệt quan tâm nhưng các đề tài mô tả hoạt động quản lý này chỉ tồn tại dưới dạng tổng kết đúc rút kinh nghiệm trên báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.

Như vậy cho đến nay , theo những tài liệu mà tác giả có được thì vẫn chưa có những công trình đề cập đến công tác quản lý mô hình VNEN tại các trường tiểu học một cách đầy đủ và có hệ thống để làm cơ sở cho HT nhà trường thực hiện tốt vai trò của mình đối với hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường.

Do vậy trong khuôn khổ của luận văn này tác giả muốn đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn và trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp quản lý mô hình VNEN tại các trường tiểu học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục học sinh cho các trường tiểu học áp dụng theo mô hình trường học mới (VNEN) trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Một số khái niệm có liên quan đến đề tài

1.2.1. Quản lý

Quản lý là một khái niệm rộng bao gồm nhiều lĩnh vực, các nhà kinh tế thiên về quản lý nền sản xuất xã hội, các nhà luật học thiên về quản lý nhà nước, các nhà điều khiển học thiên về quan điểm hệ thống. Nên nhiều khái niệm về quản lý được đưa ra:

Theo tác giả Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc: *“Quản lý là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo (lãnh đạo) và kiểm tra”* [24, trang 103].

Theo Nguyễn Ngọc Quang: “*Quản lý là tác động có mục đích có kế hoạch của chủ thể quản lý đến tập thể những người lao động (nói chung là khách thể quản lý) nhằm thực hiện được những mục tiêu dự kiến*” [27, trang 104].

Như vậy, khái niệm QL thường được hiểu như sau:

Quản lý là sự tác động có ý thức thông qua kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra để chỉ huy, điều khiển các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người nhằm đạt đến mục tiêu đúng ý chí của người QL và phù hợp với quy luật khách quan.

1.2.2. Mô hình

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, thuật ngữ mô hình được hiểu theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng: 1) Theo nghĩa hẹp, mô hình là khuôn, mẫu, tiêu chuẩn theo đó mà chế tạo ra sản phẩm hàng loạt; là thiết bị, cơ cấu tái hiện hay bắt chước cấu tạo và hoạt động của cơ cấu khác (của nguyên mẫu hay cái được mô hình vì mục đích khoa học và sản xuất); 2) Theo nghĩa rộng, mô hình là hình ảnh (hình tượng, sơ đồ, sự mô tả,...) ước lệ của một khách thể (hay một hệ thống các khách thể, các quá trình hoặc hiện tượng). Như vậy: “*Mô hình là những yếu tố căn bản cấu thành sự vật. Nhờ các yếu tố này có thể dựng lại sự vật theo nguyên tắc chung khiến sự vật không bị biến đổi dù nó vẫn bao chứa được những khác biệt đa dạng của điều kiện cụ thể*” [29, trang 104].

1.2.3. Trường tiểu học

Trường học nằm trong hệ thống giáo dục và hệ thống xã hội, đặc điểm của thể chế là có sự kết hợp chặt chẽ hữu cơ giữa đặc điểm nhà nước và đặc điểm xã hội. Vì thế trường học luôn có mối quan hệ và tác động qua lại với môi trường xã hội “*Trường học là một thiết chế xã hội trong đó diễn ra quá trình đào tạo giáo dục với sự hoạt động tương tác của hai nhân tố thầy - trò*”, “*Trường học là một bộ phận của cộng đồng và trong guồng máy của hệ thống giáo dục quốc dân, nó là đơn vị cơ sở*” [22, trang 103].

Tại khoản 2, Điều lệ trường tiểu học nêu rõ: “*Trường tiểu học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng*” [8, trang 102].

1.2.4. Mô hình trường tiểu học mới (VNEN)

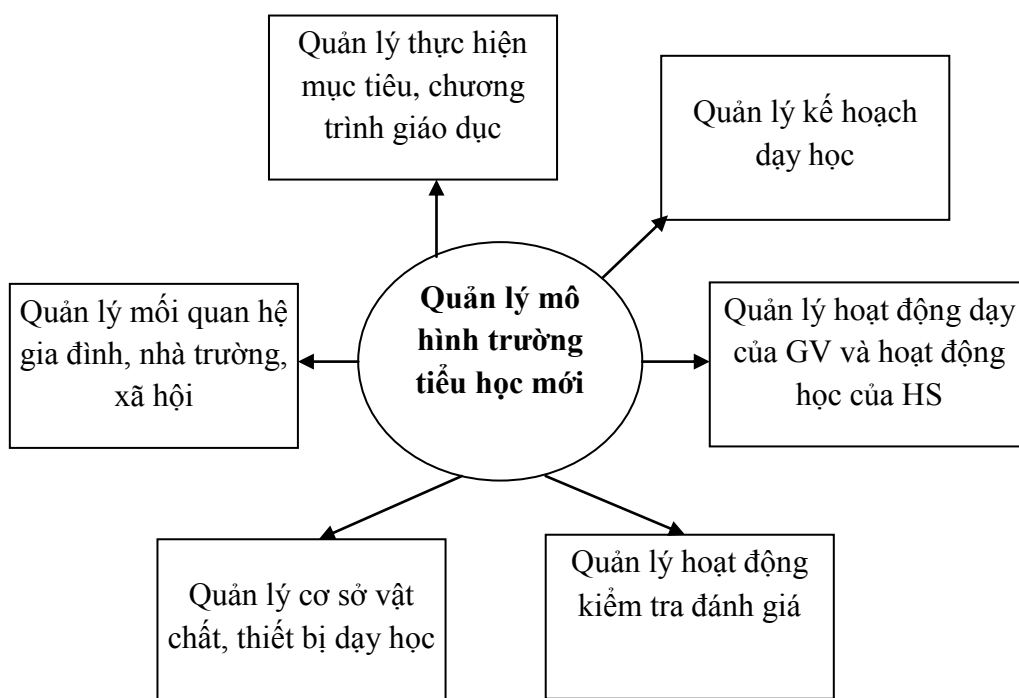
Mô hình trường học mới ở cấp tiểu học là phương thức sư phạm mang tính chuyên đổi nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ở các nhà trường.

Mô hình VNEN được xây dựng dựa trên quan điểm, định hướng giáo dục hướng tới phát triển năng lực người học, trong đó coi trọng giáo dục lấy HS làm trung tâm. Mô hình VNEN tập trung vào việc đổi mới đồng bộ từ hoạt động dạy học (của giáo viên) tới hoạt động học (của học sinh), hoạt động quản lý nhà trường (của cán bộ quản lý giáo dục) đến việc đổi mới hoạt động đánh giá học tập, tổ chức lớp học và có một điểm quan trọng hơn đó là việc hoạt động sinh hoạt chuyên môn (giáo viên và nhà quản lý), sự tham gia của CMHS, cộng đồng (của xã hội) vào giáo dục [5].

1.2.5. Quản lý mô hình trường tiểu học mới

Quản lý mô hình trường học mới là quá trình thực hiện các công việc xây dựng kế hoạch (bao gồm cả xác định mục tiêu cụ thể, chế định kế hoạch, quy định tiêu chuẩn đánh giá và thể chế hóa), sắp xếp tổ chức (bố trí tổ chức, phối hợp nhân sự, phân công công việc, điều phối nguồn lực tài chính và kỹ thuật...), chỉ đạo, điều hành, kiểm soát và đánh giá kết quả, sửa chữa sai sót (nếu có) trong công tác quản lý hoạt động dạy học và giáo dục theo mô hình trường học mới để đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng dạy học của các trường tiểu học theo yêu cầu thực hiện đổi mới giáo dục.

Các yếu tố cấu thành trong quản lý mô hình trường tiểu học mới:



1.3. Một số vấn đề về mô hình trường tiểu học mới

1.3.1. Vị trí, vai trò của trường tiểu học trong hệ thống giáo dục quốc dân

Trẻ em là những thành viên quan trọng, được quan tâm chăm sóc nhất trong đời sống gia đình và xã hội. Một trong những nhu cầu thiết yếu nhất đối với trẻ em (chỉ sau nhu cầu ăn uống, nghỉ ngơi) là nhu cầu đi học. Giáo dục tiểu học - nhà trường tiểu học là một bộ phận không thể thiếu được của xã hội, của cộng đồng. Vì đây là cấp học đem đến cho trẻ em hạnh phúc được đi học, cũng là nơi thể hiện rõ nhất tính ưu việt của chế độ xã hội.

Giáo dục tiểu học có tác động rất lớn đối với “phát triển cá nhân”. Sự phát triển của trẻ em là một quá trình chịu ảnh hưởng của 4 yếu tố: di truyền, giáo dục, môi trường và hoạt động cá nhân. Cũng như môi trường, giáo dục là hình thức tác động bên ngoài đến con người đang phát triển, nhưng tác động của giáo dục bao giờ cũng là tác động có mục đích đến sự phát triển của con người. Trong đó giáo dục TH “ nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học THCS ”. Do đó đội ngũ GV tiểu học phải quán triệt ở phương pháp dạy học và giáo dục, phải lấy HS làm trung

tâm, tôn trọng nhân cách HS, coi trọng nội lực thúc đẩy hoạt động của HS. Ở cấp học này mọi hoạt động vui chơi, hoạt động chân tay, các kỹ năng vận động phải được các thầy cô giáo chú ý và để nó có vị trí xứng đáng trong học đường. Có ý kiến cho rằng: Nói tới giáo dục TH là nói tới “một cấp học nhạy cảm nhất của giáo dục và toàn xã hội” vì đây là nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân và liên quan tới mọi nhà. Nhà trường tiểu học đã “dẫn dắt con người từ gia đình đến xã hội” từ đó con người có những bước đầu tiên từ “thế giới tự nhiên đến thế giới công việc”. Trong tâm hồn trong trắng của mình, đứa trẻ được tiếp thu những kiến thức (sự kiện, thông tin) mới mẻ mà trước đó nó chưa hề được biết. Ở đó, sự “cọ sát tư duy” đã giúp đứa trẻ “lớn” lên, chính điều đó làm cho nó cảm nhận được niềm vui, hạnh phúc được đi học.

Mọi sự quan tâm, tác động của nền KT - XH, của toàn xã hội, của toàn dân, đặc biệt của chính quyền địa phương, cha mẹ các em đều có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường TH. Nếu như “Nhà trường là vàng trán của cộng đồng - Cộng đồng là trái tim của nhà trường” đúng với mọi cấp học, bậc học thì với nhà trường TH điều đó càng được sáng tỏ trong hoàn cảnh hiện nay.

Luật giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mục 2, điều 26 quy định: “*Giáo dục phổ thông bao gồm: Giáo dục tiểu học, Giáo dục trung học cơ sở, Giáo dục trung học phổ thông*” [25, trang 103].

Giáo dục tiểu học được thực hiện trong 5 năm học, từ lớp một đến lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là sáu tuổi;

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, Giáo dục Tiểu học được coi là bậc học nền tảng có mục tiêu: “*Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở*” [8, trang 102].

Trường tiểu học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Nhận bảo trợ và giúp các cơ quan có thẩm quyền quản lý các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và trẻ em trong địa bàn trường được phân công phụ trách.

- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

1.3.2. Đặc điểm của mô hình trường tiểu học mới

Mô hình trường học mới là nơi HS cùng nhau học tập để lĩnh hội kiến thức liên quan mật thiết đến cuộc sống của các em. Ở đó GV là người tổ chức, hướng dẫn và khích lệ các em trong việc tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức, hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp, ứng xử dân chủ, bình đẳng. Ở đó phụ huynh và cộng đồng cùng tham gia tích cực vào việc chăm sóc và giáo dục con em mình. Mô hình trường học mới tập trung vào đổi mới sư phạm: Đổi mới

phương pháp dạy, đổi mới phương pháp học, đổi mới phương pháp đánh giá học sinh, đổi mới tổ chức lớp học

Đổi mới phương pháp dạy: Đổi mới căn bản hoạt động dạy qua cách GV không giảng bài để truyền thụ kiến thức cho học sinh mà hướng dẫn HS làm việc với tài liệu Hướng dẫn học qua hình thức hoạt động nhóm có sự hỗ trợ của đồ dùng học tập.

Đổi mới phương pháp học: Ở trường học mới, HS không chỉ tiếp thu thụ động mà còn chủ động làm việc độc lập với tài liệu, thao tác với các đồ vật, quan sát trực tiếp, so sánh và tương tác với các bạn cùng nhóm, tương tác với GV và cộng đồng. Chính vì thế, HS có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, phê phán, kỹ năng tự định hình nhu cầu và năng lực của bản thân.

Tài liệu Hướng dẫn học: Mô hình trường học mới vẫn thực hiện theo chương trình tiêu học chung của cả nước. HS có tài liệu Hướng dẫn học thay cho sách giáo khoa, vở bài tập và sách hướng dẫn GV. Tài liệu được viết dưới dạng các hoạt động học tập: hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành, hoạt động ứng dụng. Tài liệu được dùng chung cho HS, GV, cha mẹ HS.

Cách dạy truyền thống quan tâm nhiều đến tác động của GV tới HS. Cách dạy của mô hình trường học mới ngoài việc kế thừa cách dạy truyền thống còn quan tâm đến tác động của môi trường lớp học, trường học, quan tâm tới mối quan hệ tương tác giữa các HS, giữa các HS với gia đình và cộng đồng.

Đổi mới đánh giá học sinh: Sau mỗi tiết học đều có sự đánh giá của GV bằng những nhận xét tới HS. Theo mô hình trường học mới, điểm số không phải điều quan trọng nhất. Điều quan trọng HS phải được đánh giá thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình học tập qua sự phản hồi từ phía GV một cách kịp thời. Kết quả đánh giá HS được dựa trên cơ sở HS tự đánh giá, đánh giá của bạn và đánh giá của GV. Trong quá trình làm việc theo nhóm, HS có cơ hội tranh luận và đánh giá lẫn nhau. Thông qua đó, GV kịp thời phản hồi tới HS về quá trình làm việc và kết quả học tập của các em. Giữa kỳ và cuối kỳ, HS được đánh giá xếp loại.

Đổi mới tổ chức lớp học : Bàn ghế không kê theo kiểu truyền thống mà được bố trí linh hoạt để HS ngồi theo nhóm, phù hợp với sự tương tác giữa các bạn trong nhóm và GV. Khác với trước đây , Ban cán sự lớp được đổi mới thành Hội đồng tự quản , do các em tự ứng cử , đề cử, bầu chọn. Các em chủ động tự quản hoạt động của nhóm. Về không gian lớp học theo mô hình trường học mới, có thêm các góc cho Hội đồng tự quản của lớp hoạt động như: Thư viện lớp học, các góc học tập bộ môn có đủ sách vở, đồ dùng học tập phục vụ cho các môn học đó, hộp thư góp ý để thường xuyên GV nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các em, góc cộng đồng giới thiệu về truyền thống địa phương, sơ đồ cộng đồng thể hiện những thông tin cơ bản từ nhà tới trường của HS...

Sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng: Mô hình trường học mới xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, tương tác giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. HS có thể nhờ cha mẹ giúp đỡ để lĩnh hội kiến thức cũng như ứng dụng nội dung học vào cuộc sống hàng ngày ở gia đình và cộng đồng. Cộng đồng và gia đình luôn có vai trò quan trọng trong việc giáo dục và hình thành nhân cách của trẻ. Sự kết nối giữa chương trình học với gia đình và cộng đồng sẽ hiệu quả hơn nếu khuyến khích gia đình và cộng đồng cùng tham gia.

Ưu điểm của Mô hình trường học mới:

- GV có tinh thần học hỏi, trách nhiệm trong công việc, tích cực trong việc trang trí lớp học, tạo môi trường giáo dục thân thiện đối với HS.

- HS được phát huy vai trò tự quản, chủ động hơn trong mọi hoạt động học tập cũng như sinh hoạt trên tinh thần hợp tác cùng nhau nên các em rất mạnh dạn, tự tin, kỹ năng giao tiếp được rèn luyện tốt.

- Nhiều công cụ hỗ trợ trong lớp học như: hộp thư bè bạn, điều em muốn nói, sơ đồ cộng đồng, cây sinh nhật... tạo nên không gian lớp học đẹp mắt, môi trường học tập thân thiện, gần gũi giúp HS thêm yêu bạn bè, yêu trường, yêu lớp.

- Trên cơ sở tài liệu hướng dẫn học tập được thiết kế theo kiểu 3 trong 1, nghĩa là TLHDHT dùng cho HS, GV và phụ huynh với những gợi ý về cách

thức tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp nên GV được định hướng tốt, giáo viên mới ra trường cũng có thể thực hiện mô hình VNEN.

Để thấy rõ sự khác biệt trong hoạt động dạy học theo mô hình trường học truyền thống với mô hình VNEN tác giả đã đưa ra bảng so sánh sau:

Bảng 1.1: So sánh hoạt động dạy học theo mô hình trường học truyền thống với mô hình VNEN

Mô hình trường học truyền thống	Mô hình trường học mới VNEN
Hoạt động dạy	
<i>GV truyền thụ kiến thức 1 chiều cho HS ở trên lớp, dạy theo số đông, đồng loạt.</i>	<i>Chuyển thành hoạt động học của HS, dạy học theo cá thể, chấp nhận sự khác biệt về tiến độ, tương tác đa chiều.</i>
<i>Chủ yếu thuyết trình giảng giải kiến thức trong cả buổi học.</i>	<i>GV dựa theo TLHDTH để gợi mở, hỗ trợ HS khi cần thiết.</i>
<i>Truyền đạt diễn giải kiến thức theo nội dung trong SGK và sách hướng dẫn GV.</i>	<i>Tổ chức bài học theo các bước trải nghiệm.</i>
<i>Soạn bài, soạn giáo án.</i>	<i>Không phải soạn bài nhưng phải nghiên cứu kỹ bài học, tham gia sinh hoạt TCM theo hướng NCBH, chuẩn bị đồ dùng học tập.</i>
<i>Tiến trình lên lớp theo quy định gồm các bước sau: Bước 1: Ôn định, kiểm tra Bước 2: Dạy bài mới Bước 3: Củng cố, dặn dò (giao bài tập về nhà, trong đó có bài tập vận dụng)</i>	<i>Tiến trình lên lớp: Gồm 5 bước 1) Hoạt động khởi động 2) Hoạt động hình thành kiến thức: HS tự làm các nhiệm vụ/bài tập (có hướng dẫn, chỉ dẫn) nhằm tìm ra kiến thức và kỹ năng. 3) Hoạt động luyện tập 4) Hoạt động vận dụng 5) Hoạt động tìm tòi, mở rộng</i>
<i>Hình thức tổ chức dạy học: Truyền thụ một chiều từ thầy đến trò.</i>	<i>Hình thức tổ chức dạy học theo mô hình VNEN là mối quan hệ tương tác thầy- trò, trò - trò, trò- tài liệu học tập, trong đó vai trò tích cực chủ động của HS đặc biệt được nhấn mạnh.</i>

Mô hình trường học truyền thống	Mô hình trường học mới VNEN
Hoạt động học	
<i>Học chung cả lớp</i>	<i>Học theo nhóm từng cụm bàn ngồi theo từng nhóm 4-6 HS, có nhóm trưởng điều hành.</i>
<i>HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo hiệu lệnh của GV.</i>	<i>HS triển khai bài học theo 10 bước học tập và trong tài liệu hướng dẫn tự học, có sự hỗ trợ của GV khi cần thiết.</i>
Hoạt động kiểm tra đánh giá	
<i>Quan tâm đến kết quả học tập cuối kỳ, đánh giá định kỳ thông qua các bài kiểm tra định lượng.</i>	<i>Quan tâm tới suốt quá trình học và cách học; đánh giá linh hoạt thường xuyên theo từng bài học.</i>
Tài liệu Hướng dẫn học	
<i>Tài liệu hướng dẫn học theo chương trình của Bộ GD và ĐT.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ nguyên ND , chuẩn KT -KN và kế hoạch dạy học theo chương trình của BGD & ĐT. - Bài học mô hình VNEN được cấu trúc theo một đơn vị kiến thức hoàn chỉnh. Mỗi bài học được thiết kế khoảng từ 12 đến 15 hoạt động với các nội dung chính sau <ul style="list-style-type: none"> + Mục tiêu bài học; + Hoạt động cơ bản; + Hoạt động thực hành; + Hoạt động ứng dụng.
Hội đồng tự quản của HS	
<i>- Cơ cấu lớp học truyền thống gồm 01 lớp trưởng; 04 tổ trưởng; lớp phó và các lớp phó phụ trách văn -thể -mỹ, được bầu hoặc do GVCN chỉ định vào đầu năm.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - HĐTQHHS gồm 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch và các ban chuyên trách: Ban học tập, Ban văn nghệ và thể dục thể thao, Ban đối ngoại... số lượng các ban do HS trong lớp quyết định. - Được tổ chức theo quy định , có bình bầu dân chủ, với sự tham gia của tất cả HS trong lớp.

1.3.3. Những yêu cầu đối với trường tiểu học mới

- Đảm bảo mục tiêu giáo dục của mô hình trường tiểu học mới:

Mục tiêu giáo dục của mô hình trường học mới là phát triển toàn diện nhân cách, năng lực, giá trị dân chủ, ý thức tập thể theo hướng thời đại cho học sinh. Chuẩn bị cho các em sớm thích ứng hòa nhập với đời sống xã hội và phát triển cộng đồng.

Thông qua việc đổi mới cách tổ chức các hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học nhằm chuyển việc dạy học từ lối truyền thụ kiến thức của GV sang hướng dẫn hoạt động học cho HS mà không làm thay đổi chuẩn kiến thức, kỹ năng và kế hoạch dạy học của chương trình hiện hành tại các trường tiểu học.

- Đảm bảo nội dung chương trình giáo dục của mô hình trường tiểu học mới:

Mô hình THM thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, tài liệu HDH được biên soạn theo chương trình hiện hành;

Các môn Ngoại ngữ thực hiện theo Đề án 2020.

Các môn học được tích hợp và hỗ trợ nhau trong việc giáo dục HS, việc các môn học được chuyển thành hoạt động giáo dục đã làm giảm bớt gánh nặng trong học tập cho các em. Hoạt động giáo dục được GV chủ động chọn nội dung cho phù hợp với đối tượng, chọn hình thức lên lớp nhẹ nhàng mà HS vui và thích, không đánh giá nặng nề và đặc biệt là GV chọn bài phù hợp với chủ điểm thì vấn đề giáo dục các em càng có kết quả tốt.

Việc chuyển đổi các môn học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Thủ công, Thể dục, Đạo đức trên tinh thần tổ chức cho các em các hoạt động một cách nhẹ nhàng, có thể vận dụng các tài liệu cũ, có thể tự GV chọn nội dung giáo dục phù hợp chủ đề hỗ trợ môn Tiếng Việt. Tổ chức cho HS được tham gia, trải nghiệm, hoạt động để các em được giáo dục, được chăm sóc, được rèn một số kỹ năng một cách nhẹ nhàng không áp đặt, không tạo áp lực cho các em.

Trong mô hình trường học mới có sự chuyển đổi lớn về hoạt động dạy học:

- Hoạt động Dạy của GV thành hoạt động Học của HS;

- Hoạt động Quy mô Lớp linh hoạt thành hoạt động ở Quy mô Nhóm;
Có thể thấy rằng có sự chuyển đổi rõ rệt về vai trò của GV trong mô hình THM so với mô hình trường học truyền thống . Cụ thể trong mô hình VNEN, GV là người:

- Tổ chức lớp học;
- Quan sát hoạt động của mỗi cá nhân, của mỗi nhóm;
- Hỗ trợ HS khi cần thiết;
- Chốt lại những điều cơ bản nhất của buổi học;
- Đánh giá quá trình và kết quả học của HS.

Trách nhiệm chính của GV trong quá trình dạy học là tổ chức lớp học thành các nhóm và theo dõi, hướng dẫn hoạt động học của mỗi HS ở nhóm học tập, là “trọng tài tri thức” của các em.

- Đảm bảo đổi mới phương pháp giáo dục của mô hình trường học mới:

Dạy học theo mô hình VNEN, người dạy và người học cùng phải thay đổi phương pháp dạy và phương pháp học theo tiến trình như sau:

Quy trình 5 bước dạy học của GV theo mô hình VNEN

Bước 1: Tạo hứng thú cho HS

Bước 2: Tổ chức cho HS trải nghiệm.

Bước 3: Phân tích - Khám phá - Rút ra kiến thức mới.

Bước 4: Thực hành - củng cố bài học.

Bước 5: Ứng dụng.

Quy trình 10 bước học của HS theo mô hình VNEN

1. Chúng em làm việc nhóm (nhóm trưởng lấy tài liệu và đồ dùng).
2. Em đọc tên bài học và viết vào vở.
3. Em đọc mục tiêu bài học.
4. Em thực hiện hoạt động cơ bản (nhớ xem làm việc cá nhân hay theo nhóm theo lô gô trong tài liệu).
5. Kết thúc hoạt động cơ bản, em tự đánh giá rồi báo cáo những việc đã làm được với thầy, cô giáo để thầy, cô xác nhận.

6. Em thực hiện hoạt động thực hành (Làm việc cá nhân rồi chia sẻ với bạn kê bên, với cả nhóm).

7. Chúng em đánh giá cùng thầy, cô giáo.

8. Em thực hiện Hoạt động ứng dụng (với sự giúp đỡ của gia đình, người lớn).

9. Kết thúc bài, em viết vào Bảng đánh giá.

10. Em đã học xong bài mới em phải ôn lại phần nào?

Mô hình dạy học truyền thống nặng về truyền thụ kiến thức, chủ yếu là thầy giảng giải nêu vấn đề, đặt câu hỏi, học sinh suy nghĩ tìm hiểu và lĩnh hội kiến thức. Đối với Trường học mới, vai trò của giáo viên chuyển đổi từ giảng giải, truyền thụ kiến thức sang tổ chức, hướng dẫn học sinh hoạt động, học cá nhân, học theo nhóm, đồng thời với việc theo dõi, giám sát, đánh giá hỗ trợ đến từng học sinh. Giáo viên tập trung nghiên cứu nội dung bài học trong tài liệu hướng dẫn học để điều chỉnh cho phù hợp với HS trong lớp, dự kiến tình huống sư phạm, chuẩn bị đồ dùng dạy học... để tiết học đạt được hiệu quả cao nhất.

- Đảm bảo cách thức kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học theo mô hình VNEN.

Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS hoặc nhóm HS theo tiến trình dạy học.

Nếu có nhận xét đặc biệt, GV ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập.

Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

Khuyến khích và hướng dẫn HS tự đánh giá và tham gia nhận xét lẫn nhau.

HS tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục.

CMHS được khuyến khích phối hợp với GV, nhà trường động viên, giúp đỡ HS học tập, rèn luyện.

1.4. Quản lý mô hình trường tiểu học mới

1.4.1. Quản lý thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục theo mô hình VNEN

Hiệu trưởng nhà trường cần cập nhật kịp thời các bản hướng dẫn thực hiện mục tiêu nhiệm vụ từ đó tiến hành phổ biến tới toàn thể GV trong nhà trường

Quán triệt tới toàn thể GV và CMHS mục tiêu tổng thể của mô hình VNEN là phát triển con người: Dạy chữ - Dạy người.

Chỉ đạo GV thường xuyên tuyên truyền mục tiêu và chương trình giáo dục theo mô hình VNEN tới CMHS để CMHS giúp HS thực hiện tốt hơn hoạt động vận dụng.

Thường xuyên đôn đốc chỉ đạo GV thực hiện đúng, đủ nội dung chương trình, đúng tiến độ và thời gian quy định.

Thường xuyên tổ chức các hội thảo về đổi mới PPDH nhằm đáp ứng mục tiêu và nội dung dạy học VNEN ngay từ đầu học kỳ.

Thực hiện kiểm tra hàng tuần và đột xuất tối thiểu 1 học kỳ 1 lần công tác soạn bài, tổ chức bài học của GV.

1.4.2. Quản lý kế hoạch dạy học theo mô hình trường học mới

Hiệu trưởng thống nhất với TCM giao công việc cụ thể trong bản kế hoạch tới mỗi Phó HT hoặc GV để mỗi thành viên chịu trách nhiệm thực thi.

Dự trù các nguồn tài lực, vật lực đủ đáp ứng để thực hiện kế hoạch.

Hiệu trưởng nhà trường phải tập hợp đầy đủ các căn cứ để xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học.

Các kế hoạch dạy học phải được xây dựng từ đầu năm học.

Yêu cầu toàn thể CB, GV trong nhà trường tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch dạy học.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng các kế hoạch dạy học Hiệu trưởng nhà trường tổ chức phổ biến kế hoạch dạy học tới toàn thể CB, GV.

Yêu cầu TCM khi lập kế hoạch công tác cần lập chi tiết từng tháng, học kỳ và cả năm trong đó có nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu phân đầu.

Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn GV, tổ chuyên môn nắm vững quy trình xây dựng kế hoạch dạy học vào đầu học kỳ ít nhất 1 lần/ năm.

1.4.3. Quản lý hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh theo mô hình trường học mới

Đối với hoạt động dạy của giáo viên

Hiệu trưởng chỉ đạo và đôn đốc GV lập kế hoạch dạy học và kế hoạch chuẩn bị bài giảng, giáo án.

Đôn đốc GV thực hiện nghiêm túc nội quy nề nếp dạy học.

Yêu cầu GV ghi chép đầy đủ hồ sơ sổ sách chuyên môn như: sổ nhật ký dạy học, sổ sinh hoạt chuyên môn, sổ theo dõi chất lượng giáo dục...

Chỉ đạo GV tăng cường tổ chức đào tạo bồi dưỡng cho HS kỹ năng học tập ở trên lớp.

Đôn đốc GV phối hợp với HS và CMHS tăng cường tự làm các đồ dùng dạy học.

Chỉ đạo GV theo dõi, phân chia nhóm, tổ trong lớp một cách khoa học để các nhóm phối hợp đều tay sôi nổi.

Tổ chức đào tạo bồi dưỡng đổi mới PPDH cho GV.

Đôn đốc GV lập kế hoạch kèm cặp phụ đạo cho HS có tiến độ học tập chậm trong lớp học.

Thường xuyên tổ chức khảo sát, kiểm tra, đánh giá trình độ và năng lực sử dụng các PPDH của GV bằng nhiều hình thức để xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu.

Chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn đúng định kỳ và đổi mới theo hướng nghiên cứu bài học.

Khuyến khích tổ chuyên môn, GV viết và chia sẻ các sáng kiến kinh nghiệm trong nhà trường, cụm trường hay trên trang mạng “Trường học kết nối”.

Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng, chuẩn đánh giá giờ dạy để tạo động lực cho GV tích cực đổi mới PPDH, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với hoạt động học của học sinh

- Hình thành được nề nếp học tập của HS đi vào ổn định trong cả năm học. Giúp HS thích nghi nhanh với mô hình tổ chức lớp học mới. Các em tích

cực tham gia vào các ban trong lớp học. Các nhóm trưởng chủ động điều hành nhóm của mình. Hoạt động của các nhóm diễn ra đồng đều sôi nổi. HS tích cực hợp tác với nhau trong bài học, tích cực tham gia các hoạt động của nhóm.

- Hoạt động học của HS diễn ra đúng theo trình tự, đúng theo các bước học tập đã quy định.

- HS sử dụng các công cụ học tập trong lớp một cách thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động học tập trên lớp.

1.4.4. Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá theo mô hình trường học mới

Trong mô hình trường học mới nội dung quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá cần chú trọng đáp ứng 3 nội dung như sau:

Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS theo chuẩn kiến thức - kỹ năng của chương trình giáo dục tiểu học theo từng môn học và hoạt động giáo dục.

- Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực chung của HS tiểu học:

a) tự phục vụ, tự quản; b) giao tiếp, hợp tác; c) tự học và giải quyết vấn đề.

- Đánh giá sự hình thành, phát triển các phẩm chất HS tiểu học:

a) yêu cha mẹ, gia đình; yêu thương bạn bè, trường, lớp; yêu quê hương đất nước, con người;

b) tự tin, tự trọng, tự chịu trách nhiệm;

c) trung thực, kỷ luật; d) chăm học, chăm làm, thích hoạt động nghệ thuật, thể thao.

Tổ chức tập huấn cho GV thực hành các phương pháp và kỹ thuật đánh giá mới.

Yêu cầu GV thực hiện nghiêm túc đánh giá thường xuyên, đánh giá bằng nhận xét trong từng buổi học kết hợp với đánh giá của HS và đánh giá của CMHS.

Tổ chức tuyên dương khen thưởng HS có thành tích học tập hoặc có tiến bộ trong rèn luyện.

Yêu cầu GV chủ nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đánh giá của mỗi HS trong một năm học, bao gồm:

1. Những trang nhật ký đánh giá của GV ghi những lưu ý đặc biệt trong quá trình đánh giá thường xuyên về HS (theo mẫu).
2. Các bài kiểm tra định kỳ đã được GV đánh giá.
3. Phiếu đánh giá tổng hợp cuối học kì 1, cuối năm học (theo mẫu).
4. Phiếu đánh giá của PH (theo mẫu).
5. Các sản phẩm hoặc các vật thay thế sản phẩm của hoạt động giáo dục, văn hóa, nghệ thuật... (nếu có).
6. Các loại giấy chứng nhận, giấy khen, thư cảm ơn, xác nhận thành tích của HS trong năm học (nếu có).
7. Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm tra đánh giá để điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng kiểm tra đánh giá trong nhà trường.

1.4.5. Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ hoạt động dạy học, giáo dục theo mô hình trường tiểu học mới

Thường xuyên kiểm tra CSVC nhà trường, có kế hoạch mở rộng, cải tiến quy mô trường, lớp theo hướng chuẩn hóa.

Tích cực trong công tác tham mưu đầu tư xây dựng CSVC trường học , tranh thủ sự đầu tư nguồn lực từ các cấp, các ngành.

Tổ chức đào tạo bồi dưỡng cho GV cách sử dụng các thiết bị dạy học.

Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc GV sử dụng , bảo quản, làm mới và bổ sung thiết bị dạy học.

Chỉ đạo công tác thư viện trang bị đầy đủ SGK, sách tham khảo.

Tổ chức làm đồ dùng dạy học cần thiết phục vụ cho các bài học.

Tổ chức tuyên truyền mô hình VNEN tới CMHS và cộng đồng địa phương.

Huy động sự ủng hộ của CMHS và cộng đồng địa phương vào các hoạt động xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

Chuẩn bị các phương án bổ sung nhân lực, vật lực khi sĩ số HS đông.

Chỉ đạo bộ phận tài chính kế toán sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp để trang bị và bổ sung trang thiết bị dạy học cho các lớp học VNEN.

Khuyến khích GV tăng cường sử dụng các thiết bị dạy học tự làm, đồ dùng dạy học trực quan sinh động.

1.4.6. Quản lý mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội theo mô hình trường tiểu học mới

Thực hiện chương trình VNEN tạo ra sự phối hợp giữa nhà trường với các đoàn thể, giữa GV với phụ huynh và cộng đồng xã hội chặt chẽ hơn. Phụ huynh trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục, đánh giá con em mình thông qua việc thực hành kỹ năng của con em. Nhà trường thường xuyên liên lạc và phối hợp với phụ huynh, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện xã hội hóa giáo dục tốt hơn.

Vì vậy, gia đình phối hợp thường xuyên với nhà trường, hợp tác với giáo viên, giúp đỡ học sinh học tập một cách thiết thực. Nhà trường cần phải tôn trọng và cuốn hút cộng đồng cũng như nền văn hóa của địa phương trong hoạt động giáo dục.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý mô hình trường học mới ở bậc tiểu học

1.5.1. Các yếu tố chủ quan

- Năng lực quản lý của HT: HT phải biết xây dựng các kế hoạch phù hợp với tầm nhìn chiến lược của nhà trường, xây dựng tổ chức bộ máy nhà trường đạt hiệu quả. HT phải làm tốt công tác quy hoạch, tuyển chọn, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ, GV, nhân viên; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Là người luôn biết tạo môi đoàn kết, thân thiện giữa mọi người trong cơ quan. HT cần không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, dám nghĩ, dám làm và tích cực đổi mới trong mọi hoạt động của nhà trường.

Hiện nay, một số HT các trường TH chưa được đào tạo, bồi dưỡng theo chuẩn HT. Các quyền hạn trao cho HT trường TH còn bị hạn chế, nên có cơ chế mở trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HT đối với nhà trường do mình quản lý để tận dụng hết được năng lực và khả năng của người HT. Điều này ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác quản lý mô hình trường TH mới.

- Nhận thức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV: Mô hình trường học mới đòi hỏi GV phải có sự thay đổi lớn bắt đầu từ khâu nhận thức. Để đáp ứng được việc giảng dạy theo mô hình trường học mới ngoài khâu nhận thức, yêu cầu GV phải thực sự có năng lực nghề nghiệp, đáp ứng được sự đổi mới đa dạng của hoạt động dạy học. GV phải vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học

đổi mới một cách tối ưu nhất; hiểu rõ bản chất của dạy học theo mô hình trường học mới; có năng lực chuyên môn vững vàng; có thái độ coi trọng sự khác biệt năng lực của mỗi HS; có khả năng tổ chức các hoạt động dạy học đáp ứng sự khác biệt ấy.

1.5.2. Các yếu tố khách quan

- Quan điểm, chính sách của Ngành giáo dục về mô hình trường tiểu học mới: Nghị quyết của Đảng đã định hướng cho việc đổi mới của ngành giáo dục; các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, của Sở GD&ĐT và Phòng Giáo dục cũng đã cụ thể hóa các nhiệm vụ trong quản lý mô hình trường TH mới, đó chính là căn cứ điều hành mọi hoạt động quản lý ở nhà trường. Bên cạnh các văn bản chỉ đạo, công tác quản lý của HT sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi nhận được sự chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, sự quan tâm đúng đắn của ngành thông qua các cơ chế chính sách, các chế độ ưu đãi.

- Nhận thức của CMHS và dư luận xã hội về mô hình trường tiểu học mới: Nhận thức của một số ít CMHS còn thấp, họ không thấy sự cần thiết của việc giáo dục con cái nên cũng phần nào ảnh hưởng đến việc dạy học theo mô hình trường học mới. Bên cạnh đó sự quan tâm của cộng đồng có một ý nghĩa quan trọng bởi không phải ai cũng hiểu về mô hình dạy học mới. Vì vậy, để tất cả mọi người hiểu mục đích cũng như phương pháp dạy VNEN, nhà trường phải thường xuyên tuyên truyền, giải thích một cách dễ hiểu nhất để tất cả mọi người đều hiểu và chia sẻ, huy động sự ủng hộ tối đa của các mạnh thường quân và của những phụ huynh tâm huyết với công tác giáo dục.

- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học và nguồn kinh phí của nhà trường: CSVC của nhà trường, những điều kiện về khuôn viên, hội trường, các phòng học, khu vui chơi; trang thiết bị dạy học hiện đại... là những điều kiện tối thiểu phục vụ cho GV thực hành, áp dụng những kỹ thuật và PPDH tích cực góp phần nâng cao hiệu quả mô hình trường học mới. Tiếp đến, những thuận lợi, khó khăn về điều kiện KT-XH của địa phương nơi nhà trường đóng cũng có tác động không nhỏ tới các điều kiện của việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục theo mô hình trường học mới.

Một yếu tố khác sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục, môi trường giáo dục và không gian văn hóa nhà trường tạo điều kiện để GV được tự do sáng tạo, thử nghiệm trong quá trình dạy học. Nếu GV thực sự được thư giãn trong giờ nghỉ, giờ giải lao để chuẩn bị tâm thế thoải mái vào dạy các giờ tiếp theo thì hiệu quả công việc mới cao. GV có thể tranh thủ làm việc tại thư viện, tham khảo các tài liệu, sách nghiệp vụ, truy cập internet để lấy thông tin phục vụ cho công việc.

Kết luận chương 1

Mô hình trường học VNEN là mô hình trường học hướng vào người học, mọi hoạt động giáo dục của nhà trường đều lấy người học làm điểm xuất phát. Chương I đã tập trung làm rõ những nội dung liên quan đến khái niệm, một số vấn đề mô hình trường tiểu học mới, công tác quản lý mô hình trường học mới ở bậc tiểu học gồm các nội dung quản lý về mục tiêu, chương trình, hoạt động dạy học của giáo viên, hoạt động học tập của học sinh, cơ sở vật chất, thiết bị và mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội. Đồng thời chỉ rõ các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng trong việc phát triển mô hình trường học mới trong giai đoạn hiện nay.

Quản lý mô hình trường học mới là quá trình thực hiện các công việc xây dựng kế hoạch (bao gồm cả xác định mục tiêu cụ thể, chế định kế hoạch, quy định tiêu chuẩn đánh giá và thể chế hóa), sắp xếp tổ chức (bố trí tổ chức, phối hợp nhân sự, phân công công việc, điều phối nguồn lực tài chính và kỹ thuật...), chỉ đạo, điều hành, kiểm soát và đánh giá kết quả, sửa chữa sai sót (nếu có) để đạt được mục tiêu của các trường tiểu học theo yêu cầu thực hiện đổi mới GD. Đây cũng là cơ sở để xem xét và phân tích thực trạng, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý mô hình trường học mới của HT các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang hiện nay.

Chương 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ MÔ HÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC MỚI
Ở HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

2.1. Khái quát về giáo dục tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc giang

2.1.1. Mạng lưới trường, lớp tiểu học

Toàn huyện Hiệp Hòa có 35 trường Tiểu học, trong đó có 20 trường đã đạt chuẩn quốc gia. Năm học 2015 - 2016, tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi ra lớp đạt 100%, tỷ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày đạt 83.7%. Toàn huyện có 664 lớp với 20.229 học sinh phổ thông, 181 học sinh khuyết tật học hòa nhập. Hàng năm quy mô số lớp, số học sinh tăng dần. Cụ thể:

Bảng 2.1. Quy mô trường, lớp cấp tiểu học huyện Hiệp Hòa

Năm	TS trường TH	T.S HS	Tổng số lớp	Số lớp 1	Số lớp 2	Số lớp 3	Số lớp 4	Số lớp 5
2013 - 2014	35	18.347	648	137	138	134	120	119
2014 - 2015	35	18.736	649	138	137	132	126	116
2015 - 2016	35	19.651	657	144	134	134	124	121

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Hiệp Hòa)

2.1.2. Chất lượng giáo dục tiểu học

Trong 3 năm học gần đây, dưới sự chỉ đạo đánh giá học sinh tiểu học theo thông tư 30/2014/TT- BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chất lượng học sinh đạt được kết quả như sau: 99,7% hoàn thành chương trình lớp học, 100% hoàn thành chương trình tiểu học. Có thể so sánh tỉ lệ xếp loại về KT -KN, năng lực, phẩm chất của HS qua 3 năm học thông qua bảng thống kê. Cụ thể:

Bảng 2.2. Xếp loại KT - KN học sinh cấp tiểu học huyện Hiệp Hòa

Năm học	T.S HS	KT - KN				Ghi chú
		HT		CHT		
		T.S	%	T.S	%	
2013-2014	18.347	18.334	99.92	13	0.08	
2014-2015	18.736	18.725	99.94	11	0.06	
2015-2016	19.651	19.642	99.95	9	0.05	

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Hiệp Hòa)

Bảng 2.3. Xếp loại năng lực học sinh cấp tiểu học huyện Hiệp Hòa

Năm học	T.S HS	Năng lực				Ghi chú
		Đạt		Chưa Đạt		
		T.S	%	T.S	%	
2013-2014	18.347	18.344	99.9	3	0.02	
2014-2015	18.736	18.709	99.86	27	0.14	
2015-2016	19.651	19.634	99.95	17	0.09	

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Hiệp Hòa)

Bảng 2.4. Xếp loại phẩm chất học sinh cấp tiểu học huyện Hiệp Hòa

Năm học	T.S HS	Phẩm chất				Ghi chú
		Đạt		Chưa Đạt		
		T.S	%	T.S	%	
2013-2014	18.347	18.344	99.9	3	0.02	
2014-2015	18.736	18.732	99.9	4	0.02	
2015-2016	19.651	19.646	99.97	5	0.03	

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Hiệp Hòa)

Hướng dẫn quy định cách đánh giá của thông tư 30/2014/TT- BGDĐT chú trọng đến yếu tố năng lực và phẩm chất của HS. Qua bảng thống kê, tỉ lệ HS đạt về phẩm chất vẫn được giữ vững nhưng tỉ lệ HS chưa đạt về năng lực ngày một tăng. Cách đánh giá mới yêu cầu, đòi hỏi GV phải cập nhật và bồi dưỡng thêm nhiều kỹ năng mới trong quá trình dạy học.

2.1.3. Đội ngũ CBQL, giáo viên bậc tiểu học

Toàn huyện có 85 cán bộ quản lý và tổng số 906 cán bộ giáo viên. Đội ngũ CBQL, GV đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. CBQL có trình độ trên chuẩn đạt 100% (2 thạc sỹ, 64 ĐH, 19 CĐ). GV có trình độ trên chuẩn chiếm 832/906 đạt 91,83%. Trong đó có kết quả của quá trình bồi dưỡng, tự bồi dưỡng của GV đã mang lại kết quả nâng cao trình độ giảng dạy và bắt nhịp với cách dạy hiện đại để nâng cao hiệu suất giờ lên lớp.

2.1.4. Triển khai thực hiện mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa , tỉnh Bắc Giang

Tính đến thời điểm hết năm học 2015-2016, toàn huyện Hiệp Hòa có 11 trường tiểu học áp dụng mô hình trường học mới . Trong đó có 2 trường tiểu học thụ hưởng dự án, áp dụng với tất cả các môn học cho HS từ lớp 2 đến lớp 5 theo học mô hình VNEN (TH Xuân Cẩm, TH Hoàng Vân); 9 trường nhân rộng mô hình VNEN, áp dụng với môn Toán cho HS từ lớp 3 đến lớp 5 theo học mô hình VNEN (TH: Thị Trấn, Thường Thắng, Đức Thắng 1, Đức Thắng 2, Ngọc Sơn, Hoàng An, Hùng Sơn, Danh Thắng, Đoàn Bái).

Bảng 2.5. Quy mô số lớp, số HS của 11 trường TH ở huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang áp dụng mô hình trường học mới

STT	Tên trường	Số học sinh tham gia học lớp VNEN								Số lớp, số HS học VNEN	
		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Số lớp	Số HS
		Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS		
1	TH Xuân Cẩm	7	176	5	150	6	171	5	155	23	652
2	TH Hoàng Vân	4	121	3	84	4	123	4	107	15	435
3	TH Thị Trấn			4	145	4	144	3	130	11	419
4	TH Đức Thắng 1			4	135	3	122	3	121	10	378
5	TH Đức Thắng 2			4	131	4	140	4	119	12	390
6	TH Thường Thắng			4	126	5	162	5	169	14	457
7	TH Hoàng An			3	86	3	101	3	82	9	269
8	TH Danh thắng			4	135	4	129	4	133	12	397
9	TH Hùng Sơn			3	92	3	86	3	87	9	265
10	TH Ngọc Sơn			5	164	4	141	5	179	14	484
11	TH Đoàn Bái 1			5	146	5	147	4	141	14	434
Cộng		11	297	44	1394	45	1466	43	1423	143	4580

(Nguồn: Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Hiệp Hòa)

Việc triển khai thực hiện theo mô hình trường học mới được tiến hành thông qua các văn bản chỉ đạo, các đợt tập huấn về dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam đã định hướng rõ cho CBQL và GV về thực hiện đổi mới giáo dục tiểu học theo hướng phát triển năng lực người học.

Bảng 2.6. Đội ngũ CBQL, giáo viên tham gia giảng dạy theo mô hình VNEN

STT	Tên trường	CBQL	GV	Trình độ đạt chuẩn	Trình độ trên chuẩn
1	TH Xuân Cẩm	3	37	40	40
2	TH Hoàng Vân	3	27	30	30
3	TH Thị Trấn	2	26	28	28
4	TH Đức Thắng 1	2	28	30	30
5	TH Đức Thắng 2	3	33	36	36
6	TH Thường Thắng	3	21	24	24
7	TH Hoàng An	2	29	31	31
8	TH Danh thắng	3	25	28	28
9	TH Hùng Sơn	2	26	28	28
10	TH Ngọc Sơn	3	36	39	39
11	TH Đoàn Bái 1	2	30	32	32
12	Tổng cộng	28	318	346	346

(Nguồn: Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Hiệp Hòa)

Đội ngũ CBQL và giáo viên tiểu học trên địa bàn huyện Hiệp Hòa tham gia dạy học theo mô hình VNEN tương đối cao cả về chất lượng lẫn số lượng. 100% CBQL, GV đều đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT, trong đó tỉ lệ trên chuẩn cao chiếm tỉ lệ 100%.

**Bảng 2.7. Hoàn thành tập huấn VNEN ở các trường TH huyện Hiệp Hòa
năm học 2015- 2016**

Hoàn thành tập huấn VNEN	Số lượng
1. Cấp trung ương	
Giáo viên lớp 2	
Giáo viên lớp 3	
Giáo viên lớp 4	
Giáo viên lớp 5	
Cán bộ quản lý (trường)	1
2. Cấp cụm tỉnh	
Giáo viên lớp 2	
Giáo viên lớp 3	
Giáo viên lớp 4	
Giáo viên lớp 5	
Cán bộ quản lý (trường)	1
3. Cấp trường	
Giáo viên lớp 2	8
Giáo viên lớp 3	41
Giáo viên lớp 4	41
Giáo viên lớp 5	12
Cán bộ quản lý (trường)	25
Tổng	129

Những trường triển khai tốt mô hình VNEN đã thực sự tạo được niềm tin với cộng đồng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng được mối liên hệ chặt chẽ, tương tác giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Kết quả thu được trong quá trình triển khai mô hình trường học mới hầu hết CBQL và GV các

trường cơ bản đã nắm rõ và hiểu về phương pháp giáo dục, đã hướng dẫn được HS đọc hiểu tài liệu hướng dẫn học và biết cách tổ chức lớp học. HS được chủ động làm việc độc lập với tài liệu, thao tác với các đồ vật, quan sát trực tiếp, phân tích, so sánh và tương tác với các bạn cùng nhóm, tương tác GV và cộng đồng, chủ động chiếm lĩnh kiến thức.

2.2. Tổ chức hoạt động khảo sát

2.2.1. Mục đích khảo sát

Thu thập, xử lý số liệu, phân tích và đánh giá được thực trạng quản lý mô hình trường học mới ở các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, cung cấp các minh chứng cần thiết làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp quản lý mô hình trường học mới các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục của nhà trường.

2.2.2. Địa bàn và quy mô khảo sát

- Để có cơ sở thực tiễn, phân tích thực trạng quản lý mô hình trường học mới các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đề tài tập trung nghiên cứu 11/35 trường tiểu học trên địa bàn huyện Hiệp Hòa.

- Đối tượng khảo sát: Tiến hành khảo sát 14 CBQL, 100 giáo viên, 100 PHHS thuộc 5 đơn vị trường tiểu học VNEN của 5 đơn vị trường tiểu học (trong đó có 02 trường dự án VNEN và 3 trường nhân rộng).

2.2.3. Nội dung khảo sát

Khảo sát thực trạng nhận thức của CBQL, giáo viên, CMHS về quản lý mô hình trường học mới; thực trạng về việc thực hiện dạy học và giáo dục theo mô hình trường học mới và quản lý mô hình trường học mới ở các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2.2.4. Phương pháp khảo sát

- Nghiên cứu hồ sơ chuyên môn; quan sát thực tế; phương pháp phỏng vấn...
- Thời gian khảo sát: Từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Thực trạng thực hiện mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2.3.1.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, CMHS các trường tiểu học về mô hình trường học mới

Để triển khai mô hình trường tiểu học mới, hầu hết các trường tiểu học đã làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho đội ngũ CBQL, giáo viên và CMHS về các nội dung của mô hình trường tiểu học mới. Điều đó được thể hiện ở bảng 2.8 sau:

Bảng 2.8. Nhận thức của CBQL, GV, CMHS về mô hình trường học mới VNEN

TT	Nội dung	Mức độ đồng ý					
		CBQL		GV		CMHS	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Mô hình trường học mới VNEN phát triển dựa trên quan điểm giáo dục định hướng năng lực người học, trong đó coi trọng giáo dục lấy HS làm trung tâm.	12	85.7	93	93.0	50	50.0
2	Trong mô hình trường học mới VNEN hoạt động dạy học của GV chuyển thành hoạt động học của HS.	13	92.8	90	90.0	87	87.0
3	Trong mô hình trường học mới VNEN HS chuyển từ làm việc với GV thành làm việc với sách, có sự tương tác với các bạn) với GV khi cần thiết.	12	85.7	95	95.0	70	70.0
4	Trong mô hình trường học mới VNEN, vai trò của GV đã có sự chuyển đổi rõ rệt so với mô hình dạy học truyền thống.	11	78.5	89	89.0	75	75.0
5	Trong mô hình trường học mới VNEN, việc kiểm tra, đánh giá HS được tiến hành vào đầu kỳ - giữa kỳ - cuối kỳ.	13	92.8	93	93.0	76	76.0

Nhận xét:

Kết quả khảo sát bước đầu cho thấy CBQL, GV đã nhận thức đúng về mô hình trường học mới chiếm tỉ lệ cao ở các nội dung: Trong mô hình trường học mới VNEN hoạt động dạy học của GV chuyển thành hoạt động học của HS; Trong mô hình trường học mới VNEN HS chuyển từ làm việc với GV thành làm việc với sách, có sự tương tác với các bạn, với GV khi cần thiết; Đã có sự chuyển đổi rõ rệt về vai trò của GV so với mô hình dạy học truyền thống; Việc kiểm tra, đánh giá HS trong mô hình trường học mới được tiến hành vào đầu kỳ - giữa kỳ - cuối kỳ.

Đối với CMHS, đối tượng mặc dù đã được nhà trường tuyên truyền về mô hình trường học mới song nhận thức về mô hình chưa thật đầy đủ, chiếm tỉ lệ 50% hiểu biết về mô hình trường học mới.

Điều này xuất phát từ nguyên nhân sau:

- Hằng năm, phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa đã tổ chức tập huấn về mô hình trường học mới cho 100% CBQL, GV trực tiếp dạy lớp VNEN. Bên cạnh đó, tổ chức các chuyên đề dạy học theo mô hình trường học mới tại 02 trường dự án và 9 trường nhân rộng ở tất cả các môn học để các trường học tập. Qua chuyên đề, các nhà trường thực hiện giảng dạy theo phương pháp VNEN ở các lớp thí điểm ngay từ tuần đầu năm học, tổ chức các chuyên đề dạy học theo cụm trường. Sau chuyên đề, các trường hội thảo trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề còn vướng mắc để cùng nhau thống nhất về PPDH.

- CMHS tuy đã có sự quan tâm nhất định đối với mô hình trường học mới song còn mơ hồ, chưa hiểu thấu đáo, điều này cũng xuất phát một phần do tình trạng dân trí thấp, chủ yếu là người nông dân, việc tuyên truyền tới CMHS hằng năm vẫn triển khai cho lực lượng là trưởng ban PHHS các khối họp tại các trường tiểu học tuy nhiên hiệu quả chưa cao.

Như vậy trong thời gian tới Hiệu trưởng các nhà trường cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ với phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa, chính quyền địa phương để làm tốt công tác tuyên truyền nhằm duy trì nhận thức và cập nhật

những thông tin mới về mô hình trường học mới tới CBQL, GV, CMHS trong các nhà trường.

2.3.1.2. Thực trạng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên dạy học theo mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Các trường đã tổ chức nhiều chuyên đề để tập huấn, bồi dưỡng năng lực dạy học theo mô hình trường học mới nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu dạy học theo mô hình trường học mới (VNEN), cụ thể như sau:

Bảng 2.9. Thực trạng số lượng GV đã được tham gia tập huấn, bồi dưỡng các chuyên đề

STT	Nội dung chuyên đề	Số GV tham gia tập huấn	
		SL	Tỉ lệ
1	Xây dựng môi trường học tập thân thiện trong mô hình trường học mới	85	85.0
2	Điều chỉnh lôgô hướng dẫn các hoạt động kết hợp xây dựng hệ thống câu hỏi ba mức độ	60	60.0
3	Tổ chức các hoạt động nâng cao vai trò của học sinh trong học nhóm của mô hình trường học mới	94	94.0
4	Phát huy vai trò tự quản của học sinh trong giờ học theo mô hình trường học mới	100	10.0
5	Rèn kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua các môn học, qua hoạt động ngoại khóa	95	95.0
6	Kỹ năng sử dụng đồ dùng và phương tiện dạy học hiện đại trong mô hình trường học mới	97	97.0
7	Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mô hình trường học mới	91	91.0
8	Kỹ năng phối kết hợp với CMHS để đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới	73	73.0

Nhận xét:

Từ bảng số liệu trên, tác giả nhận thấy:

Các trường đã tổ chức nhiều chuyên đề thiết thực có liên quan trực tiếp đến việc củng cố và nâng cao năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho GV. Có những chuyên đề chiếm tỉ lệ GV tham gia tập huấn cao. Đó chính là chuyên đề *“Phát huy vai trò tự quản của học sinh trong giờ học theo mô hình trường học mới”* chiếm 100%, chuyên đề này ảnh hưởng trực tiếp đến việc tạo môi trường thân thiện giữa Thầy - Trò, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó, có những chuyên đề có trên 90% số GV đăng ký bồi dưỡng, tập huấn, đó là chuyên đề: *“Tổ chức các hoạt động nâng cao vai trò của học sinh trong học nhóm của mô hình trường học mới”*; *“Rèn kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua các môn học, qua hoạt động ngoại khóa”*; *“Kỹ năng sử dụng đồ dùng và phương tiện dạy học hiện đại trong mô hình trường học mới”*; chuyên đề *“Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mô hình trường học mới”*. Đây là những nội dung rất cơ bản trong việc thực hiện dạy học theo mô hình trường học mới. Việc triển khai, áp dụng dạy học theo mô hình trường học mới đòi hỏi GV phải có năng lực dạy học phù hợp.

Song song với các chuyên đề kể trên vẫn còn có những chuyên đề số lượng GV đăng ký bồi dưỡng còn thấp. Ví dụ như chuyên đề *“Điều chỉnh lôgô hướng dẫn các hoạt động kết hợp xây dựng hệ thống câu hỏi ba mức độ”* chiếm tỉ lệ 60.0%; chuyên đề *“Kỹ năng phối kết hợp với CMHS để đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới”* chiếm tỉ lệ 73.0%. Qua đó thấy rằng: GV có ý thức học hỏi nhưng chưa xác định đúng được các chuyên đề thiết thực để bồi dưỡng, chưa góp phần nâng cao năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho GV. Như vậy việc lựa chọn chuyên đề bồi dưỡng của GV chưa thực sự phù hợp với yêu cầu nâng cao năng lực dạy học theo mô hình trường học mới và mục tiêu đổi mới giáo dục tiểu học.

Để đánh giá về thực trạng bồi dưỡng năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho đội ngũ GV tại các trường TH, tác giả đã khảo sát thông qua các hình thức bồi dưỡng, qua đó đánh giá mức độ thực hiện hoạt động bồi dưỡng của các trường cho giáo viên.

Bảng 2.10. Thực trạng bồi dưỡng năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho giáo viên

TT	Nội dung	Mức độ					
		Thường xuyên		Bình thường		Chưa thường xuyên	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Bồi dưỡng bằng hình thức tự học của giáo viên kết hợp với các sinh hoạt tập thể về chuyên môn.	60	80.0	35	35.0	5	5.0
2	Bồi dưỡng bằng hình thức tập trung theo lớp - bài.	45	45.0	50	50.0	5	5.0
3	Bồi dưỡng bằng hình thức học tập từ xa (qua mạng Internet)	40	40.0	50	50.0	10	10.0
4	Bồi dưỡng thông qua kèm cặp trong công việc, tại nơi làm việc	80	80.0	15	15.0	5	5.0
5	Tự bồi dưỡng	79	79.0	11	11.0	10	10.0
6	Thăm quan học tập trường bạn/ lớp bạn (thực tế)	50	50.0	30	30.0	20	20.0
7	Hội thảo chuyên đề	40	40.0	45	45.0	15	15.0

Nhận xét:

Qua kết quả khảo sát và quan sát thực tế các hoạt động trong nhà trường cùng với việc dự sinh hoạt chuyên môn ở 5 trường tiểu học trong phạm vi khảo sát kết hợp với việc trao đổi trực tiếp với một số GV, việc thực hiện các hình thức tổ chức như kể trên đã được vận dụng trong hoạt động tập huấn, bồi dưỡng năng lực dạy học của giáo viên theo mô hình trường học mới. Hình thức bồi dưỡng theo lớp - bài GV chỉ được tham gia do Phòng GD&ĐT huyện tổ chức bồi dưỡng trong những dịp chuẩn bị cho năm học mới và thường chỉ 1

lần/năm; những đối tượng tham gia hình thức này chỉ là Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và những GV cốt cán cấp trường.

Tuy nhiên, với hình thức *Bồi dưỡng theo hình thức học tập từ xa (qua mạng Internet)* có đến 40.0% số GV cho rằng không thường xuyên, với lý do trình độ tin học họ còn hạn chế, hình thức SHCM trực tuyến không đảm bảo cho GV trong việc bồi dưỡng về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới. Đa số các ý kiến cho rằng phải trực tiếp dự giờ, quan sát GV và HS trên lớp, rút kinh nghiệm trực tiếp thì GV mới nắm bắt được cách dạy; Điều này tác giả cũng nhận được câu trả lời của GV còn gặp khó khăn trong việc bồi dưỡng năng lực dạy học vì dạy học theo mô hình trường học mới đòi hỏi GV phải có dự giờ và được tư vấn trực tiếp thông qua SHCM.

Mặt khác, hầu hết những GV được hỏi đều áp dụng các hình thức bồi dưỡng khác nhau để thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, nhưng ở mức độ khác nhau, vì nhiều lý do: Một số GV cho biết họ chưa biết cách vận dụng đa dạng các hình thức bồi dưỡng; Một số khác cho rằng việc lựa chọn hình thức bồi dưỡng phải phù hợp với nội dung bồi dưỡng trong năm học, phần lớn GV chọn chuyên đề bồi dưỡng phù hợp với hình thức tự học kết hợp với sinh hoạt tổ nhóm.

Tỷ lệ hình thức *Tự bồi dưỡng, Bồi dưỡng thông qua kèm cặp trong công việc, tại nơi làm việc* được GV đánh giá ở mức độ thường xuyên cao vì mô hình trường học mới là mô hình tự học cho cả GV và cho cả HS, năng lực tự học, ý thức tự giác, cộng với khả năng tự tìm tòi, tích lũy kinh nghiệm là yếu tố quan trọng giúp cho GV thành công trong giảng dạy và giáo dục học sinh.

Thông qua hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học của GV các trường tiểu học theo mô hình trường học mới đã có những chuyển biến rõ rệt cụ thể ở bảng 2.11 sau:

Bảng 2.11. Mức độ cải thiện năng lực dạy học theo mô hình trường học mới sau khi tham gia bồi dưỡng

TT	Nội dung	Mức độ					
		Cải thiện tốt		Cải thiện		Chưa cải thiện	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Năng lực thiết kế bài dạy theo Tài liệu hướng dẫn học trong mô hình trường học mới.	70	70.0	25	25.0	5	5.0
2	Dạy học theo chuẩn kiến thức-kỹ năng các môn học và các hoạt động giáo dục trong mô hình trường học mới	80	80.0	12	12.0	8	8.0
3	Kỹ năng sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính chủ động và sáng tạo, phát triển năng lực của học sinh theo mô hình trường học mới.	60	60.0	30	30.0	10	10.0
4	Kỹ năng tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới	78	78.0	15	15.0	7	7.0
5	Năng lực đánh giá quá trình học tập của học sinh theo mô hình trường học mới.	75	75.0	20	20.0	5	5.0
6	Huy động sự tham gia của cộng đồng theo mô hình trường học mới	55	55.0	25	25.0	20	20.0
7	Hội thảo chuyên đề	70	70.0	20	20.0	10	10.0

Nhận xét:

Qua ý kiến đánh giá, phần lớn các GV cho rằng năng lực thiết kế bài dạy, năng lực tổ chức lớp học, kỹ năng sử dụng các phương pháp để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển năng lực của HS theo mô hình trường học mới đã được cải thiện.

Trên thực tế dự giờ kiểm tra các GV và qua nghiên cứu báo cáo tổng kết công tác tại 5 trường TH huyện Hiệp Hòa đã khảo sát thì hầu hết đang có chung một thực trạng: GV không xác định được chuyên đề bồi dưỡng một cách cụ thể, viết không đúng nội dung với modul GV đã đăng kí, có bài viết còn chép lại y

nguyên nội dung từ tài liệu, từ các văn bản hướng dẫn mà không có tính thực tiễn, chưa nêu bật được kiến thức trọng tâm của chuyên đề, áp dụng chuyên đề vào thực tế giảng dạy còn máy móc, GV còn bị ảnh hưởng nhiều của lối dạy học truyền thống,... đây là những lý do mang lại kết quả chất lượng, hiệu quả công tác của GV chưa cao và đây cũng là thực trạng ở các trường TH theo mô hình VNEN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa hiện nay.

2.3.1.3. Thực trạng quá trình giảng dạy, học tập theo mô hình trường học mới ở các trường TH huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang

a) Thông tin triển khai mô hình VNEN của 11 trường tiểu học

Theo mô hình trường học mới, ngoài nắm chắc kiến thức cơ bản, học sinh còn được học kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp... hội đồng tự quản lớp cũng do các em tự bầu lên. GV là người tổ chức lớp, nên quan sát kỹ và quan tâm đến từng em. Nhiều em khi đến lớp thì nhút nhát, học chưa tốt, nhưng sau một thời gian đã tự tin lên rất nhiều và kết quả tiến bộ rõ rệt, điều này đã phần nào chứng minh hiệu quả của mô hình trường học mới tại huyện Hiệp Hòa hiện nay.

Bảng 2.12. Thông tin triển khai mô hình VNEN của 11 trường tiểu học

STT	Tên trường	Dạy mô hình ENVN
1	TH Xuân Cầm	Triển khai thí điểm từ năm học 2012-2013
2	TH Hoàng Vân	Triển khai thí điểm từ năm học 2012-2013
3	TH Đức Thắng 1	Triển khai thí điểm từ năm học 2013-2014
4	TH Danh thắng	Triển khai thí điểm từ năm học 2013-2014
5	TH Thị Trấn	Triển khai thí điểm từ năm học 2014-2015
6	TH Ngọc Sơn	Triển khai thí điểm từ năm học 2014-2015
7	TH Đức Thắng 2	Triển khai thí điểm từ năm học 2014-2015
8	TH Thường Thắng	Triển khai thí điểm từ năm học 2014-2015
9	TH Hoàng An	Triển khai thí điểm từ năm học 2014-2015
10	TH Hùng Sơn	Triển khai thí điểm từ năm học 2015-2016
11	TH Đoàn Bái 1	Triển khai thí điểm từ năm học 2015-2016

Bảng 2.13. Các môn học tổ chức trong lớp học VNEN của 11 trường tiểu học

Môn học	Hoạt động giáo dục
1. Toán	1. GD Thể chất
2. Tiếng Việt	2. GD Mỹ thuật
3. Tự nhiên xã hội (lớp 1,2,3)	3. GD Âm nhạc
3. Khoa học (lớp 4,5)	4. GD Đạo Đức
4. Lịch sử & Địa Lý (lớp 4,5)	5. GD kỹ năng sống

Việc thí điểm được thực hiện ở ba môn : Tiếng Việt, Toán và Tự nhiên - Xã hội. Kiến thức của các môn này vẫn giữ nguyên, chỉ có tài liệu dạy và học được biên soạn lại theo ba hoạt động: Hoạt động cơ bản, thực hành và ứng dụng. Đặc biệt, tài liệu đã sắp xếp “ba trong một”, sách giáo khoa, sách GV và sách hướng dẫn HS tự học gộp làm một cuốn. Với tài liệu này, ngoài HS, GV thì CMHS cũng có thể dùng để hướng dẫn cho con em mình học tập.

Đối với các môn học Đạo Đức , Âm nhạc , Mỹ thuật,... được thiết kế theo hướng tổ chức các hoạt động giáo dục , không nặng về kiến thức , hướng vào phát triển các kỹ năng, năng lực cho HS.

Kết quả thực hiện hoạt động dạy học theo mô hình trường học mới cho thấy sự chuyển biến về kết quả học tập của học sinh. Trong quá trình triển khai thí điểm, các GV đã chủ động tự học, tự bồi dưỡng, tự làm đồ dùng dạy học, chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm đồng nghiệp qua dự giờ thăm lớp, sinh hoạt tổ chuyên môn. GV rèn luyện kỹ năng quan sát, hỗ trợ và hướng dẫn HS khi cần thiết, phối hợp chặt chẽ với phụ huynh và cộng đồng cùng tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

b) Thực hiện hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HS ở các trường tiểu học theo mô hình VNEN

Tổ chức dạy học trên lớp là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, trên lớp học là nơi diễn ra các hoạt động tương tác “dạy-học” giữa GV và HS, việc dạy học theo mô hình trường học mới VNEN có nhiều đổi mới so với mô hình dạy học truyền thống, kết quả khảo sát thực hiện nội dung giảng dạy, các khâu lên lớp của giáo viên theo mô hình VNEN.

**Bảng 2.14. Khảo sát thực trạng thực hiện hoạt động giảng dạy của GV
thuộc 5 trường TH huyện Hiệp Hòa áp dụng mô hình VNEN**

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	GV thực hiện đúng quy chế, nề nếp dạy học.	80	80.0	15	15.0	5	5.0
2	Tổ chức dạy học theo mô hình VNEN, bầu hội đồng tự quản và các thành viên.	86	86.0	14	14.0	0	0
3	Sử dụng phương pháp và hình thức dạy học hiện đại.	65	65.0	20	20.0	15	15.0
4	Hỗ trợ học sinh tham gia thảo luận, thực hành.	70	70.0	16	16.0	14	14.0
5	Khuyến khích học sinh từng bước vận dụng kiến thức được học vào thực tiễn.	68	68.0	22	22.0	10	10.0
6	Khai thác đồ dùng dạy học triệt để.	75	75.0	15	15.0	10	10.0
7	GV đảm bảo quy trình 5 bước tổ chức hoạt động dạy học.	90	90.0	10	10.0	0	0

Nhận xét:

Đội ngũ CBQL và GV giảng dạy theo mô hình VNEN đều thực hiện tốt trong đó GV thực hiện đúng quy chế, nề nếp dạy học 80%; Tổ chức dạy học theo mô hình VNEN, bầu hội đồng tự quản và các thành viên được thực hiện tốt 86.0%.

Một số nội dung được đánh giá thấp và thực hiện chưa tốt là nội dung: Sử dụng phương pháp và hình thức dạy học hiện đại 65%; Hỗ trợ HS tham gia thảo luận, thực hành 70%; Khai thác đồ dùng dạy học triệt để 75%. Về cơ bản

các nội dung trên đều tương đồng với mô hình dạy học truyền thống, do vậy GV đã có nề nếp, kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo mô hình VNEN ở các trường TH hiện nay còn một số tồn tại, nguyên nhân là do khối lượng kiến thức cần truyền tải trong một tiết học khá nhiều, số lượng HS trong lớp đông, đồ dùng phục vụ dạy học còn thiếu, do vậy một số GV đã chủ động cắt bớt nội dung trong quá trình lên lớp đảm bảo điều kiện thực tiễn.

GV đảm bảo quy trình 5 bước tổ chức hoạt động dạy học được thực hiện ở mức độ tốt 90.0%. Quy trình 5 bước của GV gồm bước khởi động (GV tạo động cơ, hứng thú cho học sinh); Tổ chức cho HS trải nghiệm; GV tiến hành phân tích, đánh giá, rút ra kiến thức mới; tổ chức cho HS thực hành và vận dụng kiến thức trong bài đã học. Điều đó cho thấy, GV đã tích cực, linh hoạt và chủ động vận dụng.

Để cụ thể thực hiện tiến trình lên lớp của GV theo mô hình VNEN, tác giả đã tiến hành khảo sát các bước tổ chức dạy học của GV, và được cụ thể hóa ở bảng 2.15 sau:

Bảng 2.15. Thực trạng thực hiện quy trình 5 bước tổ chức dạy học của giáo viên theo mô hình VNEN

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Bước 1. Gọi động cơ, tạo hứng thú (bước khởi động)	75	75.0	15	15.0	10	10.0
2	Bước 2. Tổ chức cho HS trải nghiệm	60	60.0	20	20.0	20	20.0
3	Bước 3. Phân tích - Khám phá - Rút ra kiến thức mới	76	76.0	24	24.0	0	0
4	Bước 4. Thực hành	80	80.0	10	10.0	10.0	10.0
5	Bước 5. Vận dụng	70	70.0	35	35.0	5	5.0

Nhận xét:

Nhìn chung, GV đã đảm bảo tổ chức hoạt động dạy học theo mô hình VNEN ở tất cả các bước theo định hướng phát triển năng lực của HS. GV đã biết cách gợi động cơ, tạo hứng thú bằng cách đặt câu hỏi, đố vui, kể chuyện hoặc nêu một tình huống, trò chơi, hiệu quả đạt tốt 75.0%. Trong dạy học theo mô hình VNEN, tổ chức cho HS trải nghiệm là bước thứ 2, ở bước này GV các trường tùy theo mục tiêu bài học, nội dung kiến thức được chia thành hoạt động mang tính tìm tòi, sáng tạo, tạo điều kiện để các em thảo luận, trình bày ý kiến cá nhân. Tuy nhiên phần lớn GV chưa phát huy hết tiềm năng của HS, và hoạt động trải nghiệm thường bị giới hạn bởi các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị nên hiệu quả tốt chỉ đạt 60.0%. GV đã thực hiện tốt ở bước phân tích, dùng các câu hỏi gợi mở, câu hỏi phân tích, đánh giá để giúp HS thực hiện tiến trình phân tích và rút ra bài học chiếm tỉ lệ tốt đạt 76.0%. Ở bước thực hành và vận dụng được thực hiện ở mức tốt lần lượt là 80.0%; 70.0%.

Thực tế cho thấy, tổ chức dạy học theo mô hình VNEN, giáo viên hạn chế tối đa việc thuyết trình, giảng giải mà tập trung vào việc quan sát, hướng dẫn, tổ chức học tập, hỗ trợ, thúc đẩy quá trình học tập của học sinh... Tuy nhiên, theo phản ánh của nhiều giáo viên, một bộ phận học sinh chưa có ý thức cao trong việc tự học, còn hạn chế khi tham gia thảo luận nhóm. Nhiều giáo viên cũng cho rằng, học nhóm theo mô hình VNEN có nhiều điều bất lợi, khi số học sinh trong một nhóm từ 5-7 em nhưng chỉ một vài em có ý thức học, biết hợp tác, các em khác còn thiếu tập trung.

Mục tiêu dạy học theo mô hình VNEN là giúp cho HS làm chủ nguồn tri thức, khai thác khả năng sáng tạo, rèn luyện các kỹ năng trong quá trình học tập. Để làm được điều này các em phải chủ động, luôn có ý thức học tập, tìm tòi và chấp hành nghiêm túc hướng dẫn của GV. Kết quả thực hiện hoạt động học tập của học sinh theo mô hình VNEN được thể hiện ở bảng 2.16 sau:

Bảng 2.16. Thực trạng thực hiện hoạt động học tập của học sinh ở 5 trường TH theo mô hình VNEN

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	HS tự chuẩn bị bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên.	89	89.0	11	11.0	0	0
2	HS thực hiện nghiêm túc nề nếp học tập.	92	92.0	8	8.0	0	0
3	HS tham gia các hoạt động trên lớp dưới sự hướng dẫn của GV.	80	80.0	15	15.0	5	5.0
4	HS thực hiện đánh giá kết quả học tập cùng GV.	75	75.0	20	20.0	5	5.0
5	HS đối chiếu và tự nhận xét kết quả bài học.	50	50.0	10	10.0	40	40.0
6	HS thực hiện đầy đủ 10 bước học tập theo quy định.	70	70.0	13	13.0	17	17.0

Nhận xét:

Học sinh các trường tiểu học theo mô hình VNEN được GV đánh giá tốt ở các nội dung: HS thực hiện nghiêm túc nề nếp học tập 92%; HS tham gia các hoạt động trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên 80.0%. Ở nội dung HS đối chiếu và tự nhận xét kết quả bài học ở mức độ chưa tốt 40.0%.

HS thực hiện đầy đủ 10 bước học tập theo quy định chiếm tỉ lệ thực hiện tốt là 70.0%. Điều đó cho thấy, HS vẫn còn khá bỡ ngỡ với hoạt động học tập mới. Ở đó, HS đóng vai trò trung tâm của hoạt động học, chủ động hợp tác nhóm để tiến hành giải quyết các nội dung học tập đề ra. Thực tế, chất lượng HS không đồng đều trong một lớp cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động học tập của HS theo mô hình trường học mới.

Nhìn chung, ngay từ đầu năm học, GV tại các lớp ứng dụng mô hình VNEN đã tổ chức phân nhóm HS, rèn nề nếp học tập, kỹ năng điều hành cho hội đồng tự quản, nhóm trưởng... Thực hiện luân phiên thành viên hội đồng tự quản học sinh, đội ngũ nhóm trưởng và cơ cấu nhóm để HS trong lớp có cơ hội thể hiện bản thân, HS được hợp tác với tất cả các bạn trong lớp. Các GV đã linh

hoạt, chủ động điều chỉnh nhịp độ học tập, hình thức học tập cho phù hợp với đối tượng HS lớp mình phụ trách. Trong các lớp học, GV ghi chép nhật kí cụ thể ở mỗi bài dạy để điều chỉnh, rút kinh nghiệm khi gặp những vướng mắc về nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động theo tài liệu. Có sổ nhật kí ghi nhận xét kết quả học tập của HS qua từng bài, từng thời điểm cụ thể; thường xuyên khen ngợi, khích lệ HS trong học tập. Đồng thời, chuẩn bị chu đáo đồ dùng học tập (phiếu bài tập, hình ảnh, đồ dùng trực quan); dự kiến tình huống trả lời của HS để giải quyết kịp thời, hiệu quả; chuẩn bị đáp án các câu hỏi, bài tập chính xác để kiểm tra kết quả bài làm của HS.

Bảng 2.17. Thực trạng thực hiện quy trình 10 bước học tập của HS theo mô hình VNEN

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Em học theo nhóm.	70	70.0	25	25.0	5	5.0
2	Em ghi đầu bài vào vở.	80	80.0	12	12.0	8	8.0
3	Em đọc mục tiêu bài học.	60	60.0	30	30.0	10	10.0
4	Em bắt đầu thực hiện hoạt động cơ bản.	78	78.0	15	15.0	7	7.0
5	Em kết thúc hoạt động cơ bản, em báo cáo với thầy cô.	75	75.0	20	20.0	5	5.0
6	Em bắt đầu hoạt động thực hành	80	80.0	15	15.0	5	5.0
7	Em bắt đầu hoạt động ứng dụng.	79	79.0	11	11.0	10	10.0
8	Em đánh giá cùng với thầy, cô giáo.	75	75.0	20	20.0	5	5.0
9	Em tự đánh giá vào bảng đo tiến độ.	65	65.0	15	15.0	20	20.0
10	Em đã hoàn thành bài học hay còn phải học lại phần nào	70	70.0	20	20.0	10	10.0

Nhận xét:

Quy trình 10 bước học tập của HS được thực hiện ở mức tốt khá cao, trong đó các bước như em ghi đầu bài vào vở, em bắt đầu bước thực hành chiếm tỉ lệ thực hiện tốt 80.0%. Một số bước HS còn lúng túng như bước em tự đánh giá vào bảng tiến độ chiếm tỉ lệ tốt 65%; Em đọc mục tiêu bài học chiếm tỉ lệ 60%.

Quá trình khảo sát cho thấy, phần lớn GV đều có chung một nhận định rằng đây vẫn là hoạt động khá mới mẻ, HS bước đầu chưa dễ thích nghi, kỹ năng điều hành của nhóm trưởng, đặc biệt đối với khối lớp 2 chưa quen, chưa tốt; học sinh thao tác chậm. Hầu hết học sinh chưa mạnh dạn, còn rụt rè, nhút nhát; nhiều học sinh chưa biết hợp tác trong học tập, nên rất tốn thời gian của giáo viên trên lớp để rèn luyện kỹ năng này cho học sinh. Bàn ghế thiết kế chưa phù hợp theo hình thức dạy học VNEN (nhà trường phải xếp 2 bàn đôi lại với nhau cho một nhóm HS tạo thành bàn hình chữ nhật) làm cho HS rất khó ngồi học tập và thảo luận nhóm. Nội dung trong từng bài quá dài, đa số HS lớp 2 đọc còn đánh vần nên các em không hiểu câu lệnh vì thế các em không tự giải quyết được các yêu cầu trong bài. Bên cạnh đó, HS chưa tích cực trong học tập theo nhóm, chưa mạnh dạn trao đổi và đưa ra ý kiến của bản thân về những vấn đề liên quan đến bài.



**Hình 2.1. Ảnh chụp hoạt động học tập ở trường Tiểu học Xuân Cẩm,
Tiểu học Thường Thắng**

2.3.2. Thực trạng quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2.3.2.1. Quản lý thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục theo mô hình VNEN

Khảo sát mức độ thực hiện hoạt động quản lý thực hiện mục tiêu, giáo dục theo mô hình VNEN ở các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa được kết quả ở bảng 2.18 sau:

Bảng 2.18. Khảo sát việc thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục theo mô hình VNEN

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Nhận thức của CBQL, GV về mục tiêu và nội dung chương trình giáo dục theo mô hình VNEN.	89	78.0	11	9.6	14	12.4
2	Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để thống nhất với TCM và GV trong việc lựa chọn PPDH mới nhằm đáp ứng mục tiêu và nội dung dạy học theo mô hình VNEN.	70	61.4	40	35.1	4	3.5
3	Chỉ đạo TCM phân công GV chuẩn bị nội dung dạy học đáp ứng mục tiêu đề ra.	75	65.8	35	30.7	4	3.5
4	Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình dạy học.	60	52.6	44	38.5	10	8.9

Nhận xét:

Qua bảng tổng hợp cho thấy việc thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình mô hình trường học mới của CBQL, GV ở các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa tương đối tốt, nội dung nhận thức của CBQL, GV về mục tiêu và nội

dung chương trình giáo dục theo mô hình VNEN chiếm tỉ lệ tốt 78%; theo đó các nội dung cụ thể hóa việc thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình được các trường triển khai ở mức độ tốt khá cao, bước đầu đã tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để thống nhất với TCM và GV trong việc lựa chọn PPDH mới nhằm đáp ứng mục tiêu và nội dung dạy học theo mô hình VNEN. Có thể thấy rõ hơn điều này qua những nhiệm vụ đầu tiên của HS trong 10 bước học tập đã có bước “Em đọc mục tiêu bài học”.

Việc chuyển sang áp dụng mô hình VNEN nhận thức của GV, HS về việc thực hiện mục tiêu, nội dung dạy học đã tiến bộ rõ rệt, hầu hết các em HS và GV đều rất hào hứng với cách thức tổ chức lớp học mới, thực hiện theo các bước học giúp HS chủ động nắm vững nội dung học tập ngay từ đầu đến các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm rồi tương tác với lớp với GV, ở lớp học các em không phải ganh đua nhau về điểm số mà cũng hỗ trợ giúp đỡ nhau trong học tập và các hoạt động giáo dục.

Mục tiêu dạy học theo mô hình VNEN có sự thay đổi song chương trình, nội dung SGK vẫn giữ nguyên chỉ viết dưới dạng tài liệu hướng dẫn tự học. Việc chỉ đạo GV điều chỉnh tài liệu HDTH đã được hiệu trưởng quan tâm nhưng kết quả chưa cao có thể do yếu tố khách quan khi trong giai đoạn những năm học đầu triển khai mô hình VNEN, GV vừa phải tập trung nhiều cho việc đổi mới PPDH nên có thể trong những năm học tới đây những điểm trong tài liệu HDTH chưa phù hợp với thực tế địa phương sẽ được GV đề xuất điều chỉnh.

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để thống nhất với TCM và GV trong việc lựa chọn PPDH mới nhằm đáp ứng mục tiêu và nội dung dạy học theo mô hình VNEN được đánh giá ở mức trung bình chiếm tỉ lệ 35.1%. Điều đó cho thấy những khó khăn trong đổi mới PPDH hiện nay, tâm lý của GV còn e ngại, chưa mạnh dạn sử dụng các PPDH phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS.

2.3.2.2. Quản lý kế hoạch dạy học theo mô hình trường học mới

Bằng việc nghiên cứu kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học, kế hoạch chỉ đạo chuyên môn của các trường tiểu học trong phạm vi nghiên cứu tác giả thấy những nội dung căn bản trong chỉ thị năm học của phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa, hướng dẫn sinh hoạt tổ chuyên môn theo công văn số 86/GPE-VNEN ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc “hướng dẫn thí điểm đánh giá học sinh tiểu học theo mô hình trường học mới Việt Nam”. Điều đó cho thấy công tác quản lý kế hoạch dạy học theo mô hình trường học mới ở các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa đã bám sát vào chỉ đạo của các cấp, có triển khai đến đội ngũ cán bộ, GV mỗi nhà trường. Kết quả thực hiện thể hiện ở bảng 2.19 sau:

Bảng 2.19. Thực trạng thực hiện kế hoạch dạy học theo mô hình VNEN

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Thành lập Ban Tổ chức, xây dựng chương trình tập huấn triển khai kế hoạch của cấp trên	86	75.4	14	12.3	14	12.3
2	Xây dựng kế hoạch xác định rõ các mục tiêu, xây dựng biện pháp thực hiện có tính cần thiết và khả thi.	80	70.2	24	21.1	10	8.7
3	Tổ chức huy động tối đa các nguồn lực và phân công nhiệm vụ hợp lý cho các đối tượng tham gia xây dựng kế hoạch của Nhà trường.	84	73.6	14	12.3	16	14.1
4	Phổ biến công khai kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch trong nhà trường.	89	78.1	11	9.6	14	12.3

Nhận xét:

Từ kết quả điều tra và số liệu điều tra ở bảng 2.19 cho thấy CBQL, GV đánh giá các nhà trường TH tổ chức xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động dạy học theo mô hình trường học mới ở mức độ tương đối tốt.

Trong năm nội dung đánh giá, nội dung được đánh giá ở mức độ tốt, đứng ở vị trí số 1 là “ Phổ biến công khai kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch trong nhà trường” (78.1%). Nội dung được đánh giá thấp hơn là “ Tổ chức huy động tối đa các nguồn lực và phân công nhiệm vụ hợp lý cho các đối tượng tham gia xây dựng kế hoạch của Nhà trường” (73.6%). Kết quả này cho thấy, việc xây dựng kế hoạch chưa quan tâm nhiều đến mục tiêu và các giải pháp thực hiện, chưa tổ chức huy động tối đa các nguồn lực tham gia xây dựng, vì vậy chưa phân công nhiệm vụ hợp lý cho các đối tượng tham gia xây dựng kế hoạch của Nhà trường.

Các nhà trường TH đều chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện dạy học theo mô hình trường học mới ngay từ đầu năm học, nhà trường nghiêm ýt công khai kế hoạch lấy ý kiến đóng góp của giáo viên. Tuy nhiên, việc kế hoạch hóa nội dung dạy học còn mang tính hình thức và trách nhiệm, năng lực quản lý của cán bộ còn yếu do vậy trong quá trình xây dựng chưa chú ý đến chất lượng và các giải pháp thực hiện. Trong thời gian tới, các nhà trường cần có kế hoạch nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ, làm tốt công tác kế hoạch hóa góp phần nâng cao chất lượng quản lý của nhà trường.

2.3.2.3. Quản lý hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS theo mô hình trường học mới (VNEN)

Công tác tổ chức, phân công cán bộ đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn được xác định là một trong các yếu tố trọng tâm làm nên sự thành công của nhà quản lý. Dạy học theo mô hình trường học mới, ngoài việc phân công đội ngũ GV phụ trách các khối lớp theo đúng chuyên môn, đúng trình độ, việc phân công đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, phục vụ giảng dạy, cán bộ quản lý kiểm tra đôn đốc thực hiện việc giảng dạy của GV và công tác phối hợp các

lực lượng giáo dục cũng là nhiệm vụ quan trọng. Khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV được thể hiện ở bảng 2.20 sau:

Bảng 2.20. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giáo viên theo mô hình trường học VNEN

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Quy hoạch, tuyển chọn GV tham gia giảng dạy theo mô hình trường học mới.	86	75.4	14	12.3	14	12.3
2	Phân công GV vào từng khối lớp và xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên.	80	70.2	24	21.1	10	8.7
3	Phân công cán bộ theo dõi, kiểm tra đôn đốc hoạt động dạy học của GV nhà trường.	75	65.8	35	30.7	4	3.5
4	Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ GV tham gia giảng dạy theo mô hình trường học mới.	84	73.6	14	12.3	16	14.1
5	Tiến hành dự giờ, thăm lớp để có hướng dẫn cụ thể cho GV tham gia giảng dạy mô hình VNEN.	80	70.2	24	21.1	10	8.7
6	Kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV thường xuyên, định kỳ.	85	74.6	25	21.9	4	3.5

Nhận xét:

Công tác quản lý hoạt động dạy học theo mô hình trường học mới trên địa bàn huyện Hiệp Hòa được đội ngũ CBQL, GV đánh giá tốt ở các nội dung như: Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ GV tham gia giảng dạy theo mô hình trường học mới (74.6%).

Các nội dung: Quy hoạch, tuyển chọn GV tham gia giảng dạy theo mô hình trường học mới; Phân công cán bộ theo dõi, kiểm tra đôn đốc hoạt động dạy học của GV nhà trường; Phân công GV vào từng khối lớp và xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên được đánh giá ở mức độ tốt chưa cao. Nguyên

nhân chính là do đây là mô hình còn khá mới đối với các trường TH, một số trường chưa thích ứng được với những thay đổi trong công tác quản lý hoạt động dạy học, đặc biệt là việc lựa chọn, bố trí GV phù hợp, có thể đảm nhiệm tốt vai trò giảng dạy trong mô hình trường học mới.

Kết luận: đầu năm học, các trường TH đã thực hiện tốt quy hoạch lựa chọn GV tham gia giảng dạy theo mô hình trường học mới, phân công bố trí các lớp học một cách hợp lý, có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV tham gia giảng dạy theo mô hình trường học mới. Tuy nhiên, việc phân công đội ngũ GV giảng dạy tại các khối lớp được đánh giá chưa khách quan, chưa phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ cán bộ phục vụ giảng dạy, kiểm tra và đôn đốc, đánh giá GV và học sinh. Để hệ thống thực hiện tốt, theo tác giả các nhà trường cần quan tâm đồng bộ đến tất cả các nội dung trên.

Song song với quản lý hoạt động dạy học của GV, công tác tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập cho HS rất được quan tâm, điều đó thể hiện ở bảng 2.21 sau:

Bảng 2.21. Thực trạng quản lý hoạt động học của HS theo mô hình VNEN

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Hướng dẫn học sinh tự bầu ra Hội đồng tự quản.	86	75.4	14	12.3	14	12.3
2	Xây dựng và phổ biến nội quy lớp học	79	69.3	15	13.2	20	17.5
3	Tổ chức hoạt động học tập theo mô hình VNEN: Xây dựng góc học tập, hòm thư, thư viện, góc cộng đồng.	84	73.6	14	12.3	16	14.1
4	Đôn đốc, kiểm tra, và hướng dẫn HS thực hiện quy trình 10 bước học tập.	85	74.6	25	21.9	4	3.5
5	Tạo điều kiện để HS phát huy tính chủ động, tích cực trong học tập.	80	70.2	24	21.1	10	8.7

Nhận xét:

Công tác quản lý hoạt động học tập của HS theo mô hình VNEN ở các trường tiểu học được CBQL, GV đánh giá tốt ở các nội dung: Hướng dẫn HS bầu ra Hội đồng tự quản (75,4%); Đơn đốc, kiểm tra và hướng dẫn HS thực hiện quy trình 10 học tập (74.6%). Điều đó cho thấy những ưu điểm của mô hình trường học mới, HS bắt đầu làm quen với hình thức học tập mới mẻ, khơi dậy ở HS hứng thú, tinh thần làm việc nhóm, chủ động trong học tập dưới sự hướng dẫn, động viên của GV.

Tổ chức hoạt động học tập theo mô hình VNEN: Xây dựng góc học tập, hòm thư, thư viện, góc cộng đồng được CBQL, GV đánh giá ở mức độ tốt (73.6%), các hoạt động hỗ trợ học tập được thực hiện đầy đủ, thường xuyên. Tuy nhiên, do điều kiện nguồn lực, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học còn hạn chế nên các hoạt động này mới chỉ dừng lại ở mức sơ sài.

2.3.2.4. Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá theo mô hình trường học mới

Công tác thanh tra, kiểm tra là một trong bốn chức năng quan trọng của quản lý, là hoạt động thường xuyên trong công tác quản lý nhà trường, là một nhiệm vụ bắt buộc theo đúng quy định của bộ GD&ĐT. BGH các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá sẽ giúp đỡ đội ngũ GV, nhân viên thực hiện đúng và tốt chức trách của mình góp phần nâng cao hiệu quả GD&ĐT trong các nhà trường theo mô hình VNEN. Nội dung này được tiến hành khảo sát với 6 tiêu chí, kết quả thể hiện trên bảng 2.22 sau:

**Bảng 2.22. Thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá
theo mô hình VNEN**

TT	Nội dung	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá đúng mục đích, yêu cầu.	86	75.4	14	12.3	14	12.3
2	Phổ biến kế hoạch kiểm tra đánh giá, công khai các tiêu chí và kế hoạch kiểm tra đánh giá đến tất cả giáo viên.	80	70.2	24	21.1	10	8.7
3	Tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá đột xuất, định kỳ.	79	69.3	15	13.2	20	17.5
4	Nhận xét, đánh giá sau kiểm tra một cách công bằng và công khai.	80	70.2	24	21.1	10	8.7
5	Tổ chức rút kinh nghiệm cụ thể về hoạt động dạy học của từng GV sau kiểm tra.	75	65.8	35	30.7	4	3.5
6	Tổ chức khen thưởng và phê bình nhắc nhở kịp thời sau khi kiểm tra đánh giá.	60	52.6	10	8.9	44	38.5

Nhận xét:

Kết quả trên cho thấy, các trường TH đã làm tốt công tác thanh kiểm tra, đánh giá hoạt động theo mô hình trường học mới. Các nhà trường đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra cụ thể đối với từng nội dung trong từng thời điểm. Nội dung đánh giá công khai, đúng với quy định, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của nhà trường. Căn cứ vào kết quả thanh kiểm tra làm cơ sở đánh giá thi đua giữa tập thể, cá nhân trong nhà trường, làm cơ sở để đánh giá hiệu quả dạy học cũng như khen thưởng cuối năm học.

Kết quả điều tra và phân tích số liệu cho thấy trong 6 tiêu chí đánh giá đưa ra đều thực hiện ở mức độ tương đối tốt; tiêu chí “Tổ chức khen thưởng và phê bình nhắc nhở kịp thời sau khi kiểm tra đánh giá” có 38.5% đánh giá ở mức độ chưa tốt. Kết quả trên đã phản ánh hiệu trưởng ở các nhà trường hiểu rõ tầm quan trọng và chức năng của đánh giá trong quản lý hoạt động theo mô

hình VNEN, tuy nhiên một số tiêu chí cần phải bổ sung thêm như: việc đánh giá kết quả dạy học, nhận xét công bằng, khách quan, vô tư, điều này rất quan trọng, bởi sự đánh giá công bằng của hiệu trưởng với GV tạo cho họ nhìn nhận đúng về năng lực làm việc của mình và đồng nghiệp, cho họ biết khả năng của mình so với đồng nghiệp, tạo cho họ niềm tin, động lực để họ nỗ lực phấn đấu; hoặc tiêu chí “Tổ chức rút kinh nghiệm cụ thể về hoạt động dạy học của từng GV sau kiểm tra” cũng cần quan tâm thêm. Hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học mới dừng ở việc rút kinh nghiệm cho GV, chỉ ra các sai lệch còn tồn tại trong các tiết dạy, còn việc đánh giá việc điều chỉnh sai lệch trong dạy học của GV sau rút kinh nghiệm thường thực hiện rất chậm trễ có khi sau nhiều tháng.

2.3.2.5. Quản lý CSVC, thiết bị phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục theo mô hình VNEN

Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục theo mô hình VNEN là quản lý yếu tố nguồn lực để đảm bảo cho hoạt động diễn ra theo đúng mục tiêu. Khảo sát thực trạng công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của các trường theo mô hình VNEN được thể hiện trong bảng 2.23.

Bảng 2.23. Thực trạng quản lý CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục theo mô hình VNEN

TT	Nội dung	Mức độ					
		Đầy đủ		Bình thường		Chưa đầy đủ	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn, sách tham khảo dạy học theo mô hình VNEN.	60	52.6	14	12.3	40	45.1
2	Phương tiện học tập, phòng thực hành, phòng đa năng	40	45.1	24	21.1	50	43.8
3	Đồ dùng dạy học	65	57.0	19	16.7	30	26.3
4	Máy tính, máy chiếu, loa đài, âm thanh.	30	26.3	24	21.1	60	52.6

Kết quả bảng 2.23 cho thấy:

CSVN, trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục theo mô hình VNEN ở 5 trường TH thuộc huyện Hiệp Hòa còn thiếu, chưa đầy đủ. Nhất là máy tính, máy chiếu, hệ thống loa đài, âm thanh phục vụ dạy học (52.6%).

CBQL, GV đánh giá mức độ đầy đủ đảm bảo sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn, sách tham khảo dạy học theo mô hình VNEN; Các phương tiện học tập, phòng thực hành, phòng đa năng còn chưa đầy đủ (43.8%).

Thực tế trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến việc mua sắm bổ sung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, phương tiện hỗ trợ cho học tập, xây dựng mới phòng thực hành, phòng chức năng và bổ sung phương tiện đồ dùng đảm bảo cho dạy học theo yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông. Tuy nhiên do điều kiện nguồn lực có hạn, nhận thức chưa cao của HS, CBQL, GV nhà trường trong việc sử dụng CSVN, thiết bị vào mục đích tự học nên hiệu quả không đạt được như mong đợi.

2.3.2.6. Quản lý mối quan hệ giữa nhà trường gia đình- xã hội theo mô hình VNEN

Trong mô hình VNEN , việc xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội có một ý nghĩa quan trọng. Sự tham gia của cộng đồng, CMHS được thể hiện rất rõ trong mô hình VNEN. Cộng đồng chính là nơi trẻ sinh sống, nơi trẻ ứng dụng nhiều điều đã được học tập là nơi cung cấp nhiều nguồn thông tin nhất. Điều đó được thể hiện ở bảng 2.24 sau:

Bảng 2.24. Khảo sát thực trạng quản lý mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội theo mô hình VNEN

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện					
		Thường xuyên		Đôi khi		Chưa khi nào	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc giữa nhà trường với CMHS, GV - CMHS, Nhà trường với cộng đồng.	75	65.8	35	30.7	4	3.5
2	Kêu gọi sự hỗ trợ về các điều kiện học tập, cơ sở vật chất từ CMHS, CĐXH	79	69.3	15	13.2	20	17.5
3	Phối hợp tổ chức hoạt động giáo dục có sự tham gia của CMHS và CĐXH	65	57.0	19	16.7	30	26.3

Nhận xét:

Qua bảng khảo sát có thể thấy công tác quản lý mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình và xã hội theo mô hình VNEN ở các trường TH hiện nay chưa thường xuyên . Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc giữa nhà trường với CMHS, GV - CMHS, Nhà trường với cộng đồng chiếm tỉ lệ thường xuyên là 65.8%. Kênh thông tin chính ở các trường hiện nay vẫn là sổ liên lạc hoặc thông qua các cuộc họp phụ huynh, một số trường không hoạt động trang web điện tử nên việc theo dõi hoạt động của nhà trường bị hạn chế . Kêu gọi sự hỗ trợ về các điều kiện học tập , cơ sở vật chất từ CMHS , cộng đồng xã hội tuy được thực hiện thường xuyên xong do đặc thù địa phương là địa bàn khu vực nông thôn nhiều, các điều kiện về kinh tế còn khó khăn nên sự đóng góp về vật chất còn thiếu thốn. Công tác phối hợp tổ chức hoạt động giáo dục có sự tham gia của CMHS và cộng đồng xã hội đã bước đầu được quan tâm song hiệu quả chưa đạt như mong đợi.

2.3.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan đến quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tác giả thu được kết quả ở bảng 2.25 sau:

Bảng 2.25. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý mô hình trường tiểu học mới

TT	Nội dung	Ý kiến đánh giá (%)	
		Ảnh hưởng	Xếp bậc
1	Nhận thức của CBQL, GV, CMHS và dư luận xã hội về tác dụng của mô hình trường TH mới trong hoạt động dạy học và giáo dục.	86.7	1
2	Năng lực quản lý, điều hành của Hiệu trưởng	75.4	3
3	Chế độ đãi ngộ với giáo viên, CBQL.	67.0	4
4	Trình độ, năng lực của đội ngũ GV.	82.0	2
5	Sự phối hợp của các lực lượng giáo dục trong quá trình triển khai mô hình trường TH mới.	61.0	5
6	Hệ thống CSVC phục vụ cho công tác tự học của HS.	57.0	6

Nhận xét:

Xếp ở vị trí thứ nhất chính là nhận thức của CBQL, GV, CMHS và dư luận xã hội về tác dụng của mô hình trường tiểu học mới trong hoạt động dạy học và giáo dục (86.7%).

Trình độ, năng lực của đội ngũ GV xếp vị trí thứ 2 (82.0%). Nguồn nhân lực trong các trường TH của huyện Hiệp Hòa có đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng được yêu cầu đổi mới GD. Tuy nhiên những điều kiện thuận lợi của đội ngũ lại không mang lại kết quả cao trong công tác giảng dạy theo mô hình trường học mới cho GV. Bên cạnh đó những ý kiến tranh luận gay gắt, phản ứng không đồng tình về việc triển khai dạy học theo mô hình trường học

mới. Các ý kiến đó đã đánh giá về mô hình này chưa khách quan, còn phiến diện, họ cho rằng dạy theo mô hình trường học mới chỉ chú ý đến hình thức học nhóm mà không chú ý đến kiến thức, kỹ năng cho HS, bỏ rơi HS... Đây là một trong những trở ngại rất lớn cho việc triển khai dạy học theo mô hình trường học mới ở huyện Hiệp Hòa nói riêng và các đơn vị khác trong những năm học vừa qua.

Năng lực quản lý, điều hành của HT xếp ở vị trí thứ 3 (75.4%). HT phải là những người vừa có trình độ chuyên môn tốt, vừa có trình độ lý luận chính trị và có hiểu biết về quản lý giáo dục. Họ là những người có uy tín trong tập thể, đây là những điều kiện rất thuận lợi trong việc quản lý theo mô hình trường học mới.

Chế độ đãi ngộ đối với GV, CBQL có mức ảnh hưởng thứ 4 (67.0%). Điều đó cho thấy việc quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ GV, CBQL có một ý nghĩa rất quan trọng, tạo niềm tin và động lực để họ yên tâm công tác, cống hiến cho sự nghiệp trồng người.

Sự phối hợp của các lực lượng giáo dục trong quá trình triển khai mô hình trường TH mới có mức ảnh hưởng thứ 5. Sự quan tâm của cộng đồng, chính quyền, CMHS sẽ là điều kiện để mô hình trường TH mới phát huy hiệu quả.

Các điều kiện về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho mô hình trường học mới xếp ở vị trí thứ 6. Trong những năm qua, huyện Hiệp Hòa là một trong những đơn vị luôn đi đầu trong công tác đầu tư CSVC phục vụ cho việc dạy học. Phòng GD&ĐT luôn làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư CSVC cho các trường tiểu học.

2.4. Đánh giá chung về thực trạng quản lý mô hình VNEN ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Nghiên cứu về thực trạng quản lý theo mô hình trường học mới (VNEN) ở các trường TH huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã khảo sát, tác giả nhận thấy có nhiều điều đã làm được nhưng cũng tồn tại không ít những khó khăn.

2.4.1. Ưu điểm

Công tác lập kế hoạch thực hiện tốt, chỉ đạo hoạt động dạy học thực hiện sát sao, yêu cầu thực hiện nề nếp học tập và nề nếp dạy học được GV và HS thực hiện nghiêm túc. Mặc dù Hiệp Hòa là huyện còn nhiều khó khăn, việc lựa chọn thử nghiệm mô hình THM ngay từ giai đoạn đầu tiên của dự án GPE-VNEN nên các trường TH trên địa bàn đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, hỗ trợ từ phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa, Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Giang cho nên CBQL của nhà trường có nhiều cơ hội được tham gia tập huấn rất bài bản nên nghiệp vụ quản lý của họ về cơ bản rất vững vàng.

Chức năng lập kế hoạch là một chức năng quản lý mà rất nhiều nhà quản lý tại các cơ sở giáo dục trong nước còn đang gặp nhiều khó khăn nhưng HT các trường TH đã khảo sát rất chú trọng tới công tác lập kế hoạch hoạt động giúp toàn thể CBQL và GV thống nhất được phương hướng nhiệm vụ trong năm học, tổ chức phân công giảng dạy cho GV dựa trên năng lực, hoàn cảnh và nguyện vọng hợp tình hợp lý.

Việc tích cực chỉ đạo tuyên truyền về mô hình trường học mới (VNEN) tới CBQL, GV, CMHS và cộng đồng xã hội là cơ sở tạo sự đồng thuận trong các hoạt động của nhà trường.

Quản lý chương trình dạy học ở nhà trường được thực hiện nghiêm túc, HT thường xuyên kiểm tra đôn đốc nên tiến độ thực hiện được đảm bảo, lịch báo giảng được thực hiện đều đặn bám sát phân phối chương trình.

Ban giám hiệu thường xuyên thăm lớp, dự giờ để nắm bắt tình hình, tổ chức lớp học, giảng dạy của GV, khả năng tiếp thu kiến thức của HS, sự tương tác giữa HS trong nhóm, giữa các nhóm HS với nhau. Trên cơ sở đó những ý kiến chỉ đạo kịp thời giúp cho việc quản lý hoạt động này đi đúng hướng và giúp cho GV tổ chức giảng dạy đạt hiệu quả.

Việc quản lý các điều kiện phục vụ mô hình trường học VNEN cũng đạt nhiều kết quả tốt do CSVC các nhà trường được đầu tư xây dựng khang trang

đẹp đẽ. Khi triển khai mô hình dạy học VNEN tại các trường TH trên địa bàn huyện nhiều trường đã được xây mới đồng bộ, khang trang, sạch đẹp.

Trong quá trình triển khai thí điểm mô hình trường học mới (VNEN) nhà trường cũng nhận được sự ủng hộ nhiệt tình, phối hợp chặt chẽ từ CMHS, các đoàn thể chính quyền địa phương để giáo dục con em, tạo điều kiện thuận lợi để thầy cô giảng dạy tốt nhất.

2.4.2. Những tồn tại

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, khi triển khai mô hình trường tiểu học mới tại huyện Hiệp Hòa đã khảo sát còn gặp phải một số khó khăn nhất định, như quản lý điều kiện phục vụ dạy học VNEN chưa theo kịp sĩ số HS (có lớp gần 50 HS). Nhiều đơn vị còn thiếu phòng học, chưa đảm bảo tỷ lệ 1 lớp/1 phòng; diện tích phòng học hẹp nên khó khăn khi tổ chức hoạt động nhóm.

Công tác chỉ đạo bồi dưỡng đổi mới PPDH cho GV bước đầu đã thu được những kết quả tích cực tuy nhiên cách dạy và học mới nên khiến GV và HS không khỏi bỡ ngỡ, nhất là đối với GV do vẫn còn quen với phương pháp dạy học truyền thống nên việc GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm, quản lý hoạt động tự học của HS, theo dõi tiến độ học tập của HS còn bị hạn chế; GV vẫn phải bổ sung hoạt động làm việc cả lớp cho từng hoạt động để khai thác mở rộng và khắc sâu kiến thức cho từng HS.

Việc quản lý sự phối hợp với CMHS còn nhiều hạn chế, nhất là việc phối hợp giữa GV và CMHS chưa thường xuyên, GV chỉ trao đổi với CMHS thông qua các cuộc họp hoặc trao đổi khi CMHS trực tiếp gọi điện hỏi thăm việc học tập của con em. Việc sử dụng số liên lạc điện tử để trao đổi với CMHS chỉ được số ít GV tâm huyết thực hiện thường xuyên.

Việc chỉ đạo GV tổ chức bồi dưỡng cho HS chậm tiến độ học tập trong lớp là rất khó khăn do tốc độ đọc viết của các em chậm (HS lớp 2), một số HS nghịch ngợm thiếu ý thức thường ỷ lại vào nhóm dẫn đến không theo kịp tốc

độ học của cả lớp, dẫn đến việc không nắm chắc kiến thức cơ bản (đặc biệt là HS lớp 4).

Do công tác dự giờ của BGH một số trường TH còn chưa thường xuyên liên tục nên việc nắm bắt được chi tiết, các diễn biến học tập trên lớp của HS cụ thể như các em phối hợp nhóm với nhau thế nào, sử dụng các công cụ học tập ra sao... chưa nắm bắt được đầy đủ, kịp thời.

Việc tổ chức hoạt động học cho HS chủ yếu diễn ra ở trong lớp học , HS ít có cơ hội trải nghiệm bên ngoài thực tế , chưa có nhiều cơ hội để HS thực hành trải nghiệm.

Nội dung kiến thức các môn học đang thực hiện theo chương trình hiện hành, nhưng thiết kế tổ chức lớp học theo VNEN chưa phù hợp với thực tế HS , ảnh hưởng tới tiến trình dạy học, không đảm bảo thời gian 40 phút cho một tiết học. Mô hình VNEN tập trung vào tiến độ HS tự khám phá kiến thức, GV hay vội vàng, không chờ đợi HS mà diễn giải (cho nhanh) do đó mỗi giờ học không đảm bảo thời gian 40 phút cho một tiết học.

2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại

Do lớp đông nên việc phân hóa đối tượng không được nhiều, HS chưa thể hiện rõ việc học tập theo tốc độ khác nhau theo khả năng của mình. Hầu hết các em cùng nhau thực hiện 1 hoạt động trong nhóm, kiểm tra cùng nhau rồi chuyển sang hoạt động tiếp theo. Có chăng những em làm việc tích cực hơn thì sẽ làm tốt và kĩ hơn hoạt động đó rồi giúp đỡ bạn.

So với kiểm tra đánh giá HS hiện hành theo thông tư 30 thì có điểm 2 bài kiểm tra cuối kỳ I và cuối kỳ II để đánh giá nhưng theo mô hình VNEN thì điểm số cho bài kiểm tra không phải là yếu tố quyết định thành tích HS đạt được mà phụ thuộc cả quá trình học tập của HS. Đây cũng là khó khăn cho GV, đòi hỏi GV phải là người thật tâm huyết, không đánh giá theo cảm tính.

Với PPDH mới, cách đánh giá cũng mới nên GV và HS gặp không ít những khó khăn khi thực hiện như một số HS ỷ lại tập thể nhóm, sự theo dõi

của nhóm trưởng về tiến độ học của các thành viên còn hạn chế ảnh hưởng đến sự trợ giúp của GV trong từng tiết học chưa kịp thời... Số HS đông gây trở ngại trong việc thiết kế không gian lớp học và sắp xếp bàn ghế; tổ chức nhóm tự quản cho HS. Diện tích phòng học không đủ chỗ cho HS tổ chức trò chơi khởi động.

Số HS hàng năm tăng nhanh dẫn đến việc chưa đáp ứng kịp thời về CSVC, thiếu phòng học nên sĩ số HS/lớp cao; một số đầu sách của HS và đồ dùng dạy học còn thiếu. HS lớp 2 còn nhỏ, khả năng đọc hiểu còn hạn chế nên thời gian đầu học theo phương pháp mới gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, bàn ghế thiết kế chưa phù hợp theo hình thức dạy học VNEN (phải xếp 2 bàn đôi ghế liền bàn với nhau cho một nhóm HS tạo thành hình chữ nhật chưa đúng theo quy định.) làm cho HS rất khó ngồi học tập và thảo luận nhóm.

Cũng do trong giai đoạn đầu thí điểm mô hình THM việc nghiên cứu và xử lý tài liệu dạy học chưa tốt, nên việc thực hiện mô hình VNEN còn mang nặng tính hình thức, tình trạng GV ham giảng giải nhiều vẫn khá phổ biến, còn việc tự học của HS, nhất là việc học cá nhân rất mờ nhạt.

Do khả năng nhận thức của HS không đồng đều, một số HS tiếp thu chậm (do trí tuệ chậm phát triển, khả năng ghi nhớ kém, tự kỉ) không đáp ứng được yêu cầu học tập. Một số CMHS còn lo lắng về khả năng tiếp thu của HS khi học theo phương pháp mới, chưa tin tưởng về chất lượng, cách thức tổ chức hoạt động của mô hình THM nên chưa nhiệt tình ủng hộ.

Việc nhà trường nhận được sự đồng thuận của CMHS và cộng đồng xã hội tại địa phương ủng hộ các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường cũng cần có thời gian kiên trì tuyên truyền vận động và cũng cần có sự tích cực từ hai phía chứ không phải một sớm một chiều.

Kết luận chương 2

Đánh giá thực trạng về tình hình quản lý mô hình trường học mới ở các trường TH huyện Hiệp Hòa , qua việc khảo sát lấy ý kiến của đội ngũ CBQL , GV cho thấy công tác quản lý này vẫn còn nhiều hạn chế đặc biệt trong hoạt động tổ chức sắp xếp HT vẫn còn lúng túng trước sự thay đổi quy trình quản lý, sắp xếp phân công nhân sự, bao quát hoạt động dạy học của toàn trường, công tác chỉ đạo đổi mới PPDH cho GV còn diễn ra chậm. Bên cạnh những GV hạt nhân còn rất nhiều GV chưa thành thạo các phương pháp giảng dạy mới vẫn còn ham giảng giải ham thuyết trình; Việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh bằng nhận xét cũng đang làm GV khó khăn trong việc phân bổ quỹ thời gian để vừa đảm bảo nghiên cứu đầy đủ bài học, tham gia đứng lớp, sinh hoạt tổ chức chuyên môn, ghi nhận xét ,... Việc đa dạng hóa các hình thức tổ chức học cho HS chưa có chuyển biến tích cực , hoạt động học tập vẫn chủ yếu diễn ra bên trong lớp học , việc huy động sự tham gia của CMHS và cộng đồng xã hội vào các hoạt động giáo dục của nhà trường còn chưa đạt hiệu quả cao, CMHS nhìn chung ít quan tâm đến hoạt động học tập của con em mình.

Qua quá trình khảo sát phân tích tác giả đưa ra được những căn cứ thực tiễn để xây dựng các biện pháp nhằm duy trì và phát triển những thành tựu của quản lý tại các trường tiểu học theo mô hình trường học mới VNEN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhưng đồng thời cũng khắc phục những tồn tại trong các nhà trường để các nhà trường nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học, giáo dục.

Chương 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ MÔ HÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC MỚI Ở HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu

Đây là nguyên tắc cơ bản, quan trọng, chi phối các biện pháp mà chúng ta cần quan tâm. Các biện pháp đề xuất chỉ có giá trị, đạt tính khả thi khi chúng nằm trong khuôn khổ của pháp luật, được hiến pháp, các bộ luật, các văn bản pháp quy cho phép. Khi nghiên cứu đề xuất các biện pháp cần tìm hiểu một số công cụ cơ bản trong quản lý nhà nước về giáo dục như : Các văn kiện đại hội Đảng, các Nghị quyết, Luật giáo dục, các Nghị định của Chính phủ, các quyết định của Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, các văn bản hành chính... Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, để các biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học mới đạt hiệu quả phải bám sát vào Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về giáo dục; Chiến lược phát triển giáo dục, mục tiêu giáo dục và yêu cầu đổi mới giáo dục; Luật giáo dục; Chương trình giáo dục và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, phân phối chương trình học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh... của Bộ GD&ĐT.

3.1.2. Đảm bảo tính hệ thống

Các biện pháp được đề xuất phải có tính hệ thống, được xác định trên cơ sở trục cốt lõi chung là quản lý mô hình trường học mới (VNEN) ở các trường TH huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, liên quan đến các vấn đề như quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học, hoạt động dạy học của giáo viên, hoạt động học của học sinh, hệ thống cơ sở vật chất... Do vậy, có thể có nhiều biện pháp trong một hệ thống song về tổng thể phải có mối liên hệ chặt chẽ, thống nhất cùng tác động đồng bộ đến quá trình quản lý. Các biện pháp đưa ra đảm bảo sự thống nhất giữa nhận thức và hành động. Quản lý mô hình trường

học mới đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục thì phải đổi mới đồng bộ về nhận thức của đội ngũ GV, CBQL; đổi mới cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực của đội ngũ cũng như tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá. Vì vậy, các biện pháp Quản lý mô hình trường học mới của các nhà trường phải đảm bảo tính hệ thống trong mối quan hệ biện chứng với nhau.

3.1.3. Đảm bảo tính đồng bộ

Nguyên tắc này đòi hỏi biện pháp đề xuất phải tác động lên cả nhận thức lẫn hành vi của tất cả các chủ thể tham gia công tác giảng dạy, giáo dục học sinh ở nhà trường. Vì vậy, quản lý hoạt động theo mô hình trường học mới (VNEN) phải tác động không chỉ hoạt động dạy của GV, hoạt động học của HS mà tác động đến tất cả các lực lượng giáo dục và các điều kiện phục vụ trong nhà trường theo mô hình trường học mới.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học ở các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cần một trong những yêu cầu khi đề xuất các biện pháp quản lý mô hình trường học mới phải đảm bảo tính đồng bộ. Sự đồng bộ biểu hiện ở chỉ đạo quản lý lập kế hoạch; chỉ đạo, tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá... và những hoạt động khác phục vụ phát triển mô hình trường học mới. Những hoạt động này tạo ra nề nếp, quy chế, phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tiểu học để tạo ra “tổ chức” mà “thầy giỏi - trò giỏi” nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Muốn vậy, phải chú ý đến các yếu tố tác động tham gia vào đồng bộ các biện pháp như: chất lượng đội ngũ GV, CSVC, đổi mới phương pháp dạy học... Chỉ khi thực hiện đồng bộ các biện pháp mới phát huy ưu thế của từng biện pháp quản lý mô hình trường học mới nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới.

3.1.4. Đảm bảo tính kế thừa

Kế thừa là sự tiếp nối giữa những việc đã làm, đang làm và sẽ làm trong tương lai. Trong quá trình nghiên cứu đề xuất các biện pháp, đòi hỏi người

ngiên cứu phải tổng hợp được các biện pháp đã làm, chắt lọc được những cách làm hay, những yếu tố tích cực của mỗi biện pháp đã thực hiện, phát hiện những tồn tại không hiệu quả, tránh phủ nhận sạch trơn hoặc đề xuất các biện pháp mới không dựa trên thực trạng và thực tiễn các biện pháp cũ đã có. Khi đề xuất các biện pháp quản lý mô hình trường học mới ở các trường TH huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang phải cho thấy các cách làm mới, dựa trên cơ sở nền tảng của các biện pháp đã làm, đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn giáo dục của địa phương, của nhà trường và công tác quản lý, chỉ đạo của Phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa. Trong quá trình nghiên cứu, những biện pháp cũ không còn phù hợp cần thay thế bằng các biện pháp mới thiết thực hơn, nhằm đảm bảo tính ổn định, sự phát triển bền vững và tránh được tình trạng duy ý chí trong công tác quản lý mô hình trường học mới ở nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

3.1.5. Đảm bảo tính hiệu quả, khả thi

Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả yêu cầu khi xây dựng các biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục cần tính đến hiệu quả của các biện pháp. Nghĩa là, đạt mục tiêu quản lý mô hình trường tiểu học mới nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tuy nhiên, tính hiệu quả còn tính đến với các đối tượng quản lý, mọi địa bàn quản lý và những mục tiêu quản lý.

Các biện pháp quản lý được đề xuất có tính đến các điều kiện, hoàn cảnh, môi trường khách quan, chủ quan ở các trường tiểu học huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhằm đáp ứng những đổi mới giáo dục cũng như khả năng áp dụng các biện pháp đó trong thực tiễn. Tuy nhiên, việc thực hiện các biện pháp phải đảm bảo từng bước nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng những yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay mà không ảnh hưởng đến tổ chức, chương trình đào tạo, mục tiêu giáo dục. Các biện pháp quản lý được khả thi khi đảm bảo các điều kiện thực hiện.

3.2. Biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

3.2.1. Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV, HS, CMHS và cộng đồng về mô hình trường tiểu học mới

3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp

- Giúp cho đội ngũ CBQL , GV, HS có sự hiểu biết đầy đủ về các chủ trương đổi mới giáo dục của Đảng, các văn bản hướng dẫn của ngành giáo dục và đặc biệt là mục tiêu , nội dung, vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng và quản lý mô hình trường tiểu học mới .

- Giúp cho phụ huynh nói riêng , cộng đồng nói chung nắm được vai trò, ý nghĩa và các nội dung cơ bản của mô hình trường học mới, từ đó tích cực tham, phối kết hợp với nhà trường trong việc thực hiện các mục tiêu giáo dục.

- Huy động các nguồn lực cùng với nhà trường xây dựng cơ sở vật chất, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực.

3.2.1.2. Nội dung thực hiện biện pháp

- Quán triệt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đổi mới chương trình GD phổ thông , trong đó nhấn mạnh nội dung đổi mới GD tiểu học; Xác định cho CBQL và GV tiểu học thấy rõ vai trò, trách nhiệm của họ trong tiến trình đổi mới GD.

- Triển khai về chương trình BDTX cho GV tiểu học; văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học và các văn bản chỉ đạo về triển khai mô hình trường học mới đến mọi CBQL và GV để họ hiểu đúng về mục đích, ý nghĩa của của hoạt động dạy học và giáo dục theo mô hình trường học mới.

- Phổ biến đến mọi CBQL và GV về phương thức nhà trường triển khai thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục theo mô hình trường học mới.

- Tăng cường công tác chỉ đạo các hoạt động, xây dựng kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức về mô hình trường học mới.

- Tổ chức tuyên truyền , phổ biến về nội dung , mục đích, vai trò ý nghĩa của mô hình trường học mới và quản lý mô hình trường tiểu học mới tới phụ huynh và HS.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn (theo các khối lớp) tổ chức các buổi thảo luận về vai trò, ý nghĩa, nội dung, hình thức và hiệu quả của hoạt động dạy học, giáo dục theo mô hình trường học mới.

- Định kỳ hàng tháng, các nhà trường tổ chức các buổi SHCM định kỳ, qua các buổi sinh hoạt, các chủ đề, báo cáo chuyên đề về phương pháp, hình thức dạy học được nêu ra, từ đó đánh giá được các ưu điểm, nhược điểm của phương pháp, rút ra những kinh nghiệm hay trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo, tổ chức cho GV tự nghiên cứu về mô hình trường học mới và phương pháp tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới , mục đích, ý nghĩa của mô hình trường học mới, từ đó mỗi cá nhân sẽ xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai có hiệu quả những nhiệm vụ đề ra.

3.2.1.3.Cách thức thực hiện biện pháp

- BGH các trường TH tham mưu với chi ủy chi bộ, phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, bồi dưỡng. Báo cáo Đảng ủy, UBND các xã và phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa, tranh thủ các ý kiến chỉ đạo của các cấp các ngành về tài chính, cơ sở vật chất cho các hoạt động tuyên truyền, bồi dưỡng.

- Phân công cụ thể cho các tổ chuyên môn, các khối lớp trong nhà trường tổ chức các buổi thảo luận, hội thảo chuyên đề về các phương pháp, hình thức dạy học theo mô hình trường học mới, cử GV cốt cán đã được đi tập huấn về báo cáo kết quả cho toàn thể GV trong khối, trong trường.

- Tổ chức họp PHHS định kỳ, phân công GV phụ trách các khối lớp trao đổi, tuyên truyền về mô hình trường học mới, hướng dẫn và yêu cầu PHHS phối kết hợp trong hoạt động quản lý, dạy học cho con em mình tại gia đình.

- Nhà trường xây dựng và công khai các hình thức thi đua khen thưởng với các tổ, khối lớp và cá nhân tham gia tích cực trong công tác tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về hoạt động dạy học theo mô hình trường học mới.

3.2.1.4. Điều kiện thực hiện biện pháp.

- CBQL các trường TH cần phải nắm vững các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và nhà nước, các chiến lược của ngành Giáo dục về thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT. Nghiên cứu kỹ các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Giang và Phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa về việc triển khai mô hình trường học mới trên địa bàn huyện.

- Tạo được không khí làm việc cởi mở, thân thiện, đoàn kết, thống nhất được ý kiến chung giúp cho mọi thành viên nhà trường làm việc trong niềm vui, thoải mái nhu cầu cống hiến, phát triển, được tôn trọng và được khẳng định.

- Mọi kế hoạch tổ chức thực hiện phải được xây dựng ngay từ đầu năm học hoặc có lộ trình từng giai đoạn cụ thể, rõ ràng, khoa học, logic, tranh thủ ý kiến đóng góp, xây dựng của toàn thể cán bộ, GV, CMHS và công đồng.

3.2.2. Tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GV đáp ứng theo mô hình trường tiểu học mới

3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Nhằm trang bị cho CBQL, GV về năng lực quản lý và giảng dạy đáp ứng yêu cầu mô hình trường học VNEN. GV là người thay đổi phương thức sư phạm của nhà trường, là người hướng dẫn HĐTQ của HS hoạt động hiệu quả, là người thay đổi sinh hoạt của TCM và là người thực hiện thành công mô hình trường học VNEN.

3.2.2.2. Nội dung thực hiện biện pháp

- Tiến hành khảo sát, đánh giá năng lực đội ngũ GV để xác định nội dung, chương trình bồi dưỡng.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng sát với nhu cầu thực tế của GV , của ngành, của địa phương đáp ứng những nội dung GV còn thiếu, còn yếu so với yêu cầu triển khai mô hình trường học mới trên địa bàn huyện Hiệp Hòa.

- Phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên; năng lực tự đánh giá hiệu quả bồi dưỡng; năng lực tổ chức, quản lý hoạt động tự học, tự bồi dưỡng GV của nhà trường.

- Cập nhật kiến thức có liên quan đến các môn học và các hoạt động giáo dục theo mô hình trường học mới đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục gắn với yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương.

- Thông qua bồi dưỡng kỹ năng dạy học theo mô hình trường học mới để phát triển năng lực dạy học, năng lực giáo dục và những năng lực khác theo mô hình trường học mới cho GV theo yêu cầu của nhiệm vụ năm học, cấp học.

3.2.2.3. Cách thức thực hiện biện pháp

- HT phải có định hướng cụ thể cho GV đăng kí các chuyên đề cần BD trên cơ sở hướng dẫn của ngành gắn với yêu cầu của mô hình trường học mới. Các HT cũng cần lưu ý rằng các chuyên đề BD cũng phải theo tinh thần quy định chung của Thông tư 30/2011/TT-BGDĐT nhưng có hướng mở, phù hợp với tình hình thực tế, có những nội dung liên quan đến nâng cao năng lực DH theo mô hình trường học mới.

HT hướng dẫn GV và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch BD năng lực DH theo mô hình trường học mới, GV báo cáo tổ chuyên môn, HT phê duyệt kế hoạch tự BD của GV và của tổ chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch BD năng lực DH theo mô hình trường học mới cho GV, HT trường tiểu học phải dựa trên các căn cứ: Chỉ thị nhiệm vụ năm học; Thông tư hướng dẫn của ngành; Hướng dẫn của Sở GD&ĐT Bắc Giang, Phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa về việc triển khai mô hình trường học mới; Thực trạng nhà trường và khả năng quản lý được của HT và các CBQL trường học.

GV cũng phải phân tích rõ bối cảnh cá nhân, xác định mục tiêu BD, nội dung BD rõ ràng, thời gian thực hiện, hình thức tham gia. Có thể gợi ý, định hướng cho GV về nội dung BD cần thiết theo chỉ đạo của ngành, theo kết quả đánh giá GV mà HT thấy họ còn thiếu, còn yếu cần phải BD thêm; Đồng thời yêu cầu GV nêu rõ các đề xuất kiến nghị đối với tổ chuyên môn và nhà trường để có cơ sở trong việc hỗ trợ hay cung cấp các điều kiện đảm bảo để kế hoạch có tính khả thi.

Phải đảm bảo tính hệ thống giữa kế hoạch BD năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho GV của trường với kế hoạch của tổ chuyên môn và GV. Tức là xây dựng kế hoạch theo mô hình kết hợp từ dưới lên và từ trên xuống.

- Bồi dưỡng về nội dung dạy học trong mô hình trường học mới bao gồm nội dung các môn học và các hoạt động giáo dục. Nội dung đó phải đảm bảo theo chuẩn kiến thức - kỹ năng. Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học, cấu trúc bài học được phân chia rõ ràng theo các hoạt động, bao gồm: Hoạt động cơ bản; Hoạt động thực hành; Hoạt động ứng dụng.

- Bồi dưỡng về kỹ năng dạy học theo mô hình trường học mới cần chú ý đến các nội dung: Kỹ năng vận dụng các hình thức và phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa vai trò của cá nhân trong hoạt động nhóm ; Vai trò của HĐTQ; Kỹ năng quan sát , hỗ trợ học sinh , tạo môi trường học tập thân thiện , hợp tác; Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

- Khi tổ chức nghiên cứu nội dung của bài cần chú ý đến cách điều chỉnh các lôgô cho phù hợp với mục tiêu, nội dung và hình thức thực hiện của từng bài, xây dựng câu hỏi ba mức độ phù hợp để phát huy vai trò của tất cả học sinh trong giờ học. Với những nội dung như trên, khi tổ chức BD năng lực DH theo mô hình trường học mới, HT cần chú ý đến những công việc sau:

HT thông qua tổ chuyên môn cho GV đăng ký các chuyên đề cần BD.

Dựa trên phiếu đăng ký tham gia các chuyên đề BD của GV , kết hợp với việc kiểm tra đánh giá năng lực dạy học của GV hàng năm , thông qua dự giờ,

kiểm tra toàn diện, qua đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học, HT phân loại ra các chuyên đề theo nội dung hoặc phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, lên kế hoạch BDTX cho GV trong đó có những nội dung BD năng lực DH theo mô hình trường học mới cho GV.

- Lựa chọn đội ngũ báo cáo viên đáp ứng các yêu cầu bồi dưỡng năng lực DH của GV theo mô hình trường học mới. Chú ý lựa chọn đội ngũ báo cáo viên có năng lực, có uy tín về các lĩnh vực mà họ có thể đảm nhận. Chẳng hạn như chuyên đề về tổ chức hoạt động nhóm trong mô hình trường học mới nên chọn những GV có năng lực tổ chức điều hành lớp học tốt; Với chuyên đề về phát huy vai trò của HĐTQ trong giờ học theo mô hình trường học mới nên chọn GV biết cách xây dựng nề nếp học tập cho HS minh họa...

- Dựa trên điều kiện hiện tại của nhà trường, điều kiện và nhu cầu của GV, HT lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức BD cho GV. Tăng cường khâu vận dụng thực hành cho GV, chú ý các hoạt động mang tính trải nghiệm, tham quan, học tập thực tế, dự giờ minh họa, tham dự các chuyên đề có rút kinh nghiệm kịp thời.

Việc bồi dưỡng kiến thức môn học và các hoạt động giáo dục có thể thực hiện thông qua:

+ Tổ chức nghiên cứu nội dung tài liệu Hướng dẫn học áp với chuẩn kiến thức, kỹ năng từng khối lớp.

+ Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn theo chuyên đề, theo hướng nghiên cứu bài học,

+ Dự giờ, phân tích và chia sẻ giờ dạy của GV.

+ Thảo giảng, hội giảng, thi GV giỏi các cấp.

- Bồi dưỡng kỹ năng dạy học theo mô hình trường học mới có thể thực hiện thông qua:

+ Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn

+ Hoạt động thực hiện đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá của GV

+ Dự giờ, phân tích, chia sẻ giờ dạy của GV

- + Hướng dẫn HS tham gia hoạt động học tập
- + Tổ chức kiểm tra đánh giá HS theo hướng đổi mới
- + Thao giảng, hội giảng, thi GV giỏi các cấp
- + Học hỏi kinh nghiệm, nêu gương dạy tốt, tăng cường tự học, tự bồi dưỡng, chú ý kèm cặp, giúp đỡ lẫn nhau trong TCM, khích lệ đổi mới phương pháp và nội dung, hình thức bồi dưỡng.

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Có sự chỉ đạo kịp thời của Sở GD&ĐT Bắc Giang, Phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa về công tác BD năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, CBQL theo mô hình trường học mới.

- HT phải có năng lực lập kế hoạch và có khả năng tập hợp, huy động các lực lượng tham gia xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho GV.

- HT nắm vững các văn bản chỉ đạo của ngành về công tác bồi dưỡng GV theo đó xây dựng các nội dung bồi dưỡng năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho GV.

- Triển khai các chuyên đề bồi dưỡng về nội dung và kỹ năng dạy học tới các tổ chuyên môn phải dựa trên các hoạt động trọng tâm trong năm học.

3.2.3. Chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn trong trường, cụm trường theo hướng nghiên cứu bài học

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

Giúp cho CBQL, GV biết chủ động lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học trong mỗi môn học và các chuyên đề tích hợp, liên môn phù hợp với việc tổ chức hoạt động học tích cực, tự lực, sáng tạo của HS theo mô hình trường học mới. Nhân rộng điển hình tiên tiến ở các trường TH, cụm trường tiểu học thực hiện tốt mô hình VNEN.

Qua mỗi đợt SHCM thúc đẩy công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, giúp cho đội ngũ CBQL, GV các đơn vị trường củng cố thêm kinh nghiệm, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và cách tổ chức lớp học theo mô

hình trường học mới như: Tổ chức hoạt động học nhóm của HS; hỗ trợ, phát triển kỹ năng tự học và tự quản của HS; cách trang trí lớp học; cách khai thác và sử dụng kiến thức ở các góc học tập...Ngoài ra còn tạo cơ hội cho CBQL, giáo viên các đơn vị trường có dịp tham quan học hỏi về các hoạt động khác như: Xây dựng cảnh quan môi trường, tổ chức các hoạt động cho HS...

3.2.3.2. Nội dung thực hiện biện pháp

- Nhằm chắc các N D về SHCM theo tinh thần công văn 86/GPE-VNEN ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn ở các trường triển khai mô hình VNEN với những nội dung:

- + Sinh hoạt chuyên môn về nội dung phương pháp dạy học.
- + Sinh hoạt chuyên môn về nội dung đánh giá học sinh.
- + Sinh hoạt chuyên môn về nội dung tổ chức lớp học.
- + Sinh hoạt chuyên môn về nội dung phụ huynh và cộng đồng tham gia vào giáo dục.

Các nội dung trên có 4 khâu quy trình. Trong đó SHCM theo hướng NCBH trong mô hình VNEN cần phải chú ý đến nội dung như: Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị; Tổ chức dạy học minh họa, Dự giờ và suy ngẫm; Thảo luận chung; Áp dụng vào thực tiễn dạy học.

- Tổ chức SHCM đều đặn, linh hoạt, nội dung phong phú cho đội ngũ CBQL, GV các trường TH: chuyên đề tổ chức lớp học, phương pháp dạy học, đánh giá học sinh, huy động cộng đồng, góp ý tài liệu nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn xuất phát từ thực tế theo hình thức: cấp tổ 2 lần/tháng; cấp trường 01 lần/ tháng, và Cấp cụm trường 4 lần/năm. Tổ chức hội thảo thống nhất phương pháp tổ chức lớp học, rút kinh nghiệm cho việc tổ chức dạy học/từng môn học, chia sẻ cách đánh giá HS trong quá trình học tập.

- Các trường TH chủ động đầu tư dự giờ nhiều hơn ở khối lớp 2 bởi vì các em còn bỡ ngỡ trong học nhóm, nếu làm tốt, sẽ có tác dụng tích cực tới việc hình thành thói quen học tập ở các lớp trên, đồng thời thấy được những

khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhằm chỉ đạo khắc phục kịp thời những tồn tại vướng mắc cho giáo viên.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn thống nhất việc thiết kế hoặc điều chỉnh theo logo TLHDH, sử dụng thiết bị, đồ dùng trực quan kết hợp khai thác tranh ảnh, sử dụng CNTT,... để tạo thuận lợi cho HS tự chủ động tìm tòi và nắm bắt kiến thức mới.

- Sau mỗi buổi SHCM, coi trọng việc chia sẻ, phân tích đánh giá tiết dạy theo diễn biến của giờ học, phân tích cách HS đã giúp nhau hoàn thành mục tiêu bài học thực sự như thế nào. Chú trọng tìm ra các nguyên nhân và giải pháp thông qua quan sát việc học của HS.

3.2.3.3. Cách thức thực hiện biện pháp

- Tập huấn cho đội ngũ TTCM về SHCM theo nghiên cứu bài học và SHCM theo chuyên đề.

- Chỉ đạo các trường tiểu học xây dựng kế hoạch TCM chi tiết, chú trọng đến công tác sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn theo các nội dung trên, đảm bảo mỗi học kỳ có 2 buổi sinh hoạt chuyên môn theo NCBH và 2 buổi SHCM theo chuyên đề; Kế hoạch phải được Hiệu trưởng phê duyệt, lưu giữ tại trường và phổ biến tới tất cả giáo viên.

- Khuyến khích việc tổ chức SHCM theo NCBH cấp cụm trường làm điểm 2 tháng/ lần tại 01 đơn vị để cùng học tập, chia sẻ kinh nghiệm và đảm bảo tất cả GV (nhất là GV dạy các môn chuyên) đều được tham gia sinh hoạt.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn và công tác SHCM của các trường tiểu học.

- Để công tác SHCM đạt chất lượng cao, Hiệu trưởng chỉ đạo TTCM cần khuyến khích sự chủ động tìm tòi, sáng tạo của GV, yêu cầu tất cả GV trong tổ phải tham gia SHCM, phối hợp với nhau khi soạn bài, thực hiện dạy bài học nghiên cứu và báo cáo chuyên đề; Xây dựng, phát huy vai trò của GV, từ đó xây dựng TCM thành tổ chức học tập.

- Bồi dưỡng cho giáo viên hiểu rõ bản chất, cách thức tiến hành sinh hoạt nhóm, TCM dựa trên nghiên cứu nội dung bài học và theo chuyên đề.

- Quản lý sinh hoạt nhóm, TCM thực hiện đổi mới hình thức sinh hoạt tập trung nghiên cứu nội dung bài học và theo chuyên đề.

- Quản lý các điều kiện, CSVC phục vụ cho đổi mới sinh hoạt nhóm, TCM theo hướng nghiên cứu nội dung bài học và theo chuyên đề.

3.2.3.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Phòng GD&ĐT có kế hoạch chỉ đạo các trường TH tổ chức SHCM và sinh hoạt chuyên đề định kỳ theo trường, cụm trường.

- HT phải có năng lực lập kế hoạch và có khả năng tập hợp, huy động các lực lượng tham gia SHCM, kết nối với CBQL ở các đơn vị khác để tổ chức SHCM theo cụm trường.

- HT tạo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần để GV tích cực tham gia các buổi SHCM với TCM, trường và cụm trường. coi đổi mới SHCM là một nhiệm vụ trọng tâm của GV trong phát triển nhà trường.

3.2.4. Đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên theo định hướng phát triển năng lực học sinh

3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp

Đổi mới PPDH của GV theo định hướng phát triển năng lực học sinh là một trong những yêu cầu của đổi mới giáo dục. Bồi dưỡng đổi mới phương pháp dạy học nhằm đạt được mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay. BGH nhà trường tích cực chăm lo bồi dưỡng, hướng dẫn GV về các PPDH tích cực, giúp GV vận dụng linh hoạt đa dạng các PPDH mới, giúp GV tự tin hơn và vững vàng hơn để vượt qua các trở ngại khi chuyển sang mô hình THM.

3.2.4.2. Nội dung thực hiện biện pháp

- Mô hình VNEN là mô hình nhà trường hướng tới việc đáp ứng các yêu cầu của đổi mới PPDH, thể hiện qua một số đặc điểm cơ bản: HS được học theo tốc độ phù hợp với trình độ nhận thức của cá nhân; Nội dung học thiết thực, gắn kết với đời sống thực tiễn hàng ngày của HS; Kế hoạch dạy học được

bố trí linh hoạt; Môi trường học tập thân thiện, phát huy tinh thần dân chủ, ý thức tập thể; Tài liệu có tính tương tác cao và là tài liệu hướng dẫn HS tự học; Chú trọng kỹ năng làm việc theo nhóm hợp tác; Phối hợp chặt chẽ giữa phụ huynh, cộng đồng và nhà trường; Tăng quyền chủ động cho GV và nhà trường, phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của các cấp quản lý giáo dục địa phương.

- Tùy theo môn học, từ sách giáo khoa mà GV thiết kế bài học phù hợp theo định hướng phát triển năng lực HS; Nội dung dạy học được GV thiết kế phải bảo đảm: GV là người hướng dẫn, dẫn dắt HS đi tìm kiến thức, HS tự tìm hiểu, cùng bạn tìm hiểu. GV phải đảm bảo tiết dạy của mình: tất cả HS đều được chủ động tham gia khám phá kiến thức; HS hiểu bài, ứng dụng được kiến thức đã học vào làm bài tập và thực tế cuộc sống.

Khi thiết kế bài giảng theo định hướng phát triển năng lực HS, GV phải chú ý: Lựa chọn những nội dung thực sự phù hợp với hoạt động nhóm, giúp các em khám phá kiến thức mới một cách nhẹ nhàng, nhưng hiệu quả nhất; Lựa chọn nội dung, hình thức thảo luận phù hợp; Cách chia nhóm và sắp xếp chỗ ngồi cũng hết sức linh hoạt. Các phương pháp dạy được kết hợp một cách linh hoạt sáng tạo theo từng bài cụ thể; trong mỗi bài theo từng nội dung cụ thể; Ghi bảng cần ngắn gọn, khoa học; Bản thân GV phải nắm vững phương pháp tổ chức dạy học theo nhóm; chuẩn bị bài của GV; Việc GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài; Việc GV tổ chức quản lý, điều hành HS làm việc trên lớp; Và quan trọng hơn tất cả đó là sự đam mê, tâm huyết của các thầy cô với công việc của mình, với HS của mình.

3.2.4.3. Cách thức thực hiện biện pháp

- HT nghiên cứu và triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn về đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực HS, các chỉ thị thực hiện nhiệm vụ năm học tới GV để từ đó nắm bắt chính xác các yêu cầu về mục tiêu và nội dung dạy học làm cơ sở để hướng dẫn GV xác định các PPDH, khai thác sử dụng đồ dùng dạy học tương ứng.

- Tập hợp và nghiên cứu kỹ các tài liệu về mô hình THM, các yêu cầu đổi mới PPDH cho GV đồng thời nắm bắt được thực trạng các thế mạnh và hạn chế của từng GV đối với các PPDH tích cực từ đó chỉ đạo xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đáp ứng sát nhu cầu.

- Tổ chức điều tra nhận thức của GV về các PPDH bằng nhiều hình thức như quan sát giờ dạy trên lớp, phỏng vấn, phiếu hỏi hay thông qua thao giảng.

- Chuẩn bị kế hoạch tài chính, CSVC, trang thiết bị phục vụ tập huấn, bồi dưỡng GV đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực HS.

- Quán triệt về mặt nhận thức với các GV và TCM sử dụng các PPDH nhằm đi đúng vào bản chất của mô hình chứ không phải thực hiện qua loa hình thức và phải làm sao để các em HS tự tin, tự trọng, tự học, tự quản.

- Lập kế hoạch và tổ chức cho CBQL và GV tham quan, học hỏi, trao đổi chuyên môn về đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực HS với các trường bạn.

- Hiệu trưởng tích cực tuyên truyền, giới thiệu, chia sẻ các bài học thành công về mô hình THM, tạo động lực học hỏi cho CBQL và GV. Lựa chọn các GV cốt cán nắm vững các PPDH tích cực để giúp HT thực hiện tốt công tác hỗ trợ GV. Chú ý phân công các GV có trình độ chuyên môn vững vàng kèm cặp các GV còn chưa vững về PPDH.

- Chỉ đạo GV tích cực tổ chức khai thức sử dụng các công cụ học tập trong lớp học làm đòn bẩy nâng cao năng lực và hình thành các kỹ năng cho HS.

- BGH thường xuyên dự giờ thăm lớp theo định kỳ và dự giờ đột xuất để quan sát được hoạt động học tập của HS trong lớp học từ đó làm cơ sở đánh giá các PPDH của GV đang sử dụng.

- Yêu cầu TCM rà soát đội ngũ GV trong tổ, chọn cử GV tham gia các lớp tập huấn do sở GD&ĐT hoặc Phòng GD&ĐT tổ chức. Sau khi tham gia tập huấn xong thì GV được cử đi tập huấn báo cáo kết quả với các thành viên trong nhà trường.

- HT có thể liên hệ với khoa giáo dục tiểu học của các trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Giang hay Đại học Sư phạm Thái Nguyên... tổ chức các chuyến đi thực tế cho giảng viên và sinh viên nhằm giúp cho giảng viên, sinh viên có cơ hội tham quan mô hình VNEN tại nhà trường và từ đó lắng nghe các ý kiến đóng góp hữu ích của họ.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

HT yêu cầu đội ngũ GV cốt cán được cử đi dự các lớp tập huấn. Sau khi tập huấn xong và trở về nhà trường có trách nhiệm hướng dẫn lại các nội dung đã được tập huấn cho toàn thể CB, GV.

GV phải được tập huấn về PPDH theo mô hình trường học VNEN, nắm chắc quy trình 5 bước dạy học theo mô hình VNEN, đồng thời vận dụng linh hoạt các PPDH hiện đại nhằm phát huy tối đa năng lực tự học của HS.

Nhà trường phải có đủ tài liệu học tập, trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc dạy và học của GV và HS.

Đội ngũ GV phải có tinh thần trách nhiệm, quyết tâm đổi mới PPDH, cởi mở chia sẻ, giúp đỡ đồng nghiệp. Hoạt động đổi mới PPDH phải được HT đưa vào chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho GV.

3.2.5. Đổi mới cách thức tổ chức hoạt động học tập, giáo dục của học sinh theo định hướng phát triển năng lực

3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Giúp GV tìm ra nhiều hình thức đổi mới sáng tạo trong cách thức tổ chức hoạt động học tập cho HS ở trong và ngoài lớp học mà trọng tâm là hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động đổi mới hình thức tổ chức hoạt động học theo hướng phát triển năng lực.

Giúp HS vận dụng linh hoạt quy trình 10 bước trong mô hình VNEN để nâng cao năng lực tự học của HS, hình thành phát triển các kỹ năng bổ trợ cho người học.

3.2.5.2. Nội dung thực hiện biện pháp

Chỉ đạo GV và các tổ chuyên môn đa dạng hóa các hình thức tổ chức học tập như tham quan, khám phá, làm thí nghiệm, trại hè, triển lãm, hội chợ, sân khấu hóa... cho HS.

Yêu cầu GV tăng cường sử dụng các công cụ học tập trong giờ học và tạo mọi cơ hội để HS sử dụng các công cụ trong lớp học như: sơ đồ cộng đồng, Nhịp cầu bè bạn, Điều em muốn nói, góc sinh nhật, thư viện góc lớp, các góc học tập... GV hướng dẫn gợi mở cho HS bổ sung các tư liệu, vật dụng do các em tự sưu tầm, tự trải nghiệm thực tế vào các góc học tập.

Hướng dẫn và giám sát thiết kế các bài học tuân thủ chặt chẽ theo 5 bước trải nghiệm, trong đó đặc biệt chú ý đến bước gợi động cơ hứng thú và bước phân tích khám phá với nhiều câu hỏi mở thu hút lôi cuốn được HS tham gia thảo luận sôi nổi. Các môn học tự nhiên cần tăng cường làm các giáo cụ học tập trực quan sinh động. Các môn học xã hội cần tăng cường tổ chức các hoạt động quan sát, trò chơi, triển lãm... bên trong và ngoài lớp học.

Chỉ đạo GV tăng cường động viên HS tích cực tham gia thảo luận trao đổi ý kiến với các bạn trong nhóm, lớp. Nếu trong mô hình trường học truyền thống HS im lặng nghe thầy cô giảng bài thì ngược lại trong mô hình THM học sinh tích cực thảo luận chia sẻ ý kiến, tiến độ học tập của các em càng tiến triển nhanh, sự lĩnh hội tri thức và hình thành phẩm chất, năng lực càng tiến bộ, giúp các em không chỉ đọc viết thông thạo mà còn tự tin giao tiếp, trình bày ý kiến, suy nghĩ một cách mạch lạc rõ ràng.

Thường xuyên nhắc nhở GV tích cực động viên khích lệ các em HS thực hiện tốt vai trò của mình khi tham gia vào HĐTQHS. Thực hiện luân phiên các vị trí trong HĐTQHS để các em phát triển năng lực quản lý, lãnh đạo cho HS. GV tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục để tạo cơ hội cho các bạn trong lớp được vận dụng vai trò của mình như thường xuyên mời CMHS

tới thăm lớp, tổ chức các giờ sinh hoạt lớp, giờ chào cờ đầu tuần, tổ chức các hoạt động TNST, hoạt động giao lưu văn nghệ, hoạt động NGLL; tham gia tổ chức các ngày lễ lớn trong năm học như: khai trương thư viện, ngày hội đọc sách, ngày hội Tiếng Anh...

3.2.5.3. Cách thức thực hiện biện pháp

- Cần bồi dưỡng cho Chủ tịch HĐTQ từ đầu năm học để các em chỉ huy được các nề nếp lớp. Những nề nếp cần được xây dựng trong lớp:
 - + Nề nếp học bài làm bài trước khi đến lớp.
 - + Nề nếp học tập theo nhóm trong giờ học.
 - + Nề nếp truy bài đầu giờ
 - + Nề nếp đi học đúng giờ
 - + Nề nếp tự quản trong học tập và trong các hoạt động đội, sao.
 - + Nề nếp đôi bạn cùng tiến và phong trào bông hoa điểm 10.
- GV luôn tạo điều kiện cho HS trong lớp, trong trường tự đánh giá lẫn nhau để từ đó các em thấy được những việc làm đúng và việc làm chưa đúng, những điều mình cần phải học tập bạn để phát huy và khắc phục.
- GV cần tận dụng hết không gian của lớp học để chúng trở thành nơi có môi trường thân thiện nhất đối với trẻ như màu sắc, hình ảnh phải sống động và hướng tới mục đích phục vụ các nhu cầu học tập và hoạt động giáo dục của HS. Tất cả không gian trong và ngoài lớp học đều hỗ trợ quá trình học tập rất rõ nét: những câu tục ngữ, từ vựng, những bài văn hay, bài viết đẹp, sản phẩm khéo tay của HS đều mang tính giáo dục và tính thẩm mỹ cao. Xây dựng 10 bước học tập là cái không thể thiếu trong lớp học VNEN, nó được treo ở nơi mà học sinh dễ quan sát nhất vì nó là vấn đề trọng tâm mà các em vận dụng hằng ngày trong học tập theo mô hình trường học mới.
- Mỗi tuần 1 tiết sinh hoạt nên GV không được cắt xén thời gian hay sử dụng không đúng mục đích mà tiến hành tiết sinh hoạt theo đúng quy trình để rèn cho các em tính phê bình và tự phê bình. Ngoài ra còn rèn cho HS khả năng giao tiếp, diễn đạt trước tập thể. Mọi HS có quyền được đóng góp ý kiến từ đó thấy được những việc làm tốt và việc làm chưa tốt để có hướng khắc phục.

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Rà soát sĩ số HS trong các lớp học VNEN, nếu sĩ số lớp đông HT tham mưu mở rộng quy mô lớp học, chỉ đạo tăng cường không gian lớp, bổ sung thêm vật tư, thiết bị, đồ dùng dạy và học.

- GV phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền để mọi HS, CMHS đều hiểu ý nghĩa trong công tác tổ chức quản lý các hoạt động học tập, giáo dục theo mô hình VNEN.

- Xây dựng mối quan hệ GV -HS, HS-HS ngày càng thân thiện, gần gũi. Biết chia sẻ yêu thương đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ

- Kiến toàn bộ máy HĐTQHS ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt công tác dân chủ trong lớp học, tạo mọi cơ hội cho mọi HS trong lớp đều được tham gia luân phiên.

- Nhà trường cần nhận được sự đồng thuận của các cơ quan đoàn thể, tổ chức tại địa phương cùng phối hợp tổ chức các hoạt động của cả hai bên.

3.2.6. Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý mô hình trường tiểu học mới

3.2.6.1. Mục tiêu của biện pháp

Nhằm nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, GV, CMHS và các lực lượng xã hội về sự phối hợp trong mô hình trường học VNEN là rất quan trọng và cần thiết, phù hợp với điều kiện trong giai đoạn hiện nay.

Giúp nhà trường huy động các nguồn lực, tranh thủ sự hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của cộng đồng xã hội.

3.2.6.2. Nội dung thực hiện biện pháp

BGH nhà trường chủ động báo cáo tình hình dạy học theo mô hình trường học mới với lãnh đạo chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị trên địa bàn, tranh thủ các ý kiến đóng góp cũng như sự ủng hộ của địa phương về vật chất, tinh thần.

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp , tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường về tầm quan trọng của việc phối hợp giáo dục.

Tham mưu chính quyền địa phương chỉ đạo các thôn , xóm, tổ dân phố tăng cường công tác tuyên truyền về mô hình trường học mới.

BGH nhà trường phối hợp với Ban đại diện CMHS nhà trường , hội khuyến học, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường vận động PHHS tích cực hưởng ứng mô hình dạy học mới, nâng cao nhận thức và phối kết hợp với GV trong công tác giáo dục, dạy dỗ thế hệ trẻ.

3.2.6.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Ngay từ đầu năm học, nhà trường tổ chức cuộc họp phối hợp liên tịch giữa đại diện nhà trường, đại diện hội cha mẹ HS các khối lớp, hội khuyến học. Trên cơ sở đó, nhà trường báo cáo kế hoạch dự kiến, thực trạng cơ sở vật chất nhà trường, những yêu cầu của nội dung dạy học theo mô hình trường học mới, lợi ích và những kết quả mong muốn... qua đó tiến hành thảo luận tìm ra các giải pháp hỗ trợ. Lãnh đạo nhà trường, ban đại diện CMHS, hội Khuyến học, lãnh đạo địa phương cùng ký kết biên bản ghi nhớ, cam kết cùng với nhà trường tham gia kiểm tra, đánh giá, đôn đốc HS chuẩn bị bài, học bài đáp ứng yêu cầu của mô hình trường học mới.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các kết quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, qua đó có các biện pháp điều chỉnh hợp lý giúp nhà trường đạt được các mục tiêu đề ra.

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

CBQL, GV trong các trường phải thực sự tâm huyết, có kế hoạch tổ chức hoạt động phối hợp ngay từ đầu năm học và thường xuyên đôn đốc nhắc nhở lãnh đạo chính quyền địa phương quan tâm hỗ trợ.

Đại diện hội CMHS, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường cùng với đội ngũ GV tích cực hưởng ứng các hoạt động, hỗ trợ nhà trường trong việc cổ vũ, tuyên truyền đến tất cả PHHS có con học tập theo mô hình trường học mới.

Gia đình HS cần chủ động phối hợp với GVCN, nhà trường để nắm vững mục tiêu, nội dung giáo dục ; Tham gia cùng với nhà trường tổ chức các hoạt động TNST, hoạt động NGLL, hoạt động ngoại khóa để động viên về tinh thần, tình cảm, trao đổi về kinh nghiệm , nắm được năng lực , phẩm chất và kết quả học tập của con em mình và giúp đỡ GV trong việc giáo dục con em.

3.2.7. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nhà trường để xây dựng CSVC , các điều kiện phục vụ dạy học đáp ứng yêu cầu mô hình trường tiểu học mới

3.2.7.1. Mục tiêu của biện pháp

Nhằm phát huy mọi tiềm năng về vật chất và tinh thần phục vụ cho việc xây dựng mô hình trường học VNEN, đáp ứng với yêu cầu giáo dục trong tình hình mới.

Sử dụng có hiệu quả CSVC, trang thiết bị dạy học hiện có, đồng thời kết hợp cải tiến với mua sắm, xây dựng và trang bị theo hướng đổi mới sẽ nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

3.2.7.2. Nội dung thực hiện biện pháp

Tăng cường công tác quản lý, khai thác CSVC, trang thiết bị dạy học hiện có trong các trường TH hiện nay.

Thường xuyên rà soát CSVC nhà trường, thống kê đồ dùng dạy học có thể phục vụ cho việc dạy học theo mô hình trường học mới, báo cáo cụ thể với phòng GD&ĐT, UBND huyện Hiệp Hòa, công khai cụ thể với hội phụ huynh và các tổ chức trong, ngoài nhà trường để tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ của cấp trên và cộng đồng xã hội.

Tích cực tham mưu xây mới phòng học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa trường lớp. Cải tiến phòng học về diện tích, không gian để phù hợp với việc tổ chức các hoạt động dạy học theo mô hình trường học mới. Tổ chức rà soát, cải tổ, sửa chữa lại các phòng học cũ, trang trí các phòng học cho phù hợp với mô hình dạy học mới.

Mua sắm, bổ sung nguồn tài liệu tham khảo và tài liệu dạy học theo mô hình trường học mới. Chỉ đạo đội ngũ GV các khối lớp nghiên cứu nội dung, chương trình dạy học từ đó đề xuất hệ thống tài liệu tham khảo, trang thiết bị dạy học cần thiết trên tất cả các lĩnh vực.

Ngay từ đầu năm học, HT cần xây dựng chi tiết kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí nhà trường cho việc đầu tư CSVC, mua sắm trang TBDH, tài liệu tham khảo cho GV để đáp ứng yêu cầu của trường học VNEN.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tranh thủ sự quan tâm, ủng hộ của PHHS và các tổ chức xã hội trong việc xây dựng CSVC, trang TBDH phục vụ mô hình trường học mới

Phát triển thư viện nhà trường theo hướng hiện đại hóa, thư viện vừa là nơi lưu trữ nguồn tài liệu tham khảo quý giá, vừa là nơi để thầy và trò tham gia nghiên cứu, từng bước nâng cao văn hóa đọc trong cán bộ, GV, HS trong nhà trường. Từng bước nâng cấp, trang bị máy vi tính có kết nối mạng trong thư viện trường, HS có cơ hội tiếp cận kho tư liệu quý giá trên mạng internet, có cơ hội tiếp xúc, thực hành tin học, đồng thời cán bộ, GV vẫn có thể quản lý nội dung học tập của học sinh.

Xây dựng cảnh quan trong nhà trường ngày càng khang trang, xanh - sạch - đẹp, tạo môi trường học đường phát triển tốt nhất cho các hoạt động học tập, sinh hoạt vui chơi của học sinh.

Xây dựng website của nhà trường, trang thông tin giới thiệu về nhà trường, vừa là nơi truyền tải các nội dung, thông tin về hoạt động dạy và học đến tất cả GV, PHHS và HS. Qua đó, PHHS nắm được những hoạt động học tập của con em mình cũng như kết quả học tập qua mỗi học kỳ, năm học.

3.2.7.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Thường xuyên phát động phong trào thi đua xây dựng trang trí trường lớp thân thiện qua các chủ điểm thi đua hàng tháng.

Củng cố CSVC, sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học hiện có. Phát động

manh mẽ phong trào tự làm đồ dùng dạy học trong toàn thể cán bộ, GV và HS, thực hiện phong trào này sẽ góp phần nâng cao số lượng đồ dùng dạy học, các đồ dùng thiết thực với từng buổi dạy của GV, đồng thời phát huy khả năng sáng tạo của GV và HS.

Thường xuyên kiểm tra CSVC , việc sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp của GV . Cuối năm học tổ chức kiểm tra việc quản lý , kiểm kê tài sản nhà trường , thiết bị dạy học để có kế hoạch nâng cấp , sửa chữa và mua sắm kịp thời .

3.2.7.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Phải có sự quan tâm tích cực của các cấp chính quyền đối với việc xây dựng trường lớp, tạo điều kiện về diện tích , mặt bằng đảm bảo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia như Bộ GD & ĐT quy định.

Để tổ chức thực hiện tốt nội dung này , nhà trường cần chú trọng làm tốt công tác tham mưu các cấp lãnh đạotuyên truyền vận động các tổ chức xã hội hiểu rõ vai trò của giáo dục và tự nguyện tham gia vào kế hoạch chung của nhà trường

Thông nhất những quy định giáo dục giữa nhà trường và xã hội.

Thông nhất những hoạt động ở công đồng để HS tham gia sinh hoạt tại địa phương như: bàn giao HS về địa phương khi nghỉ hè, tham gia vào các hoạt động trại hè, khu vui chơi, bảo vệ môi trường...

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp trong quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Các biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại và hỗ trợ nhau cùng phát triển, mỗi biện pháp có thể mạnh và vị trí cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý.

Trong đó biện pháp *Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cộng đồng về mô hình trường tiểu học mới* là nền tảng cho việc triển khai hiệu quả các biện pháp khác. Có nhận thức đúng thì hành động mới đúng. Nhận thức, ý thức định hướng, soi sáng cho hành động, nhận

thức sâu sắc sẽ giúp nâng cao trách nhiệm và hành động thực tiễn đạt hiệu quả tốt. Biện pháp này có ý nghĩa tiên quyết, tạo tiền đề thực hiện hiệu quả các biện pháp khác.

Biện pháp *Tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GV đáp ứng theo mô hình trường tiểu học mới* là biện pháp then chốt và là động lực dẫn đến thành công quản lý mô hình trường tiểu học mới. Đảm bảo cho GV mỗi nhà trường có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất nghề nghiệp tham gia tổ chức, giảng dạy theo mô hình trường tiểu học mới đạt chất lượng và hiệu quả cao, là biện pháp tác động trực tiếp đến nhận thức và năng lực của GV và HS trong quá trình thực hiện hoạt động.

Biện pháp *Chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn trong trường, cụm trường theo hướng nghiên cứu bài học* có tính chất hỗ trợ cho các biện pháp tạo nên cấu trúc quan hệ tốt giữa các biện pháp.

Biện pháp *Đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên theo định hướng phát triển năng lực học sinh* có ý nghĩa toàn diện nhằm đảm bảo cho quản lý mô hình trường học mới đạt chất lượng như mong đợi.

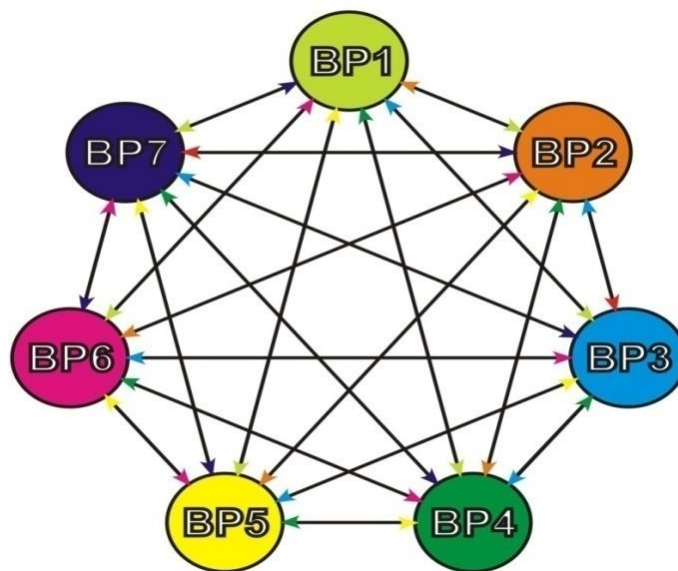
Biện pháp *Đổi mới cách thức tổ chức hoạt động học tập, giáo dục của học sinh theo định hướng phát triển năng lực* là biện pháp trọng tâm, có vai trò xác định con đường, mục tiêu, biện pháp, cách thức đạt mục tiêu học tập của học sinh trong quá trình quản lý mô hình trường tiểu học mới.

Biện pháp *Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý mô hình trường tiểu học mới* có ý nghĩa quan trọng góp phần thực hiện thành công quản lý mô hình trường tiểu học mới.

Biện pháp *Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nhà trường để xây dựng CSVN, các điều kiện phục vụ dạy học đáp ứng yêu cầu mô hình trường tiểu học mới* là tiền đề tiên quyết góp phần thực hiện thành công quản lý mô hình trường tiểu học mới.

Mỗi biện pháp đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, không có biện pháp nào là tối ưu cả. Do đó, trong quá trình quản lý mô hình trường tiểu học mới

phải thực hiện một cách linh hoạt các biện pháp trên. Các biện pháp vừa là tiền đề vừa là kết quả của nhau trong suốt quá trình quản lý. Việc triển khai thực hiện các biện pháp trên giúp nhà trường đạt chất lượng cao trong quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.



Biểu đồ 3.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Theo kết quả phân tích, mỗi biện pháp đều có vị trí, tầm quan trọng và phạm vi tác động nhất định đến quản lý mô hình trường tiểu học mới ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Mỗi biện pháp là thành phần của một thể thống nhất, quan hệ hữu cơ với nhau thúc đẩy hiệu quả, chất lượng. Nếu bị đứng độc lập chúng sẽ bị hạn chế không thể phát huy tối đa tác dụng.

3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp

Nhằm xác định tính hợp lý, cấp thiết và khả thi của các biện pháp. Tác giả đã tiến hành lấy ý kiến của 114 đối tượng là CBQL, giáo viên trong 5 trường tiểu học ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Mỗi biện pháp được đánh giá ở 3 mức độ:

- Tính cấp thiết: Rất cần thiết; Cần thiết; Ít cần thiết
- Tính khả thi: Rất khả thi; Khả thi; Ít khả thi

Kết quả thu được thể hiện qua bảng 3.1 và 3.2 sau đây:

Bảng 3.1. Tổng hợp khảo sát mức độ cấp thiết của các biện pháp quản lý

TT	Tên biện pháp	Tính cấp thiết						Thứ bậc
		Rất cần thiết		Cần thiết		Ít cần thiết		
		SL	%	SL	%	SL	%	
1	Biện pháp 1	90	78.9	14	12.3	10	8.7	1
2	Biện pháp 2	87	76.3	17	14.9	10	8.7	3
3	Biện pháp 3	89	78.0	20	17.5	5	4.5	2
4	Biện pháp 4	80	70.1	24	21.1	10	8.7	5
5	Biện pháp 5	83	72.8	17	14.9	14	12.3	4
6	Biện pháp 6	76	66.7	24	21.1	14	12.3	6
7	Biện pháp 7	70	61.7	34	29.8	10	8.7	7

Từ kết quả số liệu trong bảng 3.1 cho thấy 7 biện pháp đều rất cần thiết với công tác quản lý mô hình trường tiểu học mới của nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Biện pháp 1 xếp thứ bậc 1, nhận được 91.2% ý kiến đánh giá rất cần thiết và cần thiết, đa số CBQL, giáo viên nhà trường coi đây là biện pháp trước mắt và lâu dài cần phải thực hiện thường xuyên trong quản lý mô hình trường tiểu học mới. Có một số ý kiến cho rằng để thực hiện tốt hơn biện pháp này cần phải có thời gian, sự quyết tâm nhất trí cao của tập thể sư phạm nhà trường.

Biện pháp 2 xếp thứ bậc 3 có 76.3% ý kiến cho rằng rất cần thiết, 14.9% cần thiết và 8.7% ít cần thiết.

Biện pháp 3 xếp thứ bậc 2 nhận được 78.0% ý kiến đánh giá rất cần thiết của CBQL và giáo viên, điều đó cho thấy nhu cầu được học tập, nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên là rất lớn mà nhà trường cần phải quan tâm hơn nữa.

Biện pháp 4 xếp ở vị trí thứ 5 với 70.1% ý kiến đánh giá rất cần thiết; 21.1% cần thiết và 8.7% ít cần thiết do biện pháp này trong một số năm gần đây được nhà trường triển khai và áp dụng khá hiệu quả.

Biện pháp 5 xếp ở vị trí thứ 4 với 72.8% ý kiến đánh giá cần thiết; 14.9% ý kiến đánh giá ; 12.3% ý kiến đánh giá ít cần thiết.

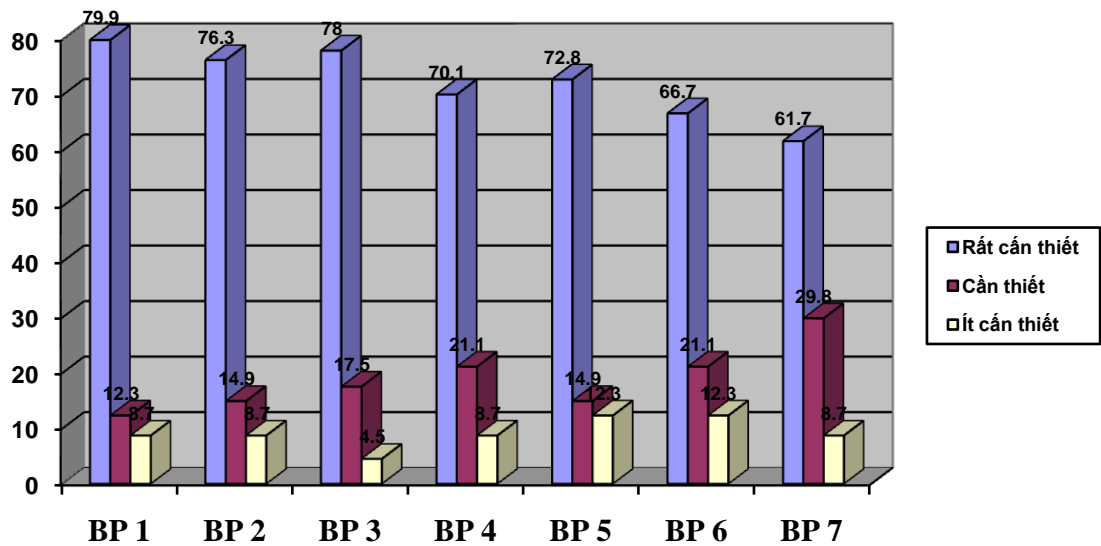
Biện pháp 6 xếp vị trí thứ 6, có 66.7% ý kiến đánh giá rất cần thiết cho thấy đây là biện pháp rất cần được quan tâm đầu tư của nhà trường.

Biện pháp 7 xếp ở vị trí 7 với 61.7% ý kiến cho rằng rất cần thiết.

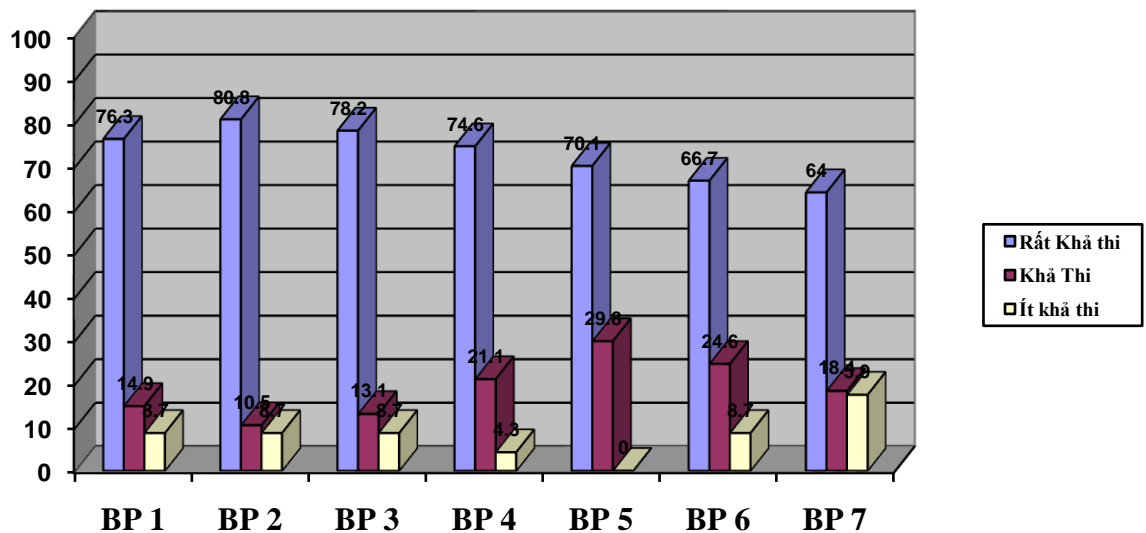
Bảng 3.2. Tổng hợp khảo sát tính khả thi của các biện pháp quản lý

TT	Tên biện pháp	Tính khả thi						Thứ bậc
		Rất khả thi		Khả thi		Ít khả thi		
		SL	%	SL	%	SL	%	
1	Biện pháp 1	87	76.3	17	14.9	10	8.7	3
2	Biện pháp 2	92	80.8	12	10.5	10	8.7	1
3	Biện pháp 3	89	78.2	15	13.1	10	8.7	2
4	Biện pháp 4	85	74.6	24	21.1	5	4.3	4
5	Biện pháp 5	80	70.1	34	29.8	0	0	5
6	Biện pháp 6	76	66.7	28	24.6	10	8.7	6
7	Biện pháp 7	73	64.0	21	18.4	20	17.5	7

Kết quả xếp hạng thứ bậc của khảo sát đánh giá tính khả thi các biện pháp quản lý ở bảng 3.2 có sự chênh lệch so với tính cấp thiết các biện pháp đưa ra. Sự khác biệt đó là tất yếu, khách quan bởi các đối tượng có vị trí công tác khác nhau, trình độ cũng không đồng đều, cho nên khi phân tích lý giải cũng theo ý kiến chủ quan của mình. Mặt khác, những biện pháp là vô cùng cấp thiết song không phải giải quyết được trong một sớm một chiều mà còn cần sự kết hợp của nhiều lực lượng, sự quan tâm của cấp lãnh đạo về cơ chế và đầu tư cho giáo dục. Tuy nhiên theo ý kiến của CBQL, GV các biện pháp đưa ra với mục đích, nội dung và cách thức thực hiện khá rõ ràng, cụ thể nên mức độ khả thi của các biện pháp được đánh giá mức độ khả thi của các biện pháp khả quan hơn.



Biểu đồ 3.2. Biểu đồ kết quả khảo sát tính cần thiết của các biện pháp



Biểu đồ 3.3. Biểu đồ kết quả khảo sát tính khả thi của các biện pháp

Như vậy: Những biện pháp trong quản lý mô hình trường tiểu học mới đề xuất đã được đa số CBQL, giáo viên tham gia trưng cầu ý kiến tán thành và cho rằng cần thiết, có thể thực hiện được.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở lý luận về mô hình trường tiểu học mới ; căn cứ thực trạng cơ sở vật chất , đội ngũ GV trong các trường TH , thực trạng mô hình trường tiểu học mới và quản lý hoạt động theo mô hình trường tiểu học mới trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, tác giả đã đề xuất 7 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý theo mô hình trường học mới (VNEN).

Các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý mô hình trường tiểu học mới trong giai đoạn hiện nay. Mỗi biện pháp có một mục tiêu, nội dung, cách thức và điều kiện thực hiện. Các biện pháp là một hệ thống đồng bộ, trong đó mỗi biện pháp vừa có giá trị tương đối độc lập, vừa có tính tương hỗ mật thiết với các biện pháp khác. Nhà quản lý phải linh hoạt vận dụng và phát huy được thế mạnh của các biện pháp trong quá trình quản lý mô hình trường tiểu học mới để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện của đơn vị mình.

Kết quả khảo nghiệm đánh giá về 7 biện pháp đã đề xuất cho thấy sự thống nhất cao về mức độ cần thiết và khả thi của 7 biện pháp này.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Mô hình trường học mới (VNEN) đã thổi một luồng gió mới cho hệ thống giáo dục tiểu học tại Việt Nam. Chúng ta đang thực hiện Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và mô hình VNEN là một trong những đóng góp quan trọng, làm tường minh nội dung đổi mới, đặc biệt là đổi mới PPDH. Việc nghiên cứu một cách hệ thống các lý luận về quản lý , mô hình, trường tiểu học , mô hình trường tiểu học , quản lý mô hình trường tiểu học và đặc biệt là thực hiện phép so sánh để làm nổi bật sự giống nhau và khác nhau giữa trường học truyền thống và mô hình trường học mới (VNEN) đã giúp tác giả làm rõ các nội dung và yêu cầu của quản lý hoạt động dạy học theo mô hình VNEN. Từ các nội dung và yêu cầu quản lý hoạt động dạy học cho thấy người Hiệu trưởng cần phải thay đổi tư duy và phương pháp quản lý để phát huy được tính tích cực chủ động sáng tạo của HS, phát huy được ưu điểm của mô hình dạy học lấy HS làm trung tâm để phát triển toàn diện cả về năng lực và phẩm chất của người học. Tuy nhiên cũng có nhiều thách thức đặt ra khi chuyển sang mô hình VNEN như sĩ số lớp không quá đông , đội ngũ GV nắm vững các PPDH mới, hình thức tổ chức học tập phải phong phú đa dạng, CMHS phải thường xuyên tham gia vào các hoạt động giáo dục.

Qua khảo sát điều tra thực trạng tại 5 đơn vị trường cho thấy Hiệu trưởng và đội ngũ cán bộ GV đã nhận thức được đầy đủ về mô hình VNEN, công tác xây dựng kế hoạch dạy học thực hiện rất tốt, phương thức sư phạm đã bắt đầu chuyển đổi, hoạt động quản lý đã tiếp cận theo mô hình VNEN . Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như năng lực của GV về đổi mới PPDH , các hình thức tổ chức hoạt động học chủ yếu diễn ra trong lớp học, công tác phối kết hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội chưa diễn ra thường xuyên liên tục, ...

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản lý mô hình trường tiểu học mới trên địa bàn huyện Hiệp Hòa , tỉnh Bắc Giang tác giả nhận thấy cần thực hiện biện pháp tiên quyết đó là thay đổi tư duy của các CBQL nhà trường. Sử

dụng phương pháp quản lý hiện đại thay cho các phương pháp đã lỗi thời cũ kỹ, tiếp theo tác giả đề xuất các biện pháp tập trung vào tăng cường bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên giảng dạy theo mô hình VNEN, đổi mới PPDH cho GV, tổ chức hoạt động học của HS, đổi mới KT- ĐG kết quả học tập, nâng cao năng lực tự quản của HĐTQHS kết hợp với biện pháp hỗ trợ là đổi mới cách thức phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội. Tác giả cũng đồng thời chỉ ra được để áp dụng thành công mô hình VNEN thì người GV và CBQL nhà trường phải là ngọn cờ đầu và phải được tập trung đầu tư cao nhất, điều này hoàn toàn trùng hợp với nhận định của hầu hết các nhà nghiên cứu, chuyên gia quản lý giáo dục trong các hội thảo khoa học về đổi mới giáo dục gần đây. Các biện pháp tác giả đề xuất đã được khảo nghiệm và nhận được sự đồng tình của đông đảo CBQL và GV, giá thuyết khoa học mà tác giả nêu ra ở phần cơ sở lý luận đã được chứng minh.

2. Khuyến nghị

2.1. Với Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Giang

Có những biện pháp tích cực đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để huy động mọi lực lượng tham gia hỗ trợ cho giáo dục tiểu học.

Thường xuyên làm công tác quy hoạch đội ngũ CBQL giáo dục, tạo điều kiện cho các CB nguồn đi học các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý nhằm đáp ứng các yêu cầu quản lý tại các trường tiểu học theo mô hình THM.

2.2. Với UBND huyện Hiệp Hòa

Phê duyệt KHGD của Phòng GD&ĐT về thực hiện giáo dục bậc tiểu học theo mô hình trường học mới (VNEN).

Hỗ trợ nguồn ngân sách để triển khai có hiệu quả mô hình trường học mới ở các trường tiểu học.

2.3. Với Phòng GD&ĐT huyện Hiệp Hòa

Xây dựng kế hoạch cụ thể tham mưu với UBND huyện về thực hiện dạy học theo mô hình trường học mới nêu rõ những khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện để tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp.

Có kế hoạch hướng dẫn cụ thể, kịp thời các trường TH, để các nhà trường triển khai kịp thời, đồng bộ đến tất cả GV, CMHS, học sinh và công đồng

2.4. Với Hiệu trưởng các trường tiểu học đang áp dụng theo mô hình VNEN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa

Không ngừng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là nghiệp vụ quản lý giáo dục để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Triển khai, đôn đốc, kiểm tra GV, TCM; Phê duyệt kế hoạch hoạt động của TCM; Xây dựng kế hoạch năm học

Tổ chức cho CBQL, GV tham gia góp ý tài liệu của mô hình trường tiểu học mới và phản ánh kịp thời về PGD.

Tạo điều kiện và cơ hội cho đội ngũ CB, GV trong nhà trường bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên.

2.5. Đối với đội ngũ giáo viên dạy học theo mô hình VNEN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa

Tích cực tham gia đầy đủ, có hiệu quả các đợt tập huấn bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn về mô hình trường tiểu học mới do SGD & ĐT Bắc Giang, Phòng GD & ĐT Hiệp Hòa tổ chức.

Tự tìm tòi, học hỏi, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu dạy học mô hình trường học mới hiện nay.

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học.

Tăng cường trao đổi chuyên môn nghiệp vụ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo điện tử Vietnamnet.vn (2015), “*Giáo sư nước ngoài nói gì về lớp học có chủ tịch hội đồng tự quản*” đăng ngày 22/07/2015, chuyên mục Giáo dục.
2. Báo điện tử bao tin tuc.vn (2013), “*Hiệu quả từ mô hình trường học mới*” đăng ngày 16/09/2013, chuyên mục giáo dục.
3. Đặng Quốc Bảo (1997), *Một số khái niệm về quản lý giáo dục*, Trường cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo, Hà Nội.
4. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đặng Bá Lãm, Phạm Quang Sáng, Bùi Đức Thiện (2010), *Đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới tại Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam lớp 4 - tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các trường thực hiện mô hình trường học mới tại Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ trường Tiểu học* (Ban hành kèm theo thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư sửa đổi Điều lệ trường tiểu học* (Số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Dự thảo Điều lệ trường tiểu học*.
11. Chỉ thị số 06 - CT/TW ngày 7 tháng 11 năm 2006 của Bộ Chính trị về cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”.
12. Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ về *Chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, các cơ sở giáo dục đại học toàn quốc tập trung triển khai cuộc vận động “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”*.

13. *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020* (2011), NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Nguyễn Đức Chính (2004), *Đo lường, đánh giá kết quả học tập của học sinh*, Tài liệu giảng dạy, Khoa sư phạm, ĐHQG Hà Nội.
15. Chương trình VVOB Việt Nam (2010), *Huy động sự tham gia của gia đình và cộng đồng trong việc hỗ trợ trẻ em học tập tích cực* (cẩm nang truyền thông).
16. Nghị quyết 29/NQ/TW ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Ban chấp hành Trung Ương Đảng khóa XI.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*.
18. Nguyễn Văn Giao (chủ biên) (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
19. Trần Ngọc Giao (2008), *Vấn đề giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục*, Tập bài giảng bồi dưỡng cán bộ quản lý các trường đại học, Học viện quản lý giáo dục.
20. Giselle O.Martin-Kniep (2013), *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi*, NXB Giáo dục Việt Nam.
21. Phạm Minh Hạc (1998), *Một số vấn đề về quản lý giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
22. Trần Kiểm (2002), *Khoa học quản lý nhà trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
23. Koontz H, O donnell C, Weihrich H (1999), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội..
24. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Quốc Chí (2002), *Lý luận đại cương về quản lý*, Tập bài giảng khoa sư phạm, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
25. *Luật Giáo dục* (2009), NXB Giáo dục, Hà Nội.

26. Pam Robbins Harvy B.Alvy (2004), *Cẩm nang dành cho Hiệu trưởng chiến lược và lời khuyên thực tế giúp công việc hiệu quả hơn*, NXB Chính trị Quốc gia.
27. Nguyễn Ngọc Quang (1998), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục*, Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo, Hà Nội.
28. Robert J.Marzanno (2013), *Nghệ thuật và Khoa học Dạy học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
29. *Từ điển Bách khoa* (2011), NXB Từ điển Bách khoa.
30. *Từ điển Tiếng Việt* (1992), NXB Khoa học xã hội.
31. Thái Duy Tuyên (1998), *Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho CBQL, giáo viên trường TH theo mô hình VNEN)

Để có cơ sở khoa học và thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng quản lý mô hình VNEN trong các trường TH ở huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang, góp phần đổi mới công tác quản lý hoạt động trên của nhà trường trong giai đoạn hiện nay. Các Thầy/cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về một số vấn đề sau. Đánh dấu (✓) vào ô mà các thầy/cô cho là phù hợp nhất.

Câu 1: Thầy (cô) đánh giá như thế nào về mô hình trường tiểu học mới hiện nay?

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Mô hình trường học mới VNEN phát triển dựa trên quan điểm giáo dục định hướng năng lực người học, trong đó coi trọng giáo dục lấy HS làm trung tâm.			
2	Trong mô hình trường học mới VNEN hoạt động dạy học của GV chuyển thành học động học của HS.			
3	Trong mô hình trường học mới VNEN HS chuyển từ làm việc với GV thành làm việc với sách, có sự tương tác với các bạn) với GV khi cần thiết.			
4	Trong mô hình trường học mới có sự chuyển đổi rõ rệt về vai trò của GV so với mô hình dạy học truyền thống.			
5	Trong mô hình trường học mới việc kiểm tra, đánh giá HS được tiến hành vào đầu kỳ - giữa kỳ - cuối kỳ.			

Câu 2: Xin thầy (cô) vui lòng cho biết thầy/ cô đã được tham gia bồi dưỡng năng lực dạy học theo mô hình trường học mới ở các chuyên đề nào dưới đây?

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ		
		Thường xuyên	Bình thường	Chưa thường xuyên
1	Xây dựng môi trường học tập thân thiện trong mô hình trường học mới			
2	Điều chỉnh lôgô hướng dẫn các hoạt động kết hợp xây dựng hệ thống thống câu hỏi ba mức độ			
3	Tổ chức các hoạt động nâng cao vai trò của học sinh trong học nhóm của mô hình trường học mới			
4	Phát huy vai trò tự quản của học sinh trong giờ học theo mô hình trường học mới			
5	Rèn kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua các môn học, qua hoạt động ngoại khóa			
6	Kỹ năng sử dụng đồ dùng và phương tiện dạy học hiện đại trong mô hình trường học mới			
7	Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mô hình trường học mới			
8	Kỹ năng phối kết hợp với CMHS để đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới			

Câu 3: Xin thầy (cô) vui lòng cho biết hình thức bồi dưỡng năng lực dạy học theo mô hình trường học mới cho giáo viên tiểu học hiện nay?

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ		
		Thường xuyên	Bình thường	Chưa thường xuyên
1	Bồi dưỡng bằng hình thức tự học của giáo viên kết hợp với các sinh hoạt tập thể về chuyên môn.			
2	Bồi dưỡng bằng hình thức tập trung theo lớp - bài.			
3	Bồi dưỡng bằng hình thức học tập từ xa (qua mạng Internet).			

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ		
		Thường xuyên	Bình thường	Chưa thường xuyên
4	Bồi dưỡng thông qua kèm cặp trong công việc, tại nơi làm việc			
5	Tự bồi dưỡng			
6	Thăm quan học tập trường bạn/ lớp bạn (thực tế)			
7	Hội thảo chuyên đề			

Câu 4: Thầy (cô) đánh giá mức độ cải thiện năng lực dạy học theo mô hình trường học mới sau khi tham gia bồi dưỡng như thế nào?

TT	Nội dung	MỨC ĐỘ		
		Cải thiện tốt	Cải thiện	Không cải thiện
1	Năng lực thiết kế bài dạy theo Tài liệu hướng dẫn học trong mô hình trường học mới.			
2	Dạy học theo chuẩn kiến thức - kỹ năng các môn học và các hoạt động giáo dục trong mô hình trường học mới.			
3	Kỹ năng sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính chủ động và sáng tạo, phát triển năng lực của học sinh theo mô hình trường học mới.			
4	Kỹ năng tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới			
5	Năng lực đánh giá quá trình học tập của học sinh theo mô hình trường học mới.			
6	Huy động sự tham gia của cộng đồng theo mô hình trường học mới			
7	Hội thảo chuyên đề			

Câu 5: Thầy (cô) đánh giá mức độ thực hiện nội dung giảng dạy, các khâu lên lớp của giáo viên theo mô hình VNEN hiện nay như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	GV thực hiện đúng quy chế, nề nếp dạy học.			
2	Tổ chức dạy học theo mô hình VNEN, bầu hội đồng tự quản và các thành viên.			
3	Sử dụng phương pháp và hình thức dạy học hiện đại.			
4	Hỗ trợ học sinh tham gia thảo luận, thực hành.			
5	Khuyến khích học sinh từng bước vận dụng kiến thức được học vào thực tiễn.			
6	Khai thác đồ dùng dạy học triệt để.			
7	GV đảm bảo quy trình 5 bước tổ chức hoạt động dạy học.			

Câu 6: Theo thầy (cô) mức độ thực hiện hoạt động học tập của học sinh theo mô hình VNEN hiện nay như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	HS tự chuẩn bị bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên.			
2	HS thực hiện nghiêm túc nề nếp học tập.			
3	HS tham gia các hoạt động trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên.			
4	HS thực hiện đánh giá kết quả học tập cùng GV.			
5	HS đối chiếu và tự nhận xét kết quả bài học.			
6	HS thực hiện đầy đủ 10 bước học tập theo quy định.			

Câu 7: Theo thầy (cô) mức độ thực thực hiện mục tiêu , chương trình giáo dục theo mô hình VNEN hiện nay như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Nhận thức của CBQL, GV về mục tiêu và nội dung chương trình giáo dục theo mô hình VNEN.			
2	Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để thống nhất với TCM và GV trong việc lựa chọn PPDH mới nhằm đáp ứng mục tiêu và nội dung dạy học theo mô hình VNEN.			
3	Chỉ đạo TCM phân công GV chuẩn bị nội dung dạy học đáp ứng mục tiêu đề ra.			
4	Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình dạy học.			

Câu 8: Theo thầy (cô), việc Thực trạng thực hiện kế hoạch dạy học theo mô hình VNEN thực hiện ở mức độ nào sau đây?

TT	Nội dung	Mức độ hiệu quả		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Thành lập Ban Tổ chức, xây dựng chương trình tập huấn triển khai kế hoạch của cấp trên			
2	Xây dựng kế hoạch xác định rõ các mục tiêu, xây dựng biện pháp thực hiện có tính cần thiết và khả thi.			
3	Tổ chức huy động tối đa các nguồn lực và phân công nhiệm vụ hợp lý cho các đối tượng tham gia xây dựng kế hoạch của Nhà trường.			
4	Phổ biến công khai kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch trong nhà trường.			

Câu 9: Thầy (cô) đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện quản lý hoạt động dạy học của giáo viên theo mô hình VNEN hiện nay?

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Quy hoạch, tuyển chọn GV tham gia giảng dạy theo mô hình trường học mới.			
2	Phân công GV vào từng khối lớp và xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên.			
3	Phân công cán bộ theo dõi, kiểm tra đôn đốc hoạt động dạy học của GV nhà trường.			
4	Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ GV tham gia giảng dạy theo mô hình trường học mới.			
5	Tiến hành dự giờ, thăm lớp để có hướng dẫn cụ thể cho GV tham gia giảng dạy mô hình VNEN.			
6	Kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV thường xuyên, định kỳ.			

Câu 10: Thầy (cô) đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện quản lý hoạt động học tập của học sinh theo mô hình VNEN hiện nay?

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Hướng dẫn học sinh tự bầu ra Hội đồng tự quản.			
2	Xây dựng và phổ biến nội quy lớp học			
3	Tổ chức hoạt động học tập theo mô hình VNEN: Xây dựng góc học tập, hòm thư, thư viện, góc cộng đồng.			
4	Đôn đốc, kiểm tra, và hướng dẫn HS thực hiện quy trình 10 bước học tập.			
5	Tạo điều kiện để HS phát huy tính chủ động, tích cực trong học tập.			

Câu 11: Thầy (cô) đánh giá như thế nào về công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá theo mô hình VNEN nhà trường hiện nay?

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá đúng mục đích, yêu cầu.			
2	Phổ biến kế hoạch kiểm tra đánh giá, công khai các tiêu chí và kế hoạch kiểm tra đánh giá đến tất cả giáo viên.			
3	Tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá đột xuất, định kỳ.			
4	Nhận xét, đánh giá sau kiểm tra một cách công bằng và công khai.			
5	Tổ chức rút kinh nghiệm cụ thể về hoạt động dạy học của từng GV sau kiểm tra.			
6	Tổ chức khen thưởng và phê bình nhắc nhở kịp thời sau khi kiểm tra đánh giá.			

Câu 12: Theo thầy (cô) thực trạng các điều kiện phục vụ cho triển khai dạy học theo mô hình trường học mới của trường tiểu học như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		
		Đầy đủ	Bình thường	Chưa đầy đủ
1	Sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn, sách tham khảo dạy học theo mô hình VNEN.			
2	Phương tiện học tập, phòng thực hành, phòng đa năng			
3	Đồ dùng dạy học			
4	Máy tính, máy chiếu, loa đài, âm thanh.			

Câu 13: Theo thầy (cô) thực trạng mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng xã hội hiện nay?

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Đôi khi	Chưa khi nào
1	Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc giữa nhà trường với CMHS, GV - CMHS, Nhà trường với cộng đồng.			
2	Kêu gọi sự hỗ trợ về các điều kiện học tập, cơ sở vật chất từ CMHS, CĐXH			
3	Phối hợp tổ chức hoạt động giáo dục có sự tham gia của CMHS và CĐXH			

Câu 14: Theo thầy (cô) đánh giá như thế nào về mức độ ảnh hưởng đến quản lý mô hình trường tiểu học mới?

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		
		Ảnh hưởng	Bình thường	Không ảnh hưởng
1	Nhận thức của CBQL, giáo viên, CMHS và dư luận xã hội về tác dụng của của mô hình trường tiểu học mới trong hoạt động dạy học và giáo dục.			
2	Năng lực quản lý, điều hành của Hiệu trưởng			
4	Chế độ đãi ngộ với giáo viên, CBQL.			
5	Trình độ, năng lực của đội ngũ GV			
6	Sự phối hợp của các lực lượng giáo dục trong quá trình triển khai mô hình trường tiểu học mới.			
7	Hệ thống CSVC phục vụ cho công tác tự học của HS.			

Câu 15: Thầy cô cho biết ý kiến đánh giá về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý mô hình trường tiểu học mới

TT	Nội dung biện pháp	Đánh giá mức độ về tính cấp thiết			Đánh giá mức độ khả thi		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV, HS, PHHS và cộng đồng về mô hình trường tiểu học mới						
2	Tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GV đáp ứng theo mô hình trường tiểu học mới						
3	Chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn trong trường, cụm trường theo hướng nghiên cứu bài học						
4	Đổi mới phương pháp giảng dạy của GV theo định hướng phát triển năng lực HS						
5	Đổi mới cách thức tổ chức hoạt động học tập, giáo dục của HS theo định hướng phát triển năng lực						
6	Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý mô hình trường TH mới						
7	Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nhà trường để xây dựng CSVC, các điều kiện phục vụ dạy học đáp ứng yêu cầu mô hình trường TH mới						

Câu 16: Thầy/cô hãy đề xuất 1 biện pháp để nâng cao chất lượng quản lý mô hình trường tiểu học mới trong nhà trường tiểu học hiện nay?

.....
.....
.....
.....
.....

Thông tin cá nhân:

Họ và tên:

Đơn vị:

Chức vụ:.....

Xin trân trọng cảm ơn thầy (cô)!